Hội nghị đối thoại giữa Bộ Tài chính với người nộp thuế về chính sách, thủ tục hành chính thuế và hải quan năm 2025

Thời gian : Từ 8h00 đến 12h00, ngày 26/12/2025

Địa điểm : Trang thông tin điện tử Cục Thuế

Người nộp thuế: Ông Mạc Quốc Anh - Phó chủ tịch kiêm TTK Hiệp hội DN nhỏ và vừa HN-622-1
Địa chỉ: Hà Nội

chúng tôi kính đề nghị Quý Hiệp hội, Cục Thuế - Bộ tài chính, Cục Du lịch Quốc gia Việt nam và Các cơ quan quản lý Nhà nước xem xét và có văn bản kiến nghị gửi Chính phủ và Bộ Tài chính về việc điều chỉnh quy định liên quan đến thời điểm lập hóa đơn đối với ngành du lịch – lữ hành, cụ thể như sau: - Đề nghị bổ sung ngành du lịch – lữ hành vào nhóm ngành nghề được áp dụng cơ chế lập hóa đơn theo phương thức đối soát, tương tự như các ngành có tính chất cung ứng dịch vụ kéo dài và phát sinh thường xuyên đã được quy định tại Nghị định 70/2025/NĐ-CP. - Đề nghị cho phép doanh nghiệp du lịch lập hóa đơn trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày kết thúc tour hoặc sau khi thực hiện Thanh lý Hợp đồng với đối tác, coi đây là thời điểm kết thúc kỳ quy ước nhằm bảo đảm doanh nghiệp có đủ thời gian đối soát chi phí, tổng hợp dữ liệu và lập hóa đơn chính xác theo đúng bản chất giao dịch. - Đề nghị Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn thống nhất áp dụng cho toàn ngành du lịch – lữ hành, nhằm tránh sự khác biệt trong cách hiểu và cách áp dụng giữa các địa phương, đồng thời giảm thiểu rủi ro và gánh nặng tuân thủ và chi phí vận hành cho doanh nghiệp. Chúng tôi kính mong Cục Thuế - Bộ tài chính, Cục Du lịch Quốc gia Việt nam, Hiệp hội

Du lịch Việt Nam, Sở Du lịch thành phố Hà Nội và Các cơ quan quản lý Nhà nước liên quan xem xét, tổng hợp và kiến nghị lên Chính phủ và Bộ Tài chính để cơ quan quản lý có những điều chỉnh phù hợp với thực tiễn, tháo gỡ những khó khăn, tạo điều kiện cho doanh nghiệp du lịch thực hiện đúng quy định pháp luật, giảm bớt gánh nặng tuân thủ và nâng cao tính minh bạch trong quản lý thuế. Chúng tôi tin rằng việc tháo gỡ những vướng mắc này sẽ góp phần giúp toàn ngành du lịch vận hành thuận lợi hơn và phát triển bền vững trong thời gian tới. Xin trân trọng cảm ơn!

Trả lời:

Căn cứ Điều 4 và Điều 9 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP) quy định về nguyên tắc lập, quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ và thời điểm lập hóa đơn như sau:
“Điều 4. Nguyên tắc lập, quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ
1. Khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, người bán phải lập hóa đơn để giao cho người mua (bao gồm cả các trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động và tiêu dùng nội bộ (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất); xuất hàng hóa dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa) và các trường hợp lập hóa đơn theo quy định tại Điều 19 Nghị định này. Hóa đơn phải ghi đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 10 Nghị định này. Trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử phải theo định dạng chuẩn dữ liệu của cơ quan thuế theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.
Điều 9. Thời điểm lập hóa đơn
2. Thời điểm lập hóa đơn đối với cung cấp dịch vụ là thời điểm hoàn

thành việc cung cấp dịch vụ (bao gồm cả cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân nước ngoài) không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. Trường hợp người cung cấp dịch vụ có thu tiền trước hoặc trong khi cung cấp dịch vụ thì thời điểm lập hóa đơn là thời điểm thu tiền (không bao gồm trường hợp thu tiền đặt cọc hoặc tạm ứng để đảm bảo thực hiện hợp đồng cung cấp các dịch vụ: Kế toán, kiểm toán, tư vấn tài chính, thuế; thẩm định giá; khảo sát, thiết kế kỹ thuật; tư vấn giám sát; lập dự án đầu tư xây dựng).”
Trên thực tế đối với các tour du lịch được niêm yết giá và thỏa thuận với người mua khi ký hợp đồng và thông thường đều phải trả tiền trước khi dịch vụ được cung cấp, do đó việc lập hóa đơn theo nguyên tắc tại Điều 4 nêu trên. Đối với các trình bày trên là liên quan đến việc tập hợp chi phí đầu vào của doanh nghiệp. Do đó, đề nghị các Công ty thực hiện theo quy định về hóa đơn.

Người nộp thuế: Nguyễn Trường Nhựt - Trường Đại học Cửu Long-609-2
Địa chỉ: Vĩnh Long

Trường Đại học Cửu Long là đơn vị tư thục ngành nghề kinh doanh thuộc lĩnh vực giáo dục, hàng năm doanh thu của Trường phát sinh từ học phí, lệ phí… học tập của sinh viên, học viên. Ngoài ra nhà Trường còn có phát sinh khoản thu về “ở nội trú của sinh viên, học viên (tiền ký túc xá)” như vậy khoản thu này có phải kê khai và nộp thuế GTGT không? Nếu có xin Hội nghị cho xin thông tin văn bản để đơn vị thực hiện. Chân thành cảm ơn

Trả lời:

Căn cứ quy định tại khoản 13 Điều 5 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 quy định về đối tượng không chịu thuế GTGT, trong đó bao gồm hoạt động dạy học, dạy nghề theo quy định của pháp luật.
Căn cứ quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 về đối tượng không chịu thuế, trong đó quy định rõ trường hợp các cơ sở dạy học, dạy nghề có các khoản thu hộ, chi hộ thì thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.
Căn cứ các quy định trên, trường hợp Trường Đại học Cửu Long là cơ sở giáo dục được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, có phát sinh khoản thu từ dịch vụ cung cấp chỗ ở nội trú (ký túc xá) dành riêng cho sinh viên, học viên của Trường thì khoản thu này thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Trường Đại học Cửu Long không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT đối với doanh thu từ tiền ở nội trú của sinh viên, học viên.

Người nộp thuế: Công ty TNHH DL Hải Huy-605-3
Địa chỉ: Đà Nẵng

Bên Em làm bên lĩnh vực nhà hàng khách sạn. Theo như quy định phải xuất hóa đơn tại thời điểm phát sinh doanh thu. Tuy nhiên các dịch vụ kèm theo như bán hàng minibar, giặt ủi, vận chuyển,, ăn uống sẽ được phát sinh hàng ngày khi khách lưu trú, khách sử dụng xong ghi nhận theo ngày trên biên lai và khi checkout mới thanh toán và lấy hóa đơn 1 lần, như vậy có bị rơi vào trường hợp xuất sai thời điểm không? Vì có nhiều khách không muốn phải cộng từng hóa đơn lẻ lại mà chỉ dùng 1 hóa đơn cho tổng thời gian lưu trú

Trả lời:

Quy định về thời điểm lập hóa đơn hoạt động cung cấp dịch vụ tại Nghị định 70/2025/NĐ-CP:

2. Thời điểm lập hóa đơn đối với cung cấp dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung cấp dịch vụ (bao gồm cả cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân nước ngoài) không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. Trường hợp người cung cấp dịch vụ có thu tiền trước hoặc trong khi cung cấp dịch vụ thì thời điểm lập hóa đơn là thời điểm thu tiền (không bao gồm trường hợp thu tiền đặt cọc hoặc tạm ứng để đảm bảo thực hiện hợp đồng cung cấp các dịch vụ: Kế toán, kiểm toán, tư vấn tài chính, thuế; thẩm định giá; khảo sát, thiết kế kỹ thuật; tư vấn giám sát; lập dự án đầu tư xây dựng).”

Đối với hoạt động kinh doanh khách sạn, dịch vụ lưu trú và các dịch vụ phát sinh trong thời gian khách lưu trú (như ăn uống, minibar, giặt ủi, vận chuyển…) được cung cấp liên tục và chỉ xác định đầy đủ giá trị khi khách check-out. Doanh nghiệp thực hiện lập hóa đơn cho toàn bộ dịch vụ đã cung cấp tại thời điểm khách check out, phàn ánh đúng dịch vụ đã cung cấp trong toàn bộ thời gian lưu trú của khách hàng.

Người nộp thuế: Công ty CP Vận tải biển Hòa Phát-595-4
Địa chỉ: HCM

V/v: Kết quả hồ sơ nộp bảng khai người phụ thuộc 20-ĐK-TH-TCT trên cổng dịch vụ công thuế Trong khoảng thời gian từ ngày 26/11/2025 đến nay Công ty chúng tôi có thực hiện ký số nộp hồ sơ bảng khai người phụ thuộc 20-ĐK-TH-TCT trên cổng dịch vụ công thuế. Căn cứ thông báo Về việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế điện tử có thể hiện "kết quả cấp mã số thuế trong thời hạn 3 ngày làm việc". Cho đến thời điểm hiện tại (ngày 08/12/2025) Cổng dịch vụ công thuế vẫn chưa hiển thị kết quả cấp mã số thuế, vẫn đang ở trạng thái "Đang giải

quyết" Công ty chúng tôi đã rất cố gắng nổ lực liên hệ các số điện thoại (cụ thể: 028.377.02288 - 6; 028.377.02288 - 11; 028.377.02288 - 0;....) nhưng mọi nổ lực đều không có kết quả, Liên hệ cán bộ quản lý thuế trực tiếp thì Cán bộ thuế nói không có chức năng phân quyền ký số, ký điện tử lưu hành thông báo... Công ty chúng tôi tha thiết kính nhờ Cơ quan thuế hỗ trợ liên hệ hướng dẫn, hỗ trợ Thuế Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện công tác này để Công ty chúng tôi hoàn thành nghĩa vụ, trách nhiệm với người lao động. Tạo điều kiện cho người lao động an tâm công tác, lao động sản xuất kinh doanh. Các mã hồ sơ như sau: 000.701.18.G12-251205-27110000024160 000.701.18.G12-251203-27110000033217 000.701.18.G12-251203-27110000027586 000.701.18.G12-251203-27110000009031 000.701.18.G12-251203-27110000007228 000.701.18.G12-251203-27110000006470 000.701.18.G12-251202-27110000045429 000.701.18.G12-251202-27110000000628 000.701.18.G12-251201-27110000005102 000.701.18.G12-251201-27110000003921 000.701.18.G12-251201-27110000004923 000.701.18.G12-251201-27110000004889 000.701.18.G12-251201-27110000003850 000.701.18.G12-251126-27110000037095 000.701.18.G12-251126-27110000030071

Trả lời:

Cục Thuế đã phối hợp với Thuế TPHCM kiểm tra và trả kết quả cho doanh nghiệp. Hiện doanh nghiệp không còn vướng mắc.

Người nộp thuế: Công Ty TNHH Integral Materials Investment Việt Nam-591-5
Địa chỉ: Quảng Ninh

Doanh nghiệp (DN) hoạt động trong ngành đặc thù (cần đào tạo 2 năm, lao động thâm niên 8-10 năm) bị ảnh hưởng bởi chính sách kinh

tế quốc tế, dẫn đến không có đơn hàng (từ tháng 5/2025). Để giữ chân người lao động, DN đã tăng 10%-20% lương để đảm bảo thu nhập ổn định (dẫn đến chi phí lương tăng so với doanh thu). DN xin hỏi: 1. Khoản chi phí tiền lương tăng này có được coi là chi phí hợp lý được trừ khi tính thuế TNDN không? 2. Nếu không được coi là chi phí hợp lý, giải pháp nào cho doanh nghiệp để tháo gỡ khó khăn này?

Trả lời:

Căn cứ quy định tại Luật thuế TNDN năm 2025 và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế TNDN (áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2025) có quy định doanh nghiệp được trừ các khoản chi khi xác định thu nhập chịu thuế nếu đáp ứng đủ điều kiện :
- Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp
- Khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.
- Khoản chi có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản thanh toán khác từng lần có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên.
- Không thuộc các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế theo quy định tại Điều 10 Luật thuế TNDN.
Đối với khoản chi phí tiền lương của người lao động, trường hợp doanh nghiệp thực tế đã chi trả, đáp ứng các điều kiện nêu trên và được ghi cụ thể trong các hồ sơ: Hợp đồng lao động hoặc văn bản của doanh nghiệp nước ngoài cử người sang làm việc tại Việt Nam (đối với trường hợp người nước ngoài được điều chuyển hoặc di chuyển trong nội bộ Tập đoàn, giữa công ty mẹ với công ty con); Thoả ước lao động tập thể; Quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty, Tập đoàn; Quy chế thưởng do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc

quy định theo quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty, Tập đoàn thì được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN.

Người nộp thuế: Công ty CP Vận tải biển Hòa Phát-590-6
Địa chỉ: Hải Phòng

1. Công ty cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường biển, theo quy định tại hợp đồng, khách hàng thanh toán trước cho Công ty 50% tiền cước dịch vụ vận chuyển sau khi đã xếp hàng lên tàu tại cảng xếp, 50% còn lại thanh toán sau khi hoàn thành việc dỡ hàng tại cảng dỡ. Tại thời điểm nhận được tiền lần 1, Công ty có phải xuất hóa đơn tương ứng với số tiền nhận được không? Nếu công ty xuất hóa đơn đủ 100% giá trị ngay sau khi nhận được tiền thanh toán lần 1 có được không? 2. Thông thường 1 chuyến hàng vận chuyển đường biển khoảng 30-35 ngày bao gồm xếp hàng lên tàu tại cảng xếp - di chuyển từ cảng xếp tới cảng dỡ hàng - dỡ hàng tại cảng dỡ, Công ty có thể xuất hóa đơn dịch vụ vận chuyển sau khi đã xếp xong hàng lên tàu được không (tại thời điểm này Công ty chưa nhận được tiền thanh toán của khách hàng và chưa hoàn thành dịch vụ vận chuyển)?

Trả lời:

Tại điểm a khoản 3 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về nguyên tắc lập, quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ:

"1. Khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, người bán phải lập hóa đơn để giao cho người mua (bao gồm cả các trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động và tiêu dùng

nội bộ (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất); xuất hàng hóa dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa) và các trường hợp lập hóa đơn theo quy định tại Điều 19 Nghị định này. Hóa đơn phải ghi đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 10 Nghị định này. Trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử phải theo định dạng chuẩn dữ liệu của cơ quan thuế theo quy định tại Điều 12 Nghị định này."

Tại điểm a khoản 6 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 9 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về thời điểm lập hóa đơn:

"2. Thời điểm lập hóa đơn đối với cung cấp dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung cấp dịch vụ (bao gồm cả cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân nước ngoài) không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. Trường hợp người cung cấp dịch vụ có thu tiền trước hoặc trong khi cung cấp dịch vụ thì thời điểm lập hóa đơn là thời điểm thu tiền (không bao gồm trường hợp thu tiền đặt cọc hoặc tạm ứng để đảm bảo thực hiện hợp đồng cung cấp các dịch vụ: Kế toán, kiểm toán, tư vấn tài chính, thuế; thẩm định giá; khảo sát, thiết kế kỹ thuật; tư vấn giám sát; lập dự án đầu tư xây dựng)."

Căn cứ các quy định trên, thời điểm lập hóa đơn đối với cung cấp dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung cấp dịch vụ (bao gồm cả cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân nước ngoài) không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. Trường hợp người cung cấp dịch vụ có thu tiền trước hoặc trong khi cung cấp dịch vụ thì thời điểm lập hóa đơn là thời điểm thu tiền.

2. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về nguyên tắc lập, quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ:

"Điều 1.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 6, khoản 7 và bổ sung khoản 9 vào Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 6 và khoản 7 như sau:

"1. Khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, người bán phải lập hóa đơn để giao cho người mua (bao gồm cả các trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động và tiêu dùng nội bộ (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất); xuất hàng hóa dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa) và các trường hợp lập hóa đơn theo quy định tại Điều 19 Nghị định này. Hóa đơn phải ghi đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 10 Nghị định này. Trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử phải theo định dạng chuẩn dữ liệu của cơ quan thuế theo quy định tại Điều 12 Nghị định này."

Căn cứ điểm a khoản 6 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 9 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về thời điểm lập hóa đơn:

"Điều 1.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, điểm a, điểm e, điểm l, điểm m, điểm n khoản 4 Điều 9 và bổ sung điểm p, điểm q, điểm r vào khoản 4 Điều 9 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 như sau:

2. Thời điểm lập hóa đơn đối với cung cấp dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung cấp dịch vụ (bao gồm cả cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân nước ngoài) không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. Trường hợp người cung cấp dịch vụ có thu tiền trước hoặc trong khi cung cấp dịch vụ thì thời điểm lập hóa đơn là thời điểm thu tiền (không bao gồm trường hợp thu tiền đặt cọc hoặc tạm ứng để đảm bảo thực hiện hợp đồng cung cấp các dịch vụ: Kế toán, kiểm toán, tư vấn tài chính, thuế; thẩm định giá; khảo sát, thiết kế kỹ thuật; tư vấn giám sát; lập dự án đầu tư xây dựng).”

Căn cứ các quy định trên, thời điểm lập hóa đơn đối với cung cấp dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung cấp dịch vụ (bao gồm cả cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân nước ngoài) không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Người nộp thuế: Quầy thuốc Ngọc Quyền Mã số thuế 084192004428-587-7
Địa chỉ: Hà Nội

Em đóng thuế khoán mỗi quý là 540000 có giữ biên lai thu tiền nhưng trên phần mềm etax hiển thị em vẫn chưa đóng thuế thu nhập tháng 1 năm 2025 là như thế nào ạ? Trong khi đó e đã đóng đầy đủ 3 quý của năm 2025? Và giờ e cần phải làm sao ạ?

Trả lời:

Đã liên hệ với người nộp thuế và đã hướng dẫn, giải đáp thông tin dữ liệu cho người nộp thuế về số tiền chậm nộp là đúng, người nộp thuế không còn vướng mắc

Người nộp thuế: Nguyễn Thị Quỳnh Như - Công ty TNHH Terumo Việt Nam-579-8
Địa chỉ: Vĩnh Phúc

Căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 9 Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 ngày 26/11/2024, được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 4 Luật sửa đổi Luật Thuế GTGT (có hiệu lực từ ngày 01/7/2025); Căn cứ vào Điều 17 Nghị định 181/2025/NĐ-CP, quy định: - Mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Thuế GTGT. - Trong đó, hàng hóa xuất khẩu bao gồm: b) Hàng hóa từ nội địa Việt Nam bán cho tổ chức trong khu phi thuế quan và được tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu. Tại khoản 5 Điều này cũng nêu rõ: “Hàng hóa, dịch vụ bán, cung cấp cho tổ chức trong khu phi thuế quan và được tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này là hàng hóa, dịch vụ được tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ cho hoạt động sản xuất xuất khẩu của tổ chức trong khu phi thuế quan và không phục vụ cho hoạt động khác không phải hoạt động sản xuất xuất khẩu, trừ các hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 4 Điều này.” Từ quy định trên, doanh nghiệp chế xuất (DNCX) – với 100% sản phẩm xuất khẩu – có thắc mắc: - Trường hợp doanh nghiệp mua hàng hóa từ nội địa để phục vụ cho hoạt động hành chính, văn phòng, cũng như các hàng hóa tiêu dùng phục vụ cán bộ công nhân viên, thì các hàng hóa này có được áp dụng thuế suất 0% hay không? Kính đề nghị Quý Cơ quan hướng dẫn cụ thể để doanh nghiệp thực hiện đúng quy định pháp luật.

Trả lời:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 9 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 quy định về thuế suất 0%.

Căn cứ khoản 1, khoản 4, khoản 5 Điều 17 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế GTGT quy định về mức thuế suất 0%.

Căn cứ khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 17 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế GTGT, mức thuế suất 0% áp dụng đối với: hàng hóa từ nội địa Việt Nam bán cho tổ chức trong khu phi thuế quan và được tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu; Dịch vụ cung cấp trực tiếp cho tổ chức ở trong khu phi thuế quan và được tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu (Tổ chức trong khu phi thuế quan là tổ chức có đăng ký kinh doanh). Hàng hóa, dịch vụ bán, cung cấp cho tổ chức trong khu phi thuế quan và được tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu là hàng hóa, dịch vụ được tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ cho hoạt động sản xuất xuất khẩu của tổ chức trong khu phi thuế quan và không phục vụ cho hoạt động khác không phải hoạt động sản xuất xuất khẩu.

Người nộp thuế: Đỗ Thị Thùy- Công ty TNHH Taiwoo Technology Việt Nam-572-9
Địa chỉ: Hải Phòng

Công ty TNHH Taiwoo Technology Việt Nam là doanh nghiệp chế xuất hoạt động năm 2015 tới nay tại Khu công nghiệp Đại An mở rộng tp Hải Dương cũ nay thuộc Thành phố Hải Phòng. Tháng 12- Năm 2025

Công ty chúng tôi có ký hợp đồng gia công lắp ghép hàng hóa cho doanh nghiệp FDI của tỉnh Bắc Ninh. Doanh nghiệp FDI sẽ mở tờ khai xuất khi giao hàng hóa gia công cho Công ty chúng tôi và mở tờ khai nhập đối ứng khi nhận hàng hóa gia công từ phía chúng tôi. Công ty chúng tôi đã đăng ký ngành nghề gia công trên giấy đăng ký kinh doanh và chứng nhận đầu tư . Xin cho hỏi hoạt động gia công này của công ty chúng tôi được phép xuất hóa đơn 0% hay không ? Công ty chúng tôi cần làm thêm thủ tục gì với cơ quan thuế để hoạt động gia công này đúng pháp luật thuế không ? Trân trọng cảm ơn.

Trả lời:

Căn cứ khoản 1 Điều 4 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016 của Quốc hội quy định về khu phi thuế quan.
Căn cứ khoản 21 Điều 2 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về doanh nghiệp chế xuất.
Căn cứ khoản 4, khoản 6 Điều 26 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ về quy định riêng áp dụng đối với khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất.
Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 9 Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 ngày 26/11/2024 của Quốc hội quy định về mức thuế suất 0% .
Căn cứ Điều 17 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế GTGT quy định về mức thuế suất 0%.
Liên quan đến chính sách thuế giá trị gia tăng đối với dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp trong khu phi thuế quan, Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí (Bộ Tài chính) đã có Công văn số 1292/CST-GTGT ngày 24/7/2025 trả lời Công ty Cổ phần tư vấn EY

Việt Nam như sau:
“Căn cứ quy định nêu trên, nếu các dịch vụ của Công ty EY như dịch vụ kiểm toán, tư vấn thuế, tư vấn M&A, tư vấn quản lý,... là dịch vụ cung cấp trực tiếp cho tổ chức trong khu phi thuế quan, được tiêu dùng trong khu phi thuế quan, phục vụ cho hoạt động sản xuất xuất khẩu của tổ chức trong khu phi thuế quan, không phục vụ cho hoạt động khác không phải hoạt động sản xuất xuất khẩu và không phải dịch vụ quy định tại khoản 4 Điều 17 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP thì được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%."
Cục Thuế đã có công văn số 3444/CT-CS ngày 27/8/2025 hướng dẫn Thuế tỉnh Bắc Ninh về chính sách thuế GTGT đối với dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp thuộc khu chế xuất như sau:
“Căn cứ các quy định, hướng dẫn nêu trên:
…Từ ngày 01/7/2025, việc xác định dịch vụ xuất khẩu, dịch vụ xuất khẩu được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%, đề nghị Thuế tỉnh Bắc Ninh thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP."
Từ ngày 01/7/2025, việc xác định dịch vụ xuất khẩu, dịch vụ xuất khẩu được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% được thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ.
Đề nghị Công ty căn cứ các quy định trên và nghiên cứu nội dung hướng dẫn tại các công văn nêu trên để thực hiện theo quy định.

Người nộp thuế: VSIP Cần Thơ-570-10
Địa chỉ: Cần Thơ

Khách hàng trong KCN có doanh thu toàn cầu > 1 tỷ USD và vừa thành lập dự án mới tại KCN hỏi: Dự án này có thuộc đối tượng chịu Thuế Tối

thiểu Toàn cầu (GloBE – 15%) không? Cần xác định theo quy mô tập đoàn, mức doanh thu hợp nhất (≥750 triệu EUR), và quy định về doanh nghiệp thành viên mới thành lập trong nước.

Trả lời:

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 107/2023/QH15:

"1. Đơn vị hợp thành của tập đoàn đa quốc gia có doanh thu trong báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao ít nhất 02 năm trong 04 năm liền kề trước năm tài chính tương đương 750 triệu euro (EUR) trở lên, trừ các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức của chính phủ;

b) Tổ chức quốc tế;

c) Tổ chức phi lợi nhuận;

d) Quỹ hưu trí;

đ) Quỹ đầu tư là công ty mẹ tối cao;

e) Tổ chức đầu tư bất động sản là công ty mẹ tối cao;

g) Tổ chức có ít nhất 85% giá trị tài sản thuộc sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các tổ chức quy định từ điểm a đến điểm e khoản này".

Trường hợp doanh thu tại báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao đạt trên 750 triệu EUR ít nhất 2 trong 4 năm liền kề trước năm tài chính xem xét mà doanh nghiệp không thuộc trường hợp được loại trừ thì doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, có nghĩa vụ thực hiện các thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị quyết 107/2023/QH15 và Nghị định 236/2025/NĐ-CP. Đề

nghị doanh nghiệp thực hiện dự án căn cứ quy định nêu trên để xác định có thuộc đối tượng áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu hay không.

Người nộp thuế: Nguyễn Thị Duyên- CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SHENG SHING VIỆT NAM - HẢI DƯƠNG-564-11
Địa chỉ: Hải Phòng

Công ty sản xuất xuất khẩu thiếu nhân công trực tiếp sản xuất thuê lại nhân công của các các ty cho thuê nhân công. Vậy xin hỏi tiền thuế VAT có được khấu trừ hoặc hoàn, đối với chi phí thì có được tính chi phí hợp lý được trừ khi tính thuế TNDN không?

Trả lời:

Về thuế GTGT:
1. Quy định về chính sách về lao động:
Căn cứ Điều 52 và Điều 53 Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019 về cho thuê lại lao động và nguyên tắc hoạt động cho thuê lại lao động;
Căn cứ Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động về quy định về doanh nghiệp cho thuê lại lao động, về bên thuê lại lao động, về thu hồi giấy phép;
Căn cứ Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP quy định danh mục 20 công việc được thực hiện cho thuê lại lao động.
Căn cứ tại phụ lục I và phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 60/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;
2. Quy định về chính sách thuế và hóa đơn:

Căn cứ Điều 9 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14/6/2025 quy định về các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế;
Căn cứ khoản 1 Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC) của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp về các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế;
Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 ngày 26/11/2024 về các hành vi bị nghiêm cấm trong khấu trừ, hoàn thuế, về khấu trừ thuế GTGT đầu vào, về hóa đơn, chứng từ;
Căn cứ điểm d khoản 7 Điều 5 và Điều 15 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng, quy định về các trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT và điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào;
Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định thi hành chi tiết một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, quy định nguyên tắc xác định giá tính thuế giá trị gia tăng;
Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 16 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 7 Điều 3 Thông tư số 26/2015/TT-BTC) quy định về lập hóa đơn;
Căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 3 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP) quy định về lập hóa đơn;
Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 1 Nghị định 70/2025/NĐ-CP ngày 20/03/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản

3, khoản 6, khoản 7 và bổ sung khoản 9 vào Điều 4 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/6/2025).
Căn cứ quy định nêu trên:
Đề nghị Công ty liên hệ với cơ quan Thuế địa phương để xác định hợp đồng cho thuê lao động, hồ sơ thực tế, các tài liệu liên quan và phối hợp với Sở Nội vụ để xác định hoạt động cho thuê lại lao động có phù hợp với quy định của pháp luật về lao động, trên cơ sở kết quả phối hợp, căn cứ quy định của pháp luật về thuế và hồ sơ thực tế để xem xét khấu trừ, hoàn thuế thuế giá trị gia tăng đầu vào theo quy định và xác định chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định.

Người nộp thuế: HỘ KINH DOANH PHẠM HỮU ĐẠT-536-12
Địa chỉ: Hải Phòng

Tôi có 1 xe tải cho công ty thuê theo hình thức thuê tài sản, tôi lái xe đó và hưởng lương lái xe. Năm 2024, 2025 doanh thu cho thuê trên 100trd, tôi kê khai nộp thuế đầy đủ. Tôi xin hỏi Quý chi cục, năm 2026 nâng ngưỡng doanh thu trên 200trd mới phát sinh thuế GTGT và thuế TNCN, vậy phần doanh thu cho thuê tài sản tôi kê khai thế nào, phần thu nhập từ tiền lương, tiền công có được giảm trừ gia cảnh không? Khi quyết toán tôi có kê khai gộp hai phần thu nhập này không hay tách kê khai cho thuê tài sản riêng, còn phần thu nhập từ tiền lương, tiền công ủy quyền cho công ty quyết toán thay? Xin quý cơ sở giải đáp giúp tôi. Tôi xin trân trọng cám ơn!

Trả lời:

Bộ Tài chính đang xây dựng Nghị định quy định về quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh. Dự thảo quy định:
"Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có thời gian hoạt động từ 01 năm trở lên tự xác định có mức doanh thu hàng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ từ 500 triệu đồng trở xuống thì hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thông báo doanh thu thực tế phát sinh trong năm với cơ quan thuế chậm nhất là ngày 31 tháng 1 hàng năm.
Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tự xác định có mức doanh thu hằng nam từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ từ 500 triệu đồng trở xuống nhưng năm tính thuế có doanh thu vượt mức 500 triệu đồng thì thực hiện khai thuế từ tháng liền kề sau tháng phát sinh doanh thu vượt mức 500 triệu đồng."

Người nộp thuế: Công ty TNHH Bảo Hiểm Fubon-529-13
Địa chỉ: Tầng 15 Ree Tower số 9 Đoàn Văn Bơ Phường Xóm Chiếu Tp Hồ Chí Minh

1.Khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp: ở các quốc gia phát triển như Đài Loan, Trung Quốc, Singapore..., sản phẩm bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ thường thuộc đối tượng không chịu thuế hoặc được miễn giảm thuế. Nguyên nhân là do bản chất của sản phẩm bảo hiểm nhằm khôi phục lại tổn thất kinh tế và giảm thiểu gánh nặng tài chính cho con người, chứ không tạo ra giá trị gia tăng mới. Tuy nhiên, tại Việt Nam, doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm cũng như các tổ chức, cá nhân mua sản phẩm bảo hiểm vẫn phải nộp thuế GTGT cho dịch vụ này. Điều này đặt ra câu hỏi về tính hợp lý trong chính sách thuế, khi bản chất hoạt động bảo hiểm mang tính bù đắp rủi ro, chứ không phải tạo lợi nhuận thương mại trực tiếp như các loại hình dịch vụ khác. Đề

xuất sửa đổi, bổ sung: Xem xét giảm hoặc miễn hoặc không áp dụng thuế GTGT đối với dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ để có thể góp phần khuyến khích người dân tham gia bảo hiểm nhiều hơn, qua đó tăng cường an sinh xã hội và giảm gánh nặng ngân sách nhà nước khi xảy ra rủi ro. 2.Nghị định 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 về việc Đăng ký định danh điện tử cho Người nước ngoài; Định danh tổ chức Khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp: a. Tuy Nghị định có quy định quy trình thực hiện nhưng Ban hành quy trình hướng dẫn chi tiết các bước đến ngày 1/07/2025 Công an – Phòng QLXNC mới thực hiện việc cập nhật dữ liệu với Cục thuế, đăng bắt đầu tiếp nhận hồ sơ cấp định danh cho người nước ký định danh tổ chức ngoài và không có hướng dẫn chi tiết nào về việc cập nhật dữ liệu với Cục thuế dẫn đến việc Đăng ký định danh điện tử tổ chức chưa thể hoàn thành do dữ liệu không trùng khớp. b. Chưa có thông tin quy chuẩn để doanh nghiệp thực hiện việc cập nhật đồng bộ cho các bên liên quan, nhà cung cấp dịch vụ (VD: Tài khoản thuế điện tử, hóa đơn, chữ ký số) gây mất thời gian xử lý Đề xuất sửa đổi, bổ sung: Ban hành quy trình hướng dẫn chi tiết các bước thực hiện việc cập nhật dữ liệu với Cục Thuế, đăng ký định danh tổ chức. 3. Thông tư 40/2025/TT-BTC: Thông tin ĐBHC nộp thuế, Liên quan đến khai báo và nộp thuế Thu nhập cá nhân Khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp: a. Do sáp nhập, chuyển đổi đơn vị hành chính nên hệ Có hướng dẫn kê khai và nộp thuế theo địa giới thống chưa hỗ trợ việc kê khai nghĩa vụ thuế theo địa bàn kinh doanh mới. b. Trước điều chỉnh: TP.HCM và chi nhánh Bình Dương kê khai và nộp tiền riêng c. Sau điều chỉnh (01/07/2025): chi nhánh Bình Dương phải kê khai gộp vào TP.HCM d. Thông tin "ĐBHC": hiển thị mã - tên địa bàn hành chính nơi phát sinh khoản phải nộp. Vậy khi lập giấy nộp tiền, khoản thuế sẽ theo ĐBHC của Cơ quan thu NSNN hay là tại địa bàn hiển thị trên địa chỉ của Doanh nghiệp? Đề xuất sửa đổi, bổ sung: Có hướng

dẫn kê khai và nộp thuế theo địa giới mới. 4. Doanh nghiệp có nêu hệ thống liên quan đến việc kê khai chưa ổn định, liên tục gặp các lỗi "bị gián đoạn" hoặc "không đạt, dữ liệu không khớp với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư". 5. Danh sách chi tiết trích đóng Thuế TNCN của nhân viên Khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp: Từ tháng 2/2025, Tổng Cục thuế quy định về việc nộp Danh sách thông tin nhân viên và chi tiết thuế TNCN đã đóng theo kỳ tính thuế, tuy nhiên khi Doanh nghiệp thực hiện có vài tháng không khớp dữ liệu thuế HCM do việc cấn trừ số tiền hoàn thuế TNCN theo Quyết toán thuế TNCN 2024, do đó không nộp được nhưng không được hỗ trợ hay hướng dẫn xử lý. Đề xuất sửa đổi, bổ sung: Đề nghị Cơ quan Cục Thuế xem xét ban hành hướng dẫn cụ thể hoặc mở chức năng hỗ trợ kỹ thuật trên hệ thống nộp danh sách nhân viên và chi tiết thuế TNCN, để doanh nghiệp có thể: • Xử lý và đối chiếu số liệu trong các kỳ có phát sinh cấn trừ hoặc hoàn thuế TNCN từ kỳ quyết toán 2024. • Được chấp nhận nộp hồ sơ trong trường hợp có chênh lệch tạm thời do hoàn thuế, kèm giải trình bổ sung.

Trả lời:

1) Tại khoản 1 Điều 1 Luật số 31/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế GTGT quy định: "Bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khoẻ, bảo hiểm người học, các dịch vụ bảo hiểm khác liên quan đến con người" thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 kế thừa quy định này.

Bảo hiểm phi nhân thọ liên quan đến hoạt động kinh doanh nên để công bằng và doanh nghiệp có cơ sở khấu trừ thuế GTGT đầu vào thì quy định bảo hiểm phi nhân thọ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT là phù hợp.

2) Theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử thì thủ tục cấp tài khoản định danh điện tử tổ chức được thực hiện tại Cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử (hiện nay là Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (C06) thuộc Bộ Công an). Bộ Tài chính với vai trò là đơn vị phối hợp với Bộ Công an trong quy trình cấp định danh điện tử tổ chức như sau: Cục Phát triển DNTN và kinh tế tập thể (Bộ Tài chính) có trách nhiệm phối hợp với C06 trong việc xác thực thông tin doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc đối tượng liên thông đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế; Cục Thuế (Bộ Tài chính) có trách nhiệm phối hợp với C06 trong việc xác thực thông tin của tổ chức đã được cấp mã số thuế tại cơ quan thuế (trừ doanh nghiệp, hợp tác xã liên thông).

Về việc cập nhật dữ liệu với cơ quan thuế: Để chuẩn bị cho việc cấp tài khoản định danh điện tử tổ chức theo quy định tại Nghị định số 69/2024/NĐ-CP, Cục Thuế (trước đây là Tổng cục Thuế) đã chỉ đạo các cơ quan thuế địa phương tuyên truyền, hướng dẫn cho người nộp thuế là các doanh nghiệp, tổ chức (trừ doanh nghiệp, hợp tác xã liên thông) thực hiện rà soát, chuẩn hóa thông tin đã đăng ký thuế với cơ quan thuế, trong đó bao gồm cả các tổ chức có người đại diện pháp luật là người nước ngoài (công văn số 4735/TCT-KK ngày 22/10/2024 về việc rà soát thông tin để đảm bảo điều kiện triển khai cấp tài khoản định danh tổ chức, công văn 2065/CT-NVT ngày 26/6/2025 về việc triển khai sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế và sử dụng tài khoản định danh điện tử của tổ chức trong giao dịch thuế điện tử). Các thông tin rà soát bao gồm: Họ tên, ngày tháng năm sinh, số hộ chiếu và các thông tin đăng ký thuế khác của người nộp thuế còn thiếu theo quy định hiện hành.

Trường hợp thông tin không đúng thì người nộp thuế cần đến cơ quan thuế (đối với trường hợp NNT đăng ký trực tiếp với cơ quan thuế), cơ quan đăng ký kinh doanh (đối với trường hợp NNT đăng ký thuế thông qua cơ chế một cửa liên thông) để thực hiện cập nhật thông tin theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính về đăng ký thuế (đã được sửa đổi bổ sung theo Điều 10 Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính).

Sau khi được cấp tài khoản định danh điện tử, tổ chức thực hiện các thủ tục hành chính thuế điện tử tại Cổng Thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài chính (dichvucong.gdt.gov.vn) bằng cách đăng nhập bằng tài khoản định danh điện tử và chọn thủ tục hành chính cần thực hiện. Ngoài ra, trong quá trình thực hiện cập nhật thông tin đăng ký thuế hoặc đăng nhập, thực hiện thủ tục hành chính thuế trên Cổng Thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài chính, nếu có vướng mắc cụ thể thì đề nghị người nộp thuế liên hệ cơ quan thuế quản lý trực tiếp để được hướng dẫn.

3)* Đối với đề xuất hướng dẫn về kê khai thuế theo địa giới hành chính mới:

- Tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2, và tiết a.1 điểm a khoản 3 Thông tư 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài Chính quy định:

“Điều 19. Khai thuế, tính thuế, phân bổ thuế thu nhập cá nhân

1. Trường hợp phân bổ:

a) Khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công được trả tại trụ sở chính cho người lao động làm việc tại đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh tại tỉnh khác.

2. Phương pháp phân bổ:

a) Phân bổ thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công:

Người nộp thuế xác định riêng số thuế thu nhập cá nhân phải phân bổ đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân làm việc tại từng tỉnh theo số thuế thực tế đã khấu trừ của từng cá nhân. Trường hợp người lao động được điều chuyển, luân chuyển, biệt phái thì căn cứ thời điểm trả thu nhập, người lao động đang làm việc tại tỉnh nào thì số thuế thu nhập cá nhân khấu trừ phát sinh được tính cho tỉnh đó.

…"

Như vậy, quy định hiện hành chỉ có quy định về việc thực hiện phân bổ thuế TNCN đối với địa điểm kinh doanh, đơn vị phụ thuộc tại tỉnh khác. Trường hợp sáp nhập địa giới hành chính, thì người nộp thuế kê khai, nộp tờ khai thuế TNCN tại tỉnh nơi có trụ sở chính và thực hiện phân bổ thuế TNCN cho tỉnh khác nơi có địa điểm kinh doanh, đơn vị phụ thuộc. Số thuế TNCN của các đơn vị cùng địa bàn tỉnh của trụ sở chính được xác định chung với số thuế TNCN của trụ sở chính.

Hiện tại hệ thống ứng dụng Thuế điện tử và ứng dụng HTTKK đã hỗ trợ kiểm soát kê khai các chỉ tiêu [08b] - Địa bàn hoạt động sản suất, kinh doanh (Tỉnh) trên mẫu 05-1/PBT-KK-TNCN. Theo đó, chỉ tiêu [08b] của Trụ sở chính chỉ cho phép kê khai tỉnh mới gắn với địa chỉ trụ sở chính, chỉ tiêu [08b] của Chi nhánh chỉ cho phép kê khai tỉnh mới khác tỉnh mới của trụ sở chính.

* Đối với đề xuất hướng dẫn về nộp thuế theo địa giới hành chính mới:

Hiện tại Cổng thông tin điện tử của Cục Thuế (Etax) đã tự động hỗ trợ cung cấp thông tin địa bàn nộp thuế tương ứng địa bàn trụ sở chính đã được chuẩn hóa theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp

đối với trường hợp khoản thuế quy định địa điểm nộp hồ sơ khai thuế là cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

NNT có thể tra cứu thông tin địa bàn nộp thuế qua tài khoản giao dịch thuế điện tử để được cung cấp thông tin nộp thuế.

4) Trong tháng 7/2025, Cục Thuế tiến hành nâng cấp hệ thống đáp ứng sáp nhập các cơ quan thuế, do đó trong khoảng thời gian này có đôi lúc xảy ra tình trạng chập chờn dẫn đến việc truy cập và nộp tờ khai chưa được thuận lợi. Sau khoảng thời gian này hệ thống hoạt động bình thường, ổn định. Cục Thuế đã kiểm tra trên hệ thống thì đối với các tờ khai của DN nộp ngày 01/07/2025 đã hạch toán thành công, Cục Thuế đã liên hệ với DN để thông báo và hướng dẫn.

5)Nhằm tạo điều kiện đơn giản thủ tục hành chính trong quyết toán thuế TNCN, tự động hóa trong giải quyết hoàn thuế TNCN của cá nhân. Tổng cục Thuế (nay là Cục Thuế) đã nâng cấp hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ tổ chức chi trả cung cấp thông tin số thuế TNCN đã khấu trừ, nộp thay cho cá nhân (công văn số 828/TCT-KK ngày 25/02/2025, công văn 5435/CT-NVT ngày 21/11/2025).

Đối với trường hợp tổ chức chi trả có số thừa sau quyết toán sử dụng bù trừ với số phải nộp của kỳ tiếp theo. Thì việc bù trừ số đã nộp thừa, số phải nộp của các cá nhân, Tổ chức chi trả thu nhập thực hiện theo quy định tại điểm a.3 Điều 25 Thông tư 80/2021/TT-BTC; tổ chức chi trả chủ động xác định số bù trừ giữa các cá nhân. Đồng thời, trong nội dung cung cấp thông tin của tổ chức chi trả đã có thông tin số được bù trừ để làm cơ sở dữ liệu hỗ trợ cá nhân lập tờ khai quyết toán gợi ý và hoàn thuế TNCN tự động.

Đối với đề xuất sửa đổi, bổ sung mở chức năng hỗ trợ kỹ thuật trên hệ thống nộp danh sách nhân viên và chi tiết Thuế TNCN, Cục Thuế ghi nhận và chỉ đạo Ban CĐS phân tích nâng cấp ứng dụng đáp ứng."

Người nộp thuế: Cty CP Phương Đông-527-14
Địa chỉ: Hải Phòng

Xin hỏi về gạo, cám cty bán cho người dân và cty thì thuế suất 0% hay 5%

Trả lời:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 5 Luật thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 ngày 26/11/2024 quy định về đối tượng không chịu thuế;
Căn cứ điểm d khoản 2, khoản 5 Điều 9 Luật thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 ngày 26/11/2024 quy định về thuế suất;
Căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định về đối tượng không chịu thuế;
Căn cứ khoản 3 Điều 19 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định về mức thuế suất 5%.
Trường hợp NNT bán các mặt hàng gạo, cám chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường ở khâu kinh doanh thương mại thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 5%.

Người nộp thuế: Nguyen Thi Viet Ha Ms - Accounting Manager - Piriou Vietnam đóng tàu-518-15
Địa chỉ: Long An

Đề nghị các cơ quan giải thích thêm về tác động của một số chính sách và thủ tục về thuế mới gần đây: Thêm điều kiện về HĐ đầu ra phải

được thanh toán và kê khai mời được hoàn thuế làm cho thời gian được hoàn thuế dài hơn. Và quy định về thanh toán trễ hạn sau ngày quy định trong hợp đồng chưa hướng dẫn rõ để được khấu trừ hoàn thuế

Trả lời:

- Tại điểm c khoản 9 Điều 15 Luật thuế GTGT số 48/2024/QH15 quy định cơ sở kinh doanh thuộc trường hợp hoàn thuế phải đáp ứng điều kiện *"Người bán đã kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định đối với hóa đơn đã xuất cho cơ sở kinh doanh đề nghị hoàn thuế"*

Tuy nhiên, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế GTGT số 149/2025/QH15 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026 đã bãi bỏ quy định tại điểm c khoản 9 Điều 15 Luật Thuế GTGT. Hiện nay, Bộ Tài chính đang xây dựng Nghị định hướng dẫn, trong đó có quy định về việc xử lý chuyển tiếp đối với nội dung này.

- Liên quan đến chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với thanh toán trả chậm, trả góp, Cục Thuế đã có công văn số 5487/CT-CS ngày 25/11/2025 trả lời Thuế tỉnh Bắc Ninh và Thuế tỉnh Khánh Hòa như sau:

"Căn cứ khoản 2 Điều 14 Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 ngày 26/11/2024 của Quốc hội quy định về khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào.

Căn cứ Điều 25 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ nộp thuế.

Căn cứ Điều 26 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định về chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

Đối với thanh toán trả chậm, trả góp hàng hóa, dịch vụ có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên, trường hợp đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng, cơ sở kinh doanh không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì cơ sở kinh doanh phải kê khai, điều chỉnh giảm số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ đối với phần giá trị hàng hóa, dịch vụ không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt vào kỳ tính thuế phát sinh nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng; trường hợp sau khi đã kê khai, điều chỉnh giảm số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, doanh nghiệp có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì doanh nghiệp thực hiện kê khai khấu trừ đối với phần giá trị hàng hóa, dịch vụ có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định."

Đề nghị Công ty căn cứ các quy định hướng dẫn nêu trên và tham khảo nội dung hướng dẫn tại công văn số 5487/CT-CS ngày 25/11/2025 của Cục Thuế để thực hiện theo quy định.

Người nộp thuế: Công ty TNHH Công Nghiệp - Thương Mại Minh Nghệ-508-16
Địa chỉ: TPHCM

Trước ngày 01/07/2025, theo Khoản 4 Điều 7 Nghị định 126/2020/NĐ-CP, đối với hóa đơn đầu vào kê khai sót, nếu việc khai bổ sung chỉ làm tăng hoặc giảm số thuế GTGT được khấu trừ chuyển kỳ sau thì kê khai vào kỳ tính thuế hiện tại đúng không

Trả lời:

Tại điểm b khoản 4 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định về khai bổ sung hồ sơ khai thuế như sau:
“4. Người nộp thuế được nộp hồ sơ khai bổ sung cho từng hồ sơ khai thuế có sai, sót theo quy định tại Điều 47 Luật Quản lý thuế và theo mẫu quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Người nộp thuế khai bổ

sung như sau:

...

b) Người nộp thuế khai bổ sung dẫn đến tăng số thuế phải nộp hoặc giảm số thuế đã được ngân sách nhà nước hoàn trả thì phải nộp đủ số tiền thuế phải nộp tăng thêm hoặc số tiền thuế đã được hoàn thừa và tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước (nếu có).

Trường hợp khai bổ sung chỉ làm tăng hoặc giảm số thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ chuyển kỳ sau thì phải kê khai vào kỳ tính thuế hiện tại. Người nộp thuế chỉ được khai bổ sung tăng số thuế giá trị gia tăng đề nghị hoàn khi chưa nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế tiếp theo và chưa nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế."

Như vậy, tại điểm b khoản 4 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP đã quy định rõ "Trường hợp khai bổ sung chỉ làm tăng hoặc giảm số thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ chuyển kỳ sau thì phải kê khai vào kỳ tính thuế hiện tại". Nghị định số 126/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 05/12/2020.

Người nộp thuế: Nguyễn Thị Hương Chi- Logistics Service Dept Công ty TNHH FT Industries Việt Nam-501-17
Địa chỉ: Đồng Nai

Về tác động của một số chính sách và thủ tục về thuế mới gần đây có hiệu lực: Đối với việc áp dụng thuế GTGT 0% cho Doanh nghiệp chế xuất theo quy định tại Mục 2b Điều 17 Thông tư 181/2025/TT-BTC: b) Dịch vụ cung cấp trực tiếp cho tổ chức ở trong khu phi thuế quan và được tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu, bao gồm: dịch vụ cung cấp trực tiếp cho tổ chức ở trong khu phi thuế quan và được tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu; dịch vụ vận

chuyển, dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất (dịch vụ nâng hạ container tại cảng, nhà máy, kho hàng; dịch vụ xếp dỡ, bốc xếp tại nhà máy, cảng, sân bay và các chi phí phát sinh có liên quan như: phí chứng từ, phí điện giao hàng, phí niêm chì, phí làm hàng, phí đóng gói). Tổ chức trong khu phi thuế quan là tổ chức có đăng ký kinh doanh. Tuy nhiên, một số dịch vụ xếp dỡ tại Cảng vẫn không đồng ý xuất hóa đơn GTGT 0% phí nâng hạ container hàng hóa phục vụ SXXK cho Doanh nghiệp chế xuất với lí do hệ thống hóa đơn của đơn vị chỉ mặc định xuất hóa đơn VAT 8%; một số đại lý vận tải không đồng ý xuất hóa đơn VAT 0% các phụ phí tại cảng như phí LSS (phụ phí lưu huỳnh), phí EMF (phụ phí quản lý thiết bị), phí PSS (phụ phí mùa cao điểm) do những phụ phí này không có liệt kê trong tại 2b Điều 17 Thông tư 181/2025/TT-BTC. Hiện nay, các hãng tàu thu nhiều loại các phụ phí hàng nhập khẩu, hàng xuất khẩu, và thu thêm các khoản phụ phí mới, nếu căn cứ vào các loại phí được liệt kê rõ trong 2b Điều 17 Thông tư 181/2025/TT-BTC thì vẫn chưa đủ các loại phí cảng mà Doanh nghiệp chế xuất phải trả.

Trả lời:

Căn cứ khoản 2 Điều 17 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế GTGT quy định về mức thuế suất 0% như sau:

“2. Dịch vụ xuất khẩu bao gồm:

a) Dịch vụ cung cấp trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam. Trong đó, cá nhân ở nước ngoài đáp ứng điều kiện ở ngoài Việt Nam trong thời gian diễn ra việc cung cấp dịch vụ.

b) Dịch vụ cung cấp trực tiếp cho tổ chức ở trong khu phi thuế quan và được tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu, bao gồm: dịch vụ cung cấp trực tiếp cho tổ chức ở trong khu phi thuế quan và được tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu; dịch vụ vận chuyển, dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất (dịch vụ nâng hạ container tại cảng, nhà máy, kho hàng; dịch vụ xếp dỡ, bốc xếp tại nhà máy, cảng, sân bay và các chi phí phát sinh có liên quan như: phí chứng từ, phí điện giao hàng, phí niêm chì, phí làm hàng, phí đóng gói). Tổ chức trong khu phi thuế quan là tổ chức có đăng ký kinh doanh."

Căn cứ quy định trên, pháp luật về thuế GTGT đã quy định thuế suất đối với hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho tổ chức trong khu phi thuế quan, trong đó bao gồm dịch vụ vận chuyển, nâng hạ hàng hóa cho doanh nghiệp chế xuất.

Trường hợp các khoản phụ phí tại cảng của Công ty liên quan đến dịch vụ cung cấp trực tiếp cho tổ chức ở trong khu phi thuế quan, phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu thì thuộc đối tượng chịu thuế suất thuế GTGT 0%.

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH MASON VINA-495-18
Địa chỉ: Hải Phòng

Chi phí xin visa cho khách hàng tới VN thăm nhà máy có bị tính thuế TNCN không ? Chi phí làm giấy phép lao động, làm visa, , giấy tờ tạm trú... cho lao đông người nước ngoài có bị tính thuế TNCN không ? (Trong quy chế lương có quy định mọi chi phí giấy tờ người LD do công ty chi trả)

Trả lời:

Căn cứ khoản 2, Điều 3 Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 21/11/2007 của Quốc hội (đã được sửa đổi bởi khoản 1, Điều 1 Luật số 26/2012/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân ngày 22/11/2012 của Quốc hội);
Căn cứ điểm đ, khoản 2, Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân thì:
- Đối với Chi phí xin visa cho khách hàng tới Việt Nam thăm nhà máy nếu không phải khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công thì không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN.
- Đối với chi phí làm giấy phép lao động, làm visa, , giấy tờ tạm trú... cho lao đông người nước ngoài:
+ Trường hợp các khoản chi phí làm giấy phép lao động, làm visa, giấy tờ tạm trú cho người lao động nước ngoài do người sử dụng lao động chi trả để người lao động nước ngoài đủ điều kiện vào làm việc tại các tổ chức tại Việt Nam là trách nhiệm của người sử dụng lao động thì các khoản chi phí này không tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công của người lao động nước ngoài.
+ Trường hợp các khoản chi phí làm giấy phép lao động, làm visa, giấy tờ tạm trú cho người lao động nước ngoài do người sử dụng lao động chi trả thay cho người lao động là lợi ích được hưởng của người lao động thì các khoản này tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công của người lao động nước ngoài.

Mr Wick Kiểm toán

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH MASON VINA-477-19
Địa chỉ: Hải Phòng

Chi phí tiếp khách (cụ thể là chi phí thuê nhà nghỉ khách sạn cho khách ở) có bị tính thuế TNCN không?

Trả lời:

Về câu hỏi của Công ty chưa nêu đầy đủ thông tin nên Cục Thuế có ý kiến như sau:
+ Trường hợp khách là khách hàng (không phải nhân viên nhận lương tại Công ty) thì:
Căn cứ Điều 2 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế) thì:
Trường hợp công ty chi trả tiền phòng cho khách hàng đến tham quan nhà máy và không phải khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công thì khoản chi này không xác định là thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân của khách.
+ Trường hợp khách là người lao động/chuyên gia của DN, DN chi tiền cho khách như 1 khoản công tác phí thì:
Căn cứ quy định tại tiết đ.1, điểm đ, khoản 2, Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC thì: Phần khoán chi công tác phí,... cao hơn mức quy định hiện hành của Nhà nước tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân (Cụ thể: Đối với người lao động làm việc trong các tổ chức kinh doanh, các văn phòng đại diện: mức khoán chi áp dụng phù hợp với mức xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo các

văn bản hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp; Đối với người lao động làm việc trong các tổ chức quốc tế, các văn phòng đại diện của tổ chức nước ngoài: mức khoán chi thực hiện theo quy định của Tổ chức quốc tế, văn phòng đại diện của tổ chức nước ngoài).
+ Trường hợp nếu Công ty chi tiền thuê khách sạn là khoản chi tiền thuê chỗ ở/nhà ở cho người lao động thì:
Theo quy định tại điểm đ.1, Khoản 2, Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2, Điều 11, Thông tư số 92/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính) thì:
Trường hợp Công ty chi trả thay tiền thuê nhà cho người lao động thì số tiền thuê nhà tính vào thu nhập chịu thuế TNCN theo số thực tế trả thay nhưng không vượt quá 15% tổng thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam (chưa bao gồm tiền thuê nhà, điện nước và dịch vụ kèm theo (nếu có)).
Đề nghị Công ty căn cứ tình hình thực tế và đối chiếu với các quy định nêu trên để thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về thuế.

Người nộp thuế: Nguyen Hong Uy - Regulatory and External Affairs Director-471-20
Địa chỉ: Hà Nội

Nên dùng hệ thống Quản lý thuế để quản lý truy xuất nguồn gốc hàng hóa: Về chính sách thuế, chúng tôi rất ủng hộ Nghị định 70/2025/NĐ-CP, trong đó Bộ Tài Chính quy định phải sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền cho Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có doanh thu từ 1 tỷ đồng/năm trở lên.
Doanh nghiệp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng Biện pháp này không chỉ giúp quản lý thuế tốt, mà còn giúp minh bạch sản xuất-kinh doanh, truy xuất nguồn gốc hàng hóa hiệu quả. Bất

cập hiện nay là gần đây có hàng loạt Dự thảo văn bản pháp luật của Bộ Khoa học công nghệ, Bộ Công An, Bộ Công thương… quy định bắt buộc các biện pháp truy xuất nguồn gốc, như hộ chiếu số, mã định danh hàng hóa, mã định danh tổ chức, mã truy vết địa điểm, mã truy xuất nguồn gốc, mà chúng tôi cho rằng chồng chéo, thiếu hiệu quả, gây gánh nặng thủ tục hành chính và chi phí thực hiện rất lớn, nhiều điểm không phù hợp với thông lệ quốc tế là chỉ khuyến khích, không bắt buộc. Biện pháp truy xuất nguồn gốc tốt nhất chính là yêu cầu các tổ chức, cá nhân SX-KD phải có đầy đủ hóa đơn, chứng từ đầu vào, đầu ra, và nối mạng máy tính tiền với cơ quan thuế. Bộ Tài chính phân quyền cho các Bộ Chuyên ngành để truy cập dữ liệu đầu vào-đầu ra của các sản phẩm mình quản lý trên hệ thống của cơ quan thuế. Thay vì Bộ chuyên ngành nào cũng lập 1 quy định riêng, 1 hệ thống dữ liệu riêng vô cùng tốn kém nhưng lại thiếu hiệu quả vì không kết nối được với nhau, thì chỉ cần 1 hệ thống dữ liệu này để tiết kiệm chi phí, giảm thiểu thủ tục, và nâng cao hiệu quả quản lý. Khi có đầy đủ hóa đơn, chứng từ trên mạng thì việc truy xuất nguồn gốc sẽ vô cùng đơn giản và hiệu quả, đồng thời rất hữu hiệu để chống hàng gian, hàng giả. Các công cụ truy xuất nguồn gốc như hộ chiếu số, mã định danh hàng hóa, mã định danh tổ chức, mã truy vết địa điểm, mã truy xuất nguồn gốc, chỉ nên khuyến khích sử dụng theo đúng thông lệ quốc tế, thay cho bắt buộc, để hỗ trợ cho biện pháp chính là quản lý hóa đơn chứng từ trên hệ thống quản lý thuế.

Trả lời:

Hiện nay, cơ quan Thuế đang đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) cùng dữ liệu lớn (Big Data) vào công tác truy vết nguồn gốc hàng hóa, nhằm tiến tới quản trị minh bạch và ngăn ngừa gian lận

tài chính. Quy trình này được triển khai đồng bộ qua hai giai đoạn then chốt:

Thứ nhất, trong việc định danh và phân loại hàng hóa: Cơ quan Thuế áp dụng giải pháp xử lý ngôn ngữ tự nhiên (Natural Language Processing - NLP) để chuẩn hóa dữ liệu từ hóa đơn điện tử. Đây là nền tảng quan trọng để xác định các hóa đơn cùng loại mặt hàng, ngay cả khi tên gọi có sự khác biệt về cách diễn đạt, từ đó thiết lập tiền đề cho việc xâu chuỗi dữ liệu.

Thứ hai, trong việc xây dựng chuỗi giao dịch: Để kết nối các mắt xích mua bán, cơ quan Thuế đã ứng dụng AI vào mô hình đồ thị hóa cơ sở dữ liệu. Bằng cách thiết lập mạng lưới quan hệ giữa các nút dữ liệu, hệ thống cho phép truy vết dòng chảy hàng hóa xuyên suốt từ khâu sản xuất, nhập khẩu đến tay người tiêu dùng cuối cùng, giúp phát hiện ngay lập tức các hành vi quay vòng hóa đơn hoặc giao dịch ảo.

Bên cạnh nỗ lực nội ngành, cơ quan Thuế đang tích cực phối hợp với các đơn vị liên quan để hoàn thiện hệ sinh thái truy xuất quốc gia:

- Phối hợp cùng Trung tâm dữ liệu Quốc gia (Bộ Công an): Xây dựng nền tảng định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa.
- Phối hợp với Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư (C06): Chia sẻ và đối soát thông tin hóa đơn điện tử của các doanh nghiệp kinh doanh hàng hóa nhạy cảm như tiền chất, hóa chất, nhằm đảm bảo an ninh và quản lý chặt chẽ chuỗi cung ứng đặc thù.

Sự kết hợp giữa công nghệ dữ liệu hiện đại và cơ chế phối hợp liên ngành không chỉ nâng cao năng lực quản lý thuế mà còn góp phần xây dựng một môi trường kinh doanh lành mạnh, bình đẳng.

Người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT-406-21
Địa chỉ: 130 Lê Duẩn phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám thành phố Hà Nội

Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt (MST: 0110879376) là Đơn vị hợp nhất giữa 02 Công ty CP Vận tải Đường sắt Hà Nội và Công ty CP Vận tải Đường sắt Sài Gòn. Năm 2025, Công ty CP Vận tải Đường sắt đã làm Thủ tục giảm tiền thuê đất nhưng do chưa được Cơ quan thuế Thông báo nộp tiền thuê đất theo NNT cho Công ty CP Vận tải Đường sắt, nên Cơ quan thuế chưa giải quyết việc miễn giảm thuê đất cho Công ty. Để được hưởng chính sách thuế theo NĐ 230, thì Công ty thực hiện như thế nào? Trân trọng cảm ơn

Trả lời:

Tại khoản 1, khoản 2, khoản 4 và khoản 5 Điều 6, khoản 1 Điều 8 Nghị định số 230/2025/NĐ-CP ngày 19/8/2025 của Chính phủ quy định các trường hợp khác được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại khoản 2 Điều 157 Luật Đất đai năm 2024 quy định:

"Điều 6. Giảm tiền thuê đất phải nộp của năm 2025

1. Giảm 30% tiền thuê đất phải nộp của năm 2025 đối với người sử dụng đất theo quy định tại Điều 4 Luật Đất đai năm 2024 đang được Nhà nước cho thuê đất dưới hình thức trả tiền thuê đất hằng năm (bao gồm cả trường hợp có và chưa có giấy tờ pháp lý về đất đai nhưng đang sử dụng đất mà phải nộp tiền thuê đất năm 2025 theo quy định và trường hợp người sử dụng đất đang sử dụng đất nhưng chưa hoàn thiện hồ sơ về đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai). Quy định tại Điều này áp dụng cho cả trường hợp người sử dụng đất không thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền thuê đất hoặc hết thời hạn được miễn, giảm tiền thuê đất và trường hợp người sử dụng đất đang được giảm tiền

thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

2. Mức giảm tiền thuê đất của năm 2025 quy định tại khoản 1 Điều này được tính trên số tiền thuê đất phải nộp của năm 2025 theo Thông báo thu tiền thuê đất (nếu có) hoặc được tính theo quy định của pháp luật về tiền thuê đất trong trường hợp chưa có thông báo thu tiền thuê đất. Không thực hiện giảm trên số tiền thuê đất còn nợ của các năm trước năm 2025 và tiền chậm nộp (nếu có). Trường hợp người sử dụng đất đang được giảm tiền thuê đất theo quy định hoặc/và khấu trừ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật về tiền thuê đất thì mức giảm tiền thuê đất quy định tại khoản 1 Điều này được tính trên số tiền thuê đất phải nộp (nếu có) sau khi đã được giảm hoặc/và khấu trừ theo quy định của pháp luật (trừ số tiền thuê đất được giảm của năm 2024 theo quy định tại Nghị định số 87/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định việc giảm tiền thuê đất năm 2024)…

4. Hồ sơ giảm tiền thuê đất của năm 2025 Hồ sơ giảm tiền thuê đất năm 2025 là 01 Giấy đề nghị giảm tiền thuê đất năm của 2025 (bản chính) theo Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Người sử dụng đất chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của thông tin và đề nghị giảm tiền thuê đất của mình, đảm bảo đúng đối tượng được giảm tiền thuê đất theo quy định tại Nghị định này.

5. Trình tự, thủ tục giảm tiền thuê đất của năm 2025

a) Người sử dụng đất nộp 01 Giấy đề nghị giảm tiền thuê đất theo quy định tại khoản 4 Điều này (bằng một trong các phương thức: Gửi trực tiếp, gửi qua dịch vụ bưu chính, gửi qua phương thức điện tử, gửi qua Cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua hình thức khác theo quy

định của pháp luật về quản lý thuế) cho cơ quan thuế hoặc cơ quan khác theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về quản lý thuế kể từ thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 30 tháng 11 năm 2025. Không áp dụng giảm tiền thuê đất của năm 2025 theo quy định tại Nghị định này đối với trường hợp người sử dụng đất nộp hồ sơ sau ngày 30 tháng 11 năm 2025.

b) Căn cứ Giấy đề nghị giảm tiền thuê đất do người sử dụng đất nộp theo quy định tại điểm a khoản này và Thông báo nộp tiền thuê đất năm 2025 của người sử dụng đất (nếu có); không quá 30 ngày kể từ ngày nhận Giấy đề nghị giảm tiền thuê đất theo quy định tại khoản 4 Điều này, cơ quan, người có thẩm quyền xác định số tiền thuê đất được giảm và ban hành Quyết định giảm tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và pháp luật về quản lý thuế…

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 8 năm 2025.”

Căn cứ quy định trên, giảm 30% tiền thuê đất phải nộp của năm 2025 đối với người sử dụng đất theo quy định tại Điều 4 Luật Đất đai năm 2024 đang được Nhà nước cho thuê đất dưới hình thức trả tiền thuê đất hằng năm (bao gồm cả trường hợp có và chưa có giấy tờ pháp lý về đất đai nhưng đang sử dụng đất mà phải nộp tiền thuê đất năm 2025 theo quy định và trường hợp người sử dụng đất đang sử dụng đất nhưng chưa hoàn thiện hồ sơ về đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai).

Mức giảm tiền thuê đất của năm 2025 được tính trên số tiền thuê đất phải nộp của năm 2025 theo Thông báo thu tiền thuê đất (nếu có) hoặc được tính theo quy định của pháp luật về tiền thuê đất trong trường hợp chưa có thông báo thu tiền thuê đất. Không thực hiện giảm

trên số tiền thuê đất còn nợ của các năm trước năm 2025 và tiền chậm nộp (nếu có). Trường hợp người sử dụng đất đang được giảm tiền thuê đất theo quy định hoặc/và khấu trừ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật về tiền thuê đất thì mức giảm tiền thuê đất được tính trên số tiền thuê đất phải nộp (nếu có) sau khi đã được giảm hoặc/và khấu trừ theo quy định của pháp luật.

Người sử dụng đất nộp 01 Giấy đề nghị giảm tiền thuê đất của 2025 (bản chính) theo Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 230/2025/NĐ-CP 19/8/2025 của Chính phủ (bằng một trong các phương thức: Gửi trực tiếp, gửi qua dịch vụ bưu chính, gửi qua phương thức điện tử, gửi qua Cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua hình thức khác theo quy định của pháp luật về quản lý thuế) cho cơ quan thuế hoặc cơ quan khác theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về quản lý thuế kể từ thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành (ngày 19/8/2025) đến hết ngày 30/11/2025. Không áp dụng giảm tiền thuê đất của năm 2025 theo quy định tại Nghị định số 230/2025/NĐ-CP đối với trường hợp người sử dụng đất nộp hồ sơ sau ngày 30/11/2025.

Đề nghị Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt căn cứ quy định trên, liên hệ với cơ quan thuế địa phương và cung cấp hồ sơ cụ thể để được hướng dẫn thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT-395-22
Địa chỉ: 130 Lê Duẩn phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám thành phố Hà Nội

Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt (MST: 0110879376) là Đơn vị hợp nhất giữa 02 Công ty CP Vận tải Đường sắt Hà Nội và Công ty CP Vận tải Đường sắt Sài Gòn. Năm 2025, Công ty CP Vận tải Đường sắt đã

làm Thủ tục giảm tiền thuê đất nhưng do chưa được Cơ quan thuế Thông báo nộp tiền thuê đất theo NNT cho Công ty CP Vận tải Đường sắt, nên Cơ quan thuế chưa giải quyết việc miễn giảm thuê đất cho Công ty. Để được hưởng chính sách thuế theo NĐ 230, thì Công ty thực hiện như thế nào? Trân trọng cảm ơn

Trả lời:

Tại khoản 1, khoản 2, khoản 4 và khoản 5 Điều 6, khoản 1 Điều 8 Nghị định số 230/2025/NĐ-CP ngày 19/8/2025 của Chính phủ quy định các trường hợp khác được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại khoản 2 Điều 157 Luật Đất đai năm 2024 quy định:

"Điều 6. Giảm tiền thuê đất phải nộp của năm 2025

1. Giảm 30% tiền thuê đất phải nộp của năm 2025 đối với người sử dụng đất theo quy định tại Điều 4 Luật Đất đai năm 2024 đang được Nhà nước cho thuê đất dưới hình thức trả tiền thuê đất hằng năm (bao gồm cả trường hợp có và chưa có giấy tờ pháp lý về đất đai nhưng đang sử dụng đất mà phải nộp tiền thuê đất năm 2025 theo quy định và trường hợp người sử dụng đất đang sử dụng đất nhưng chưa hoàn thiện hồ sơ về đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai). Quy định tại Điều này áp dụng cho cả trường hợp người sử dụng đất không thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền thuê đất hoặc hết thời hạn được miễn, giảm tiền thuê đất và trường hợp người sử dụng đất đang được giảm tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

2. Mức giảm tiền thuê đất của năm 2025 quy định tại khoản 1 Điều này được tính trên số tiền thuê đất phải nộp của năm 2025 theo Thông báo thu tiền thuê đất (nếu có) hoặc được tính theo quy định của pháp luật về tiền thuê đất trong trường hợp chưa có thông báo thu tiền thuê đất.

Không thực hiện giảm trên số tiền thuê đất còn nợ của các năm trước năm 2025 và tiền chậm nộp (nếu có). Trường hợp người sử dụng đất đang được giảm tiền thuê đất theo quy định hoặc/và khấu trừ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật về tiền thuê đất thì mức giảm tiền thuê đất quy định tại khoản 1 Điều này được tính trên số tiền thuê đất phải nộp (nếu có) sau khi đã được giảm hoặc/và khấu trừ theo quy định của pháp luật (trừ số tiền thuê đất được giảm của năm 2024 theo quy định tại Nghị định số 87/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định việc giảm tiền thuê đất năm 2024)…

4. Hồ sơ giảm tiền thuê đất của năm 2025 Hồ sơ giảm tiền thuê đất năm 2025 là 01 Giấy đề nghị giảm tiền thuê đất năm của 2025 (bản chính) theo Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Người sử dụng đất chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của thông tin và đề nghị giảm tiền thuê đất của mình, đảm bảo đúng đối tượng được giảm tiền thuê đất theo quy định tại Nghị định này.

5. Trình tự, thủ tục giảm tiền thuê đất của năm 2025

a) Người sử dụng đất nộp 01 Giấy đề nghị giảm tiền thuê đất theo quy định tại khoản 4 Điều này (bằng một trong các phương thức: Gửi trực tiếp, gửi qua dịch vụ bưu chính, gửi qua phương thức điện tử, gửi qua Cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua hình thức khác theo quy định của pháp luật về quản lý thuế) cho cơ quan thuế hoặc cơ quan khác theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về quản lý thuế kể từ thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 30 tháng 11 năm 2025. Không áp dụng giảm tiền thuê đất của năm 2025 theo quy định tại Nghị định này đối với trường hợp người sử dụng đất nộp hồ sơ sau ngày 30 tháng 11 năm 2025.

b) Căn cứ Giấy đề nghị giảm tiền thuê đất do người sử dụng đất nộp theo quy định tại điểm a khoản này và Thông báo nộp tiền thuê đất năm 2025 của người sử dụng đất (nếu có); không quá 30 ngày kể từ ngày nhận Giấy đề nghị giảm tiền thuê đất theo quy định tại khoản 4 Điều này, cơ quan, người có thẩm quyền xác định số tiền thuê đất được giảm và ban hành Quyết định giảm tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và pháp luật về quản lý thuế…

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 8 năm 2025.”

Căn cứ quy định trên, giảm 30% tiền thuê đất phải nộp của năm 2025 đối với người sử dụng đất theo quy định tại Điều 4 Luật Đất đai năm 2024 đang được Nhà nước cho thuê đất dưới hình thức trả tiền thuê đất hằng năm (bao gồm cả trường hợp có và chưa có giấy tờ pháp lý về đất đai nhưng đang sử dụng đất mà phải nộp tiền thuê đất năm 2025 theo quy định và trường hợp người sử dụng đất đang sử dụng đất nhưng chưa hoàn thiện hồ sơ về đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai).

Mức giảm tiền thuê đất của năm 2025 được tính trên số tiền thuê đất phải nộp của năm 2025 theo Thông báo thu tiền thuê đất (nếu có) hoặc được tính theo quy định của pháp luật về tiền thuê đất trong trường hợp chưa có thông báo thu tiền thuê đất. Không thực hiện giảm trên số tiền thuê đất còn nợ của các năm trước năm 2025 và tiền chậm nộp (nếu có). Trường hợp người sử dụng đất đang được giảm tiền thuê đất theo quy định hoặc/và khấu trừ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật về tiền thuê đất thì mức giảm tiền thuê đất được tính trên số tiền thuê đất phải nộp (nếu có) sau khi đã được giảm hoặc/và khấu trừ theo quy định của pháp luật.

Người sử dụng đất nộp 01 Giấy đề nghị giảm tiền thuê đất của 2025 (bản chính) theo Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 230/2025/NĐ-CP 19/8/2025 của Chính phủ (bằng một trong các phương thức: Gửi trực tiếp, gửi qua dịch vụ bưu chính, gửi qua phương thức điện tử, gửi qua Cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua hình thức khác theo quy định của pháp luật về quản lý thuế) cho cơ quan thuế hoặc cơ quan khác theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về quản lý thuế kể từ thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành (ngày 19/8/2025) đến hết ngày 30/11/2025. Không áp dụng giảm tiền thuê đất của năm 2025 theo quy định tại Nghị định số 230/2025/NĐ-CP đối với trường hợp người sử dụng đất nộp hồ sơ sau ngày 30/11/2025.

Đề nghị Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt căn cứ quy định trên, liên hệ với cơ quan thuế địa phương và cung cấp hồ sơ cụ thể để được hướng dẫn thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Người nộp thuế: Đoàn Thị Thúy-370-23
Địa chỉ: Hà Nội

Doanh nghiệp có phát sinh lô máy móc bị hỏng, phải tạm xuất ra nước ngoài để sửa chữa, sau khi sửa chữa xong sẽ nhập về Việt Nam và thanh toán phí sửa chữa này cho doanh nghiệp nước ngoài. Doanh nghiệp đã hoàn thành thủ tục hải quan đối với hình thức tạm xuất, tái nhập này đúng theo quy định. Trong trường hợp này, - Doanh nghiệp có phải xuất hóa đơn không? - Nếu có xuất hóa đơn thì giá tính thuế, thuế suất xác định như thế nào cho lô máy móc này như thế nào? Có phải kê khai lên tờ khai thuế GTGT không? Nếu có phải kê khai và thuộc đối tượng “Không chịu thuế” thì giá tính thuế này có cộng vào tổng doanh thu trên tờ khai để xác định tỷ lệ phân bổ thuế GTGT đầu vào được khấu trừ không?

Trả lời:

Căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP)
Khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, người bán phải lập hóa đơn để giao cho người mua (bao gồm cả các trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động và tiêu dùng nội bộ (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất); xuất hàng hóa dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa) và các trường hợp lập hóa đơn theo quy định tại Điều 19 Nghị định này. Hóa đơn phải ghi đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 10 Nghị định này. Trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử phải theo định dạng chuẩn dữ liệu của cơ quan thuế theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.
Theo đó, việc lập hóa đơn được thực hiện khi có hoạt động bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Đề nghị Công ty thực hiện theo quy định trên.

Người nộp thuế: Đoàn Thị Thúy-359-24
Địa chỉ: Hà Nội

Doanh nghiệp có phát sinh cho một doanh nghiệp khác mượn máy móc, thiết bị. Theo quy định tại Khoản 1, Điều 4, Nghị Định 123/2020/NĐ-CP quy định như sau: Điều 4. Nguyên tắc lập, quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ Khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, người bán phải lập hóa đơn để giao cho người mua (bao gồm cả các trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động và tiêu dùng nội bộ (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ

để tiếp tục quá trình sản xuất); xuất hàng hóa dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa) và phải ghi đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 10 Nghị định này, trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử thì phải theo định dạng chuẩn dữ liệu của cơ quan thuế theo quy định tại Điều 12 Nghị định này. Như vậy, khi xuất hàng hóa dưới các hình thức cho vay, cho mượn, hoặc hoàn trả hàng hóa thì Doanh nghiệp cần phải xuất hóa đơn. Vậy, trong trong trường hợp này, Doanh nghiệp cho mượn sẽ xuất hóa đơn như thế nào? Doanh nghiệp đi mượn khi thực hiện hoàn trả sẽ xuất hóa đơn như thế nào? (Cụ thể về việc xác định giá tính thuế, thuế suất và hướng dẫn kê khai thuế.)

Trả lời:

Nghị định số 70 quy định về nguyên tắc lập hóa đơn khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, trong đó, hoạt động cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa phải lập hóa đơn.
Nội dung hóa đơn được quy định tại Điều 10 Nghị định số 123 (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70).
Do đó, khi cho mượn máy móc, thiết bị Công ty cho mượn phải thực hiện lập hóa đơn. Khi hoàn trả tài sản đã mượn, Công ty đi mượn phải lập hóa đơn đối với tài sản trả lại theo quy định tại Nghị định 70, Nghị định 123.
Nội dung trên hóa đơn khi cho mượn và trả lại tài sản thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 10 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP).

Người nộp thuế: Đoàn Thị Thúy-347-25
Địa chỉ: Hà Nội

Công ty có mua voucher từ nhà cung cấp và tặng cho nhân viên, trong điều khoản hợp đồng có quy định rằng nhà cung cấp không xuất hóa đơn cho Công ty mà xuất hóa đơn GTGT cho người sử dụng thẻ quà tặng trực tiếp đối với hàng hóa, dịch vụ trong voucher đã mua. Trường hợp này Công ty tôi có phải xuất hóa đơn GTGT khi tặng voucher cho nhân viên hay không? Trường hợp xuất hóa đơn thì giá tính thuế và thuế suất áp dụng như thế nào?

Trả lời:

Căn cứ Điều 9 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ quy định về thời điểm lập hóa đơn:
Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 1 Nghị định 70/2025/NĐ-CP ngày 20/03/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 6, khoản 7 và bổ sung khoản 9 vào Điều 4 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ (có hiệu lực từ ngày 1/6/2025).
Căn cứ khoản 1 Điều 6 và khoản 1 Điều 14 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế GTGT về giá tính thuế và nguyên tắc xác định giá tính thuế giá trị gia tăng (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025);
Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp Công ty ký hợp đồng với đối tác thực hiện chương trình ưu đãi về việc tặng quà/phúc lợi cho nhân viên (bán voucher, thẻ quà tặng), trong hợp đồng có quy định đối tác xuất hóa đơn GTGT cho người sử dụng thẻ quà tặng, voucher thì hoạt động bán voucher không phải hoạt động bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, do đó không phải lập hóa đơn.

Người nộp thuế: Đoàn Thị Thúy-329-26
Địa chỉ: Hà Nội

Công ty tôi là Doanh nghiệp chế xuất có mua bánh trung thu làm quà tặng cho nhân viên. Theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định 70/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ thì trường hợp "cho, biếu, tặng" cho người lao động thì phải xuất hóa đơn GTGT. Vậy, trường hợp này Công ty tôi có phải đăng ký mẫu hóa đơn GTGT để xuất hóa đơn GTGT đối với việc " cho, biếu tặng" hay không? Trường hợp xuất hóa đơn thì thuế suất thuế GTGT áp dụng và việc kê khai trên tờ khai thuế GTGT mẫu 01/GTGT được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Nghị định 70 và Nghị định 123 quy định về loại hóa đơn tại Điều 8 và thời điểm lập hóa đơn tại Điều 4.
Đề nghị Công ty nghiên cứu quy định tại Điều 8 và Điều 4 để thực hiện theo quy định.

Người nộp thuế: Đoàn Thị Thúy-328-27
Địa chỉ: Hà Nội

Công ty tôi có nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài theo điều khoản giao hàng DDU, người bán chịu trách nhiệm vận chuyển hàng hóa đến địa điểm giao hàng do Công ty tôi chỉ định và hợp đồng không kèm theo việc cung cấp bất kỳ dịch vụ nào tại Việt Nam như lắp đặt, chạy thử, bảo hành, bảo dưỡng... (bao gồm cả trường hợp dịch vụ kèm theo miễn phí) . Chúng tôi muốn hỏi tỷ lệ tính thuế nhà thầu (VAT và CIT) trong trường hợp này như thế nào?

Trả lời:

Về thuế TNDN:
Theo quy định pháp luật thuế TNDN hiện hành, tổ chức nước ngoài thực hiện phân phối hàng hóa tại Việt Nam hoặc cung cấp hàng hóa theo điều kiện giao hàng của các điều khoản thương mại quốc tế - Incoterms mà người bán chịu rủi ro liên quan đến hàng hóa vào đến lãnh thổ Việt Nam thì thuộc trường hợp nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 1% trên doanh thu tính thuế.
Trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện cung cấp hàng hóa cho Công ty không kèm theo các dịch vụ được thực hiện tại Việt Nam dưới các hình thức quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 103/2014/TT-BTC thì không thuộc trường hợp nộp thuế nhà thầu, cụ thể:
"- Giao hàng tại cửa khẩu nước ngoài: người bán chịu mọi trách nhiệm, chi phí, rủi ro liên quan đến việc xuất khẩu hàng và giao hàng tại cửa khẩu nước ngoài; người mua chịu mọi trách nhiệm, chi phí, rủi ro liên quan đến việc nhận hàng, chuyên chở hàng từ cửa khẩu nước ngoài về đến Việt Nam (kể cả trường hợp giao hàng tại cửa khẩu nước ngoài có kèm điều khoản bảo hành là trách nhiệm và nghĩa vụ của người bán).
- Giao hàng tại cửa khẩu Việt Nam: người bán chịu mọi trách nhiệm, chi phí, rủi ro liên quan đến hàng hóa cho đến điểm giao hàng tại cửa khẩu Việt Nam; người mua chịu mọi trách nhiệm, chi phí, rủi ro liên quan đến việc nhận hàng, chuyên chở hàng từ cửa khẩu Việt Nam (kể cả trường hợp giao hàng tại cửa khẩu Việt Nam có kèm điều khoản bảo hành là trách nhiệm và nghĩa vụ của người bán)."
Theo quy định Incoterms hiện hành không còn quy định điều kiện giao hàng DDU như trường hợp Công ty trình bày. Do đó, đề nghị Công ty xem xét lại điều kiện giao hàng theo hợp đồng nhập khẩu và quy định nêu trên để xác định nghĩa vụ thuế cho phù hợp.

Người nộp thuế: Lân-321-28
Địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh

Cho tôi hỏi có thể đề nghị thay đổi cơ quan quản lý thuế đối với cá nhân được không? Và quy trình thực hiện như thế nào, nhờ Cơ quan Thuế hướng dẫn.

Trả lời:

Cơ quan thuế quản lý trực tiếp đối với cá nhân thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 3 Thông tư số 80/2021/TT-BTC như sau:

“5. “Cơ quan thuế quản lý trực tiếp” bao gồm:

…d) Đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công thì cơ quan thuế quản lý trực tiếp là cơ quan thuế cấp mã số thuế và được thay đổi theo cơ quan thuế thực hiện quyết toán thuế cho cá nhân theo quy định;

đ) Đối với cá nhân nhận thừa kế, quà tặng là chứng khoán hoặc phần vốn góp trong các tổ chức kinh tế, cơ sở kinh doanh tại Việt Nam, thuộc diện khai thuế trực tiếp với cơ quan thuế thì cơ quan thuế quản lý trực tiếp là cơ quan thuế quản lý đơn vị phát hành; trường hợp có nhiều cơ quan thuế quản lý nhiều đơn vị phát hành thì cơ quan thuế quản lý trực tiếp là cơ quan thuế nơi cá nhân nhận thừa kế, quà tặng cư trú.”

Quy định hiện hành không có thủ tục cá nhân đề nghị thay đổi cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp.

Người nộp thuế: Đoàn Thị Thúy-318-29
Địa chỉ: Hà Nội

Công ty tôi là Doanh nghiệp chế xuất. Trong năm, công ty tôi có thu được phế liệu từ việc sửa chữa nhà xưởng và bán vào nội địa. Trường hợp này Công ty tôi có phải xuất hóa đơn GTGT, kê khai tờ khai 01/GTGT hay không? Thủ tục hải quan (nếu có) đối với trường hợp này thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP quy định về nguyên tắc lập, quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ.
Căn cứ quy định về người nộp thuế tai Điều 3 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP.
Công ty thực hiện lập hóa đơn khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Đối với tờ khai số 01/GTGT áp dụng đối với người nộp thuế tính thuế theo phương pháp khấu trừ có hoạt động sản xuất kinh doanh.
Về thủ tục hải quan, đề nghị liên hệ cơ quan thuế, cơ quan hải quan để được hướng dẫn.

Người nộp thuế: Đoàn Thị Thúy-314-30
Địa chỉ: Hà Nội

Căn cứ khoản 3, Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan và Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng tại Luật số 90/2025/QH15 của Quốc hội thì trường hợp này được coi là “Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ” và được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% như hàng hóa xuất khẩu. Tuy nhiên, Nghị định 181/2025/NĐ-CP, Thông tư số 69/2025/TT-BTC quy định chi tiết thi hành một số điều Luật thuế GTGT số 48/2024/QH15 chưa hướng dẫn hồ sơ, thủ tục áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% đối với hàng hóa xuất khẩu tại chỗ. Do vậy, trường hợp doanh nghiệp chế xuất bán hàng

cho Doanh nghiệp nước ngoài và chỉ định giao hàng tại doanh nghiệp Việt Nam (không phải là doanh nghiệp chế xuất) có được áp dụng mức thuế suất 0% hay không? Và hồ sơ, thủ tục để áp dụng như thế nào?

Trả lời:

- Tại điểm a khoản 1 Điều 9 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15) quy định về mức thuế suất 0% như sau:
"1. Mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ sau đây:
a) Hàng hóa xuất khẩu bao gồm: hàng hóa từ Việt Nam bán cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; hàng hóa từ nội địa Việt Nam bán cho tổ chức trong khu phi thuế quan và được tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu; hàng hóa đã bán tại khu vực cách ly cho cá nhân (người nước ngoài hoặc người Việt Nam) đã làm thủ tục xuất cảnh; hàng hóa đã bán tại cửa hàng miễn thuế; hàng hóa xuất khẩu tại chỗ;"
- Tại Điều 4 Thông tư số 69/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ Tài chính quy định như sau:
"Điều 4. Hồ sơ, thủ tục áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Thuế giá trị gia tăng
1. Người nộp thuế căn cứ hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Thuế giá trị gia tăng và Điều 17 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng để xác định đối tượng áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0%.
2. Khi cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu thì người nộp thuế phải xuất

trình hồ sơ, thủ tục đảm bảo đáp ứng quy định về điều kiện áp dụng thuế suất 0% quy định tại Điều 18 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng.
Đối với trường hợp xuất khẩu hàng hóa qua sàn thương mại điện tử ở nước ngoài và một số trường hợp đặc thù khác, khi cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu thì người nộp thuế phải xuất trình hồ sơ, thủ tục đảm bảo đáp ứng quy định về điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào quy định tại Điều 27, Điều 28 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng."
Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp hàng hóa được doanh nghiệp chế xuất bán cho doanh nghiệp nước ngoài và chỉ định giao hàng tại Việt Nam (không phải là doanh nghiệp chế xuất) là hàng hóa xuất khẩu tại chỗ thì được áp dụng thuế suất 0%. Hồ sơ, thủ tục áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Thuế GTGT thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 69/2025/TT-BTC.

Người nộp thuế: Nguyễn Thị Song - Phụ trách xuất nhập khẩu - Công ty cổ phần rượu Bình Tây-312-31
Địa chỉ: HCM

1. Công ty chúng tôi nhận gia công cho đối tác nước ngoài gia công rượu xuất khẩu, có một số mặt hàng đã sản xuất ra thành phẩm nhưng do bị lỗi thời nên khách hàng yêu cầu tiêu huỷ tại Việt Nam, vậy chúng tôi có phải chịu thuế VAT cho phí gia công đối với sản phẩm gia công xuất khẩu nhưng không xuất khẩu được mà phải tiêu huỷ không? Đồng thời, có phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt đối với mặt hàng rượu gia công

xuất khẩu phải tiêu huỷ không - vì chúng tôi chỉ nhận phí gia công. 2. Liên quan đến việc mua tem thuế đối với mặt hàng rượu: Từ khi chuyển đổi qua cục thuế TP. HCM quản lý, việc cấp, mua tem thuế gặp nhiều khó khăn, mỗi lần chỉ cấp được 20.000 - 30.000 tem/tháng, không đủ cho hoạt động của doanh nghiệp, điều này gây khó khăn cho việc bán hàng của doanh nghiệp.

Trả lời:

1. *Về Thuế GTGT:*

Trường hợp Công ty nhận gia công rượu cho đối tác nước ngoài, chỉ thu phí gia công, tuy nhiên sản phẩm gia công không thực tế xuất khẩu mà phải tiêu hủy tại Việt Nam theo yêu cầu của bên đặt gia công, thì hoạt động gia công này không đáp ứng điều kiện là dịch vụ xuất khẩu theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15, do dịch vụ được thực hiện và kết thúc tại Việt Nam và không gắn với hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài. Đồng thời, hoạt động này cũng không thuộc đối tượng không chịu thuế quy định tại Điều 5 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15. Do đó, phí gia công mà Công ty thu được phải kê khai, nộp thuế GTGT theo thuế suất 10% theo quy định.

Về Thuế TTĐB

Công ty chỉ thực hiện hoạt động gia công, không phải là chủ sở hữu hàng hóa, không bán, không tiêu thụ rượu tại thị trường nội địa và toàn bộ số rượu đã được tiêu hủy theo đúng quy định của pháp luật, nên không phát sinh nghĩa vụ kê khai, nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với số rượu gia công bị tiêu hủy.

2. Nội dung vướng mắc này liên quan trực tiếp đến công tác quản lý sử dụng tem trên địa bàn của Thuế TPHCM với tổ chức, cá nhân liên quan thuộc phạm vi quản lý theo phân cấp. Cục Thuế sẽ

chuyển nội dung vướng mắc đến Thuế TPHCM để trả lời theo đúng phân cấp và thẩm quyền.

Người nộp thuế: Đoàn Thị Thúy-307-32
Địa chỉ: Hà Nội

Thời điểm xuất hóa đơn với hoạt động chuyển nhượng bất động sản: Tại khoản 4 Điều 9 Nghị định 123/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 70/2025/NĐ-CP) quy định thời điểm xuất hóa đơn trong một số trường hợp cụ thể như sau: ((4) Tổ chức kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, chuyển nhượng thì thời điểm lập hóa đơn được quy định cụ thể theo từng trường hợp khác nhau như sau: - Chưa chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng: Có thực hiện thu tiền theo tiến độ thực hiện dự án hoặc tiến độ thu tiền ghi trong hợp đồng thì thời điểm lập hóa đơn là ngày thu tiền hoặc theo thỏa thuận thanh toán trong hợp đồng. - Đã chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng: Thời điểm lập hóa đơn thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. Quy định trên áp dụng với tổ chức kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, chuyển nhượng, còn Công ty chúng tôi hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất ghế ô tô, trong quá trình tiến hành giải thể chúng tôi có thanh lý chuyển nhượng bất động sản và công trình trên đất, chúng tôi sẽ thu trước 30% giá trị hợp đồng tại thời điểm ký hợp đồng chuyển nhượng. Vậy khi chúng tôi nhận trước 30% giá trị hợp đồng chuyển nhượng này chúng tôi có phải xuất hóa đơn không, hay chúng tôi sẽ xuất hóa đơn 1 lần tại thời điểm chuyển giao quyền sở hữu?

Trả lời:

Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và Nghị định số 70/2025/NĐ-CP đã quy định về thời điểm lập hóa đơn tại Điều 9, trong đó quy định cụ thể thời điểm lập hóa đơn hoạt động bán hàng hóa, xuất khẩu hàng hóa, cung cấp dịch vụ, trường hợp giao hàng nhiều lần hoặc bàn giao từng hạng mục, công đoạn dịch vụ, thời điểm lập hóa đơn đối với từng trường hợp cụ thể: bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ với số lượng lớn, phát sinh thường xuyên, dịch vụ viễn thông, hoạt động xây dựng, lắp đặt, tổ chức kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, chuyển nhượng,…
Đề nghị Công ty căn cứ hàng hóa, dịch vụ Công ty cung cấp để xác định thời điểm lập hóa đơn theo đúng quy định.

Người nộp thuế: Đoàn Thị Thúy-287-33
Địa chỉ: Hà Nội

Theo luật thuế TNDN số 67/2025/QH15 có hiệu lực từ 1/10/2025 thì Khu công nghiệp đã không còn nằm trong danh mục được ưu đãi theo địa bàn. Vậy Công ty chúng tôi có dự án đầu tư mới tại khu công nghiệp đã hoàn thành trước khi luật thuế TNDN số 67/2025/QH15 có hiệu lực thì chúng tôi có được hưởng ưu đãi thuế TNDN đối với dự án đầu tư mới thực hiện tại khu công nghiệp không?

Trả lời:

- Tại Điều 24 và Điều 25 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp:
“Điều 24. Hiệu lực thi hành
1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và áp dụng từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025”.

“Điều 25. Điều khoản chuyển tiếp
1. Doanh nghiệp có dự án đầu tư mới trước ngày Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp có hiệu lực còn đang trong thời gian hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả trường hợp dự án đầu tư mới chưa được hưởng ưu đãi theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành, thì được hưởng ưu đãi cho thời gian còn lại theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc được chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc được phép đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành; trường hợp mức ưu đãi tại Nghị định này cao hơn mức ưu đãi đang hưởng thì được chuyển sang áp dụng ưu đãi theo Nghị định này cho thời gian còn lại. Thời gian còn lại quy định tại điểm này được tính từ kỳ tính thuế 2025”.
Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp doanh nghiệp có dự án đầu tư mới trước ngày Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp có hiệu lực (1/10/2025) còn đang trong thời gian hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả trường hợp dự án đầu tư mới chưa được hưởng ưu đãi theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp trước thời điểm Nghị định số 320/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành thì doanh nghiệp tiếp tục được hưởng ưu đãi cho thời gian còn lại theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc được chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc được phép đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Người nộp thuế: ĐỖ Thị Diệp-285-34
Địa chỉ: Hà Nội

tôi là cá nhân có tài sản cho thuê, doanh thu 1 năm dưới 500 triệu, thì có bắt buộc phải lập hộ kinh doanh không, hay chỉ cần xin cấp mã số thuế cho thuê tài sản và nộp tời khai online thôi? Tôi có tham khảo một số thuế cơ sở thì yêu cầu lập HKD, 1 số thuế lại không yêu cầu. Trường hợp của tôi có bắt buộc phải lên HKD không

Trả lời:

Trường hợp của bạn xác định có phải đăng ký hộ kinh doanh hay không phải đăng ký hộ kinh doanh căn cứ theo quy định tại Điều 82 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP như sau:

“Điều 82. Quyền thành lập hộ kinh doanh

1. Hộ kinh doanh do một cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh của hộ...

...3. Hộ gia đình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, làm muối và những người bán hàng rong, quà vặt, buôn chuyến, kinh doanh lưu động, kinh doanh thời vụ, làm dịch vụ có thu nhập thấp không phải đăng ký hộ kinh doanh, trừ trường hợp kinh doanh các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định mức thu nhập thấp áp dụng trên phạm vi địa phương.

4. Trường hợp có nhu cầu thành lập hộ kinh doanh, các đối tượng tại khoản 3 Điều này đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại Nghị định này.”

Do đó:

- Trường hợp bạn đăng ký thành lập hộ kinh doanh thì ban thực hiện đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông cùng với đăng ký kinh

doanh theo quy định tại Nghị định số 168/2025/NĐ-CP và Thông tư số 68/2025/TT-BTC.

- Trường hợp bạn không đăng ký thành lập hộ kinh doanh thì bạn thực hiện đăng ký thuế với cơ quan thuế theo quy định tại Thông tư số 86/2024/TT-BTC.

Người nộp thuế: Công ty CP 5F Global-268-35
Địa chỉ: Hà Nội

Hiện nay việc xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, ngư nghiệp đang có khá nhiều sự chuyển biến đáng kể trong việc xuất khẩu, đặc biệt là các giấy tờ chứng nhận đạt tiêu chuẩn xuất khẩu và đặc biệt là xuất khẩu Sầu riêng vừa qua, khiến DN Việt bị thiệt hại nhiều do quy trình cấp giấy chứng nhận khó khăn hơn, sản lượng xuất giảm. Vậy xin Cục Hải Quan đưa ra chủ trương, giải pháp tối ưu nhằm hỗ trợ DN về tiêu chuẩn XNK, thủ tục Xuất nhập khẩu, thuế & chính sách ưu tiên cho sản phẩm Nông Lâm Nghiệp.

Trả lời:

Đối với các chính sách ưu tiên cho sản phẩm nông, lâm nghiệp, Cục Hải quan đã có các công văn số 28642/CHQ-GSQL ngày 09/10/2025, công văn số 6491/CHQ-GSQL ngày 28/05/2025 chỉ đạo các Chi cục Hải quan thực hiện cụ thể:

- Thực hiện thông quan nhanh trong ngày đối với hàng hoá xuất khẩu là hàng nông, lâm, thuỷ sản tại địa bàn, đặc biệt là sầu riêng và hàng hóa dễ hư hỏng (kể cả ngoài giờ hành chính); Bố trí cán bộ, công chức giải quyết thủ tục thông quan và giám sát hàng hóa xuất khẩu ngoài giờ hành chính, ngày nghỉ, ngày lễ. Giải quyết ngay các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan xuất khẩu hàng hoá.

- Tạo thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của các doanh nghiệp tuân thủ tốt pháp luật, khuyến khích và hỗ trợ người khai hải quan tuân thủ pháp luật. Đẩy mạnh triển khai việc khai báo thông tin trước khi hàng đến để có cơ sở phân tích đánh giá rủi ro, thông quan hàng hóa nhanh chóng.

- Phối hợp với các doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi tại khu vực cửa khẩu bố trí địa điểm và tạo điều kiện cho việc bảo quản, phân loại chất lượng hàng hóa của doanh nghiệp trong thời gian chờ xuất khẩu, tránh ảnh hưởng đến chất lượng hàng hóa nông, lâm, thủy sản xuất khẩu.

- Thường xuyên cập nhật tình hình, cung cấp thông tin, khuyến cáo kịp thời về quy định, chính sách nhập khẩu hàng hoá nông, lâm, thuỷ sản của nước nhập khẩu tới các doanh nghiệp xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy sản qua các cửa khẩu trên địa bàn. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng trên địa bàn điều tiết giao thông cho xe ra vào không bị ùn tắc, ảnh hưởng đến tiến độ thông quan hàng hóa.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa là nông, lâm, thuỷ sản, nhất là đối với mặt hàng có nguy cơ gian lận xuất xứ, mặt hàng có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm.

- Trường hợp phát hiện các vụ việc vi phạm thì xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Đối với những vướng mắc phát sinh vượt thẩm quyền, kịp thời báo cáo về Cục Hải quan để được hướng dẫn xử lý.

Người nộp thuế: Đoàn Thị Thúy-262-36
Địa chỉ: Hà Nội

Theo Nghị định 70/2025/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 123/2020/NĐ-CP Đối với xuất khẩu hàng hóa (bao gồm cả gia công xuất khẩu), thời điểm lập hóa đơn thương mại điện tử, hóa đơn

giá trị gia tăng điện tử hoặc hóa đơn bán hàng điện tử do người bán tự xác định nhưng chậm nhất không quá ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày hàng hóa được thông quan theo quy định pháp luật về hải quan. Trường hợp với điều kiện giao hàng trước khi thông quan theo điều kiện xuất khẩu thì : - Về tỷ giá ghi trên hóa đơn và tỷ giá quy đổi để ghi nhận doanh thu chúng tôi sẽ lấy tại ngày xuất hóa đơn hay tại ngày hàng hóa được thông quan? - Về kê khai doanh thu đầu ra chúng tôi sẽ kê khai và ghi nhận doanh thu theo ngày của hóa đơn hay theo ngày hàng hóa được thông quan?

Trả lời:

Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và Nghị định số 70/2025/NĐ-CP đã có quy định về nội dung hóa đơn tại Điều 10 (trong đó có quy định về đồng tiền ghi trên hóa đơn) và quy định về thời điểm lập hóa đơn tại Điều 9. Đề nghị doanh nghiệp nghiên cứu và thực hiện theo quy định trên.

Người nộp thuế: Công Ty TNHH Tư Vấn - Kiểm Toán SampS-260-37
Địa chỉ: HCM

Nếu tôi gửi hàng mẫu cho không thu tiền khách hàng ở nước ngoài bằng EMS thì có cần mở tờ khai hải quan có đúng quy định không?

Trả lời:

Trường hợp gửi hàng mẫu không thu tiền khách hàng ở nước ngoài bằng EMS thì người khai hải quan vẫn phải hực hiện mở tờ khai theo đúng quy định tại Thông tư 49/2015/TT-BTC ngày 14/4/2015 và Thông tư số 56/2019/TT-BTC ngày 23/8/2017 của Bộ Tài chính.

Người nộp thuế: Đoàn Thị Thúy-251-38
Địa chỉ: Hà Nội

Kê khai Bù trừ: Hướng dẫn cách kê khai việc bù trừ lãi từ chuyển nhượng BĐS (TSCĐ) với lỗ lũy kế trên Tờ khai quyết toán TNDN 03/TNDN khi giải thể. 2. Phạm vi lỗ: Phạm vi lỗ được phép bù trừ với lãi từ chuyển nhượng BĐS (theo Luật TNDN 2025) là lỗ phát sinh trong năm hay lỗ lũy kế?

Trả lời:

Tại Điều 6, Điều 7, Điều 24 và Điều 25 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp:
"Điều 6. Thu nhập chịu thuế và bù trừ thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế
1. Doanh nghiệp có nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ tính thuế thì thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất, kinh doanh là tổng thu nhập của tất cả các hoạt động sản xuất, kinh doanh.
2. Trường hợp doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh bị lỗ thì được bù trừ số lỗ vào thu nhập chịu thuế của các hoạt động sản xuất, kinh doanh có thu nhập do doanh nghiệp tự lựa chọn, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.
Phần thu nhập chịu thuế còn lại sau khi bù trừ áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động sản xuất, kinh doanh còn thu nhập.
3. Trường hợp doanh nghiệp có hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư bị lỗ thì không bù trừ với thu nhập chịu thuế của hoạt động sản xuất, kinh doanh đang được hưởng ưu đãi thuế có thu nhập.
4. Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng dự án đầu tư thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; chuyển nhượng quyền tham gia dự

án đầu tư thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản phải xác định riêng để kê khai nộp thuế, không được bù trừ lỗ, lãi với hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ tính thuế…".

"Điều 7. Xác định lỗ và chuyển lỗ

1. Lỗ phát sinh trong kỳ tính thuế là số chênh lệch âm về thu nhập tính thuế chưa bao gồm các khoản lỗ được kết chuyển từ các năm trước chuyển sang.

2. Doanh nghiệp sau khi quyết toán thuế mà bị lỗ thì chuyển toàn bộ và liên tục số lỗ vào thu nhập chịu thuế những năm tiếp theo. Thời gian chuyển lỗ tính liên tục không quá 05 năm, kể từ năm tiếp theo năm phát sinh lỗ….".

"Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và áp dụng từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025. Việc xác định thời gian áp dụng trong một số trường hợp cụ thể như sau:

a) Doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng quy định về doanh thu, chi phí, ưu đãi thuế, miễn thuế, giảm thuế, chuyển lỗ tại Nghị định này từ đầu kỳ tính thuế năm 2025 hoặc từ ngày Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp có hiệu lực hoặc từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành;…".

"Điều 25. Điều khoản chuyển tiếp

4. Doanh nghiệp có số lỗ phát sinh trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành (bao gồm cả số lỗ từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư) nhưng còn trong thời hạn chuyển lỗ theo quy định thì tiếp tục được chuyển lỗ theo quy định tại Nghị định này cho thời gian còn lại. Số lỗ từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư của các kỳ trước không được chuyển vào lãi từ hoạt động sản xuất,

kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế….".
Căn cứ các quy định nêu trên, kể từ kỳ tính thuế năm 2025 hoạt động kinh doanh bất động sản được thực hiện theo nguyên tắc bù trừ như sau: trường hợp doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh bị lỗ thì được bù trừ số lỗ vào thu nhập chịu thuế của các hoạt động sản xuất, kinh doanh có thu nhập do doanh nghiệp tự lựa chọn, trừ trường hợp trường hợp doanh nghiệp có hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư bị lỗ thì không bù trừ với thu nhập chịu thuế của hoạt động sản xuất, kinh doanh đang được hưởng ưu đãi thuế có thu nhập.
Trường hợp doanh nghiệp có số lỗ phát sinh trước thời điểm Nghị định số 320/2025/NĐ – CP có hiệu lực thi hành (bao gồm cả số lỗ từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư) nhưng còn trong thời hạn chuyển lỗ theo quy định thì tiếp tục được chuyển lỗ theo quy định tại Nghị định này cho thời gian còn lại. Số lỗ từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư của các kỳ trước không được chuyển vào lãi từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế.
Đề nghị Công ty liên hệ với cơ quan thuế địa phương để được hướng dẫn thực hiện theo đúng quy định pháp luật thuế.

Người nộp thuế: Công ty TNHH Kohsei Multipack Việt Nam-245-39
Địa chỉ: Vĩnh Phúc

Thời gian giải quyết thủ tục thông quan lô hàng bình quân đối với từng loại (Đỏ, Vàng và Xanh) Đỏ 2 tiếng, vàng 30 phút, xanh 3 phút.

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 23, Điều 37 Luật Hải quan; Điều 19 Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 được sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính thì thủ tục thông quan của hải quan Việt Nam được thực hiện trên Hệ thống thông quan tự động VNACCS hoạt động 24/7. Hàng hoá nhập khẩu sẽ được phân loại kiểm tra vào 03 luồng (xanh, vàng, đỏ) tuỳ theo mức độ đánh giá rủi ro của Hệ thống. Trường hợp hệ thống tiếp nhận đủ thông tin và phân loại vào luồng xanh thì hàng hoá sẽ được thông quan ngay. Trường hợp hệ thống phân loại vào luồng vàng thì công chức hải quan kiểm tra hồ sơ chậm nhất không quá 02 giờ làm việc kể từ thời điểm cơ quan hải quan tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hải quan và thông quan ngay sau khi hoàn thành kiểm tra hồ sơ hải quan. Trường hợp hệ thống phân loại vào luồng đỏ thì công chức hải quan kiểm tra thực tế hàng hóa chậm nhất là 08 giờ làm việc kể từ thời điểm người khai hải quan xuất trình đầy đủ hàng hóa cho cơ quan hải quan.

Trường hợp hàng hóa thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành về chất lượng, y tế, văn hóa, kiểm dịch động vật, thực vật, an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật có liên quan thì hàng hóa được thông quan khi lô hàng có kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định.

Người nộp thuế: Nguyễn Văn Thái-234-40
Địa chỉ: Sau lưng trại tạm giam công an thành phố phủ lý

Từ 1/1/2026, bỏ hình thức khoán đối với cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh. Như vậy, từ tờ khai tháng 1/2026 trở đi, Tổ chức chi trả các khoản thưởng, hỗ trợ đạt doanh số, khuyến mại, chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, chi hỗ trợ bằng tiền hoặc không bằng tiền,

các khoản bồi thường vi phạm hợp đồng, bồi thường khác cho hộ khoán có phải thực hiện tờ khai thay nữa không?

Trả lời:

Hiện nay, quy định về khai nộp thuế thay cho Hộ, cá nhân kinh doanh được quy định tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành (Nghị định số 126/2021/NĐ-CP, Thông tư số 80/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính...). Chính sách thuế của Hộ kinh doanh sẽ thực hiện theo pháp luật về thuế GTGT và thuế TNCN.

Về quản lý thuế đối với HKD, Bộ Tài chính đang trình Chính phủ xây dựng Nghị định hướng dẫn. Khi Nghị định có hiệu lực, NNT căn cứ các quy định của pháp luật về thuế và quản lý thuế để thực hiện việc khai và nộp thuế.

Người nộp thuế: Công ty Honda Việt Nam-233-41
Địa chỉ: Phúc Yên Phú Thọ

Doanh nghiệp nhập khẩu dòng xe có thuế TTĐB trong tháng N, tại lúc này ở khâu hải quan DN hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế NK & thuế TTĐB do đang xin nợ CO. Tháng N+1, DN bán ra 1 số xe (vẫn còn tồn 1 số xe chưa bán) và đã thực hiện nộp thuế TTĐB ở khâu nội địa theo đúng nguyên tắc khấu trừ số thuế tương ứng đã nộp ở khâu hải quan theo quy định tại TT 195. Tháng N+2, khi xác định được có đủ điều kiện xin hoàn thuế NK & thuế TTĐB do đã có đủ CO, DN làm yêu cầu xin hoàn thuế NK & thuế TTĐB ở hải quan. Trong trường hợp này, nguyên tắc để xác định số thuế xin hoàn thuế tại khâu hải quan cũng như cách thức kê khai thuế cần thực hiện như thế nào để đảm bảo phù hợp với quy định?

Trả lời:

Trường hợp doanh nghiệp phát sinh số tiền thuế nhập khẩu nộp thừa do nộp bổ sung C/O với cơ quan hải quan, đề nghị doanh nghiệp nghiên cứu quy định về xử lý tiền thuế nhập khẩu nộp thừa tại Điều 60 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14. Trường hợp phát sinh vướng mắc liên hệ cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan để được hướng dẫn cụ thể.

Người nộp thuế: Đoàn Thị Thúy-225-42
Địa chỉ: Hà Nội

Thuế suất thuế GTGT khi thực hiện các dịch vụ nêu trên cho doanh nghiệp chế xuất là 0% hay 10% /8% Với trường hợp được áp dụng thuế suất 0%, đề nghị quý cơ quan hướng dẫn hồ sơ chi tiết mà doanh nghiệp nội địa cung cấp các dịch vụ trên phải có để đảm bảo cơ quan thuế chấp nhận đủ hồ sơ áp dụng thuế suất 0% theo quy định.

Trả lời:

Tại điểm b khoản 1 Điều 9 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 quy định về mức thuế suất 0% như sau:

“b) Dịch vụ xuất khẩu bao gồm: dịch vụ cung cấp trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; dịch vụ cung cấp trực tiếp cho tổ chức ở trong khu phi thuế quan và được tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu;”

Tại Điều 17 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế GTGT quy định về mức thuế suất 0% như sau:

“Điều 17. Mức thuế suất 0%

Mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Thuế giá trị gia tăng. Trong đó:

...

2. Dịch vụ xuất khẩu bao gồm:

...

b) Dịch vụ cung cấp trực tiếp cho tổ chức ở trong khu phi thuế quan và được tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu, bao gồm: dịch vụ cung cấp trực tiếp cho tổ chức ở trong khu phi thuế quan và được tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu; dịch vụ vận chuyển, dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất (dịch vụ nâng hạ container tại cảng, nhà máy, kho hàng; dịch vụ xếp dỡ, bốc xếp tại nhà máy, cảng, sân bay và các chi phí phát sinh có liên quan như: phí chứng từ, phí điện giao hàng, phí niêm chì, phí làm hàng, phí đóng gói). Tổ chức trong khu phi thuế quan là tổ chức có đăng ký kinh doanh.

...

4. Các trường hợp không áp dụng thuế suất 0% quy định tại điểm b và d khoản 1 Điều 9 Luật Thuế giá trị gia tăng bao gồm:

a) Chuyển giao công nghệ, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ ra nước ngoài.

b) Dịch vụ tái bảo hiểm ra nước ngoài.

c) Dịch vụ cấp tín dụng.

d) Chuyển nhượng vốn.

đ) Sản phẩm phái sinh.

e) Dịch vụ bưu chính, viễn thông.

g) Sản phẩm xuất khẩu quy định tại khoản 14 Điều 4 của Nghị định này.

h) Thuốc lá, rượu, bia nhập khẩu sau đó xuất khẩu.

i) Xăng, dầu mua tại nội địa bán cho cơ sở kinh doanh trong khu phi thuế quan; xe ô tô bán cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan.

k) Các dịch vụ cung cấp tại Việt Nam cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài như sau: thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật, văn hóa, giải trí, hội nghị, khách sạn, đào tạo, quảng cáo, du lịch lữ hành; dịch vụ cung cấp gắn với việc bán, phân phối, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa tại Việt Nam; dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt.

l) Các dịch vụ do cơ sở kinh doanh cung cấp cho tổ chức, cá nhân ở trong khu phi thuế quan bao gồm: cho thuê nhà, hội trường, văn phòng, khách sạn, kho bãi; dịch vụ vận chuyển đưa đón người lao động; dịch vụ ăn uống (trừ dịch vụ cung cấp suất ăn công nghiệp, dịch vụ ăn uống trong khu phi thuế quan).

5. Hàng hóa, dịch vụ bán, cung cấp cho tổ chức trong khu phi thuế quan và được tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này là hàng hóa, dịch vụ được tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ cho hoạt động sản xuất xuất khẩu của tổ chức trong khu phi thuế quan và không phục vụ cho hoạt động khác không phải hoạt động sản xuất xuất khẩu, trừ các hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 4 Điều này.”

- Tại Điều 4 Thông tư số 69/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ Tài chính quy định như sau:

“Điều 4. Hồ sơ, thủ tục áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Thuế giá trị gia tăng

1. Người nộp thuế căn cứ hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Thuế giá trị gia tăng và Điều 17 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng để xác định đối tượng áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0%.

2. Khi cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu thì người nộp thuế phải xuất trình hồ sơ, thủ tục đảm bảo đáp ứng quy định về điều kiện áp dụng thuế suất 0% quy định tại Điều 18 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng.

Đối với trường hợp xuất khẩu hàng hóa qua sàn thương mại điện tử ở nước ngoài và một số trường hợp đặc thù khác, khi cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu thì người nộp thuế phải xuất trình hồ sơ, thủ tục đảm bảo đáp ứng quy định về điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào quy định tại Điều 27, Điều 28 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng.”

Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp các dịch vụ là dịch vụ cung cấp trực tiếp cho tổ chức trong khu phi thuế quan và được tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ cho hoạt động sản xuất xuất khẩu của tổ chức trong khu phi thuế quan, không phục vụ cho hoạt động khác không phải hoạt động sản xuất xuất khẩu và không phải dịch vụ quy định tại khoản 4 Điều 17 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP thì được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%. Hồ sơ, thủ tục áp dụng thuế suất thuế

GTGT 0% đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Thuế GTGT thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 69/2025/TT-BTC.

8.2. Vấn đề 2

Câu hỏi:

Chi phí tiền lương chi trả cho người lao động nước ngoài thuộc các diện: "Di chuyển nội bộ" (không GPLĐ, không BHXH), Chuyên gia/Quản lý (có GPLĐ, có BHXH), và "Điều chuyển từ nước ngoài" có được ghi nhận là chi phí hợp lý khi tính thuế TNDN không?

Trả lời:

- Tại Điểm a khoản 2 Điều 2 Luật bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15 quy định:

“2. Người lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc khi làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn có thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên với người sử dụng lao động tại Việt Nam, trừ các trường hợp sau đây:

a) Di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam;”.

- Tại Điều 2, Điều 3 và Điều 7 Nghị định số 219/2025/ND Đ-CP ngày 7/8/2025 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam:

“Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (sau đây viết tắt là người lao động nước ngoài) là công dân nước ngoài vào làm việc tại

các vị trí công việc quy định tại Điều 3 Nghị định này, theo một trong các hình thức sau đây:

a) Thực hiện hợp đồng lao động;

b) Di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp;

….

h) Được điều chuyển từ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở nước ngoài sang Việt Nam làm việc trừ trường hợp di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp;

…

2. Người sử dụng người lao động nước ngoài bao gồm doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, nhà thầu, cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam; cá nhân được phép hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật".

"Điều 3. Vị trí công việc của người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam

1. Nhà quản lý là người quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp hoặc là người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật.

2. Giám đốc điều hành thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp;

b) Người đứng đầu và trực tiếp điều hành một lĩnh vực của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và có ít nhất 3 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam….".

“Điều 7. Người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động

13. Người lao động nước ngoài là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia, lao động kỹ thuật thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Vào Việt Nam làm việc có tổng thời gian dưới 90 ngày trong 01 năm, tính từ 01 tháng 01 đến ngày cuối cùng của năm;

b) Di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp: Di chuyển có thời hạn trong nội bộ doanh nghiệp nước ngoài đã thành lập hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam thuộc phạm vi 11 ngành dịch vụ theo biểu cam kết dịch vụ của Việt Nam với tổ chức thương mại thế giới và đã được doanh nghiệp nước ngoài tuyển dụng trước đó ít nhất 12 tháng liên tục. Hiện diện thương mại bao gồm tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam; văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh….”.

- Tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 và Điểm b khoản 8 Điều 10 Nghị định số 320/2025/NĐ – CP ngày 15/12/2025 quy định về chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp:

“Điều 9. Các khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

1. Trừ các khoản chi không được trừ quy định tại Điều 10 của Nghị định này, doanh nghiệp được trừ các khoản chi khi xác định thu nhập chịu thuế nếu đáp ứng đủ điều kiện tại các điểm a, b và c sau đây:

a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm cả khoản chi phí bổ sung được trừ theo tỷ lệ phần trăm tính trên chi phí thực tế phát sinh trong kỳ tính

thuế liên quan đến hoạt động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp;

....

b) Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

....

c) Khoản chi có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với trường hợp mua hàng hoá, dịch vụ và các khoản thanh toán khác từng lần có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên. Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng".

"Điều 10. Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, cụ thể như sau:

1. Các khoản chi không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 9 của Nghị định này.

8. Chi cho người lao động thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Chi tiền lương, tiền công và các khoản phải trả khác cho người lao động doanh nghiệp đã hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế không chi trả hoặc không có chứng từ thanh toán theo quy định của pháp luật;

b) Các khoản tiền lương, tiền công, tiền thưởng cho người lao động không được ghi cụ thể điều kiện được hưởng và mức được hưởng tại một trong các hồ sơ sau: Hợp đồng lao động hoặc văn bản của doanh

nghiệp nước ngoài cử người sang làm việc tại Việt Nam (đối với trường hợp người nước ngoài được điều chuyển hoặc di chuyển trong nội bộ Tập đoàn, giữa công ty mẹ với công ty con); Thoả ước lao động tập thể; Quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty, Tập đoàn; Quy chế thưởng do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc quy định theo quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty, Tập đoàn.

Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp người nước ngoài được điều chuyển hoặc di chuyển trong nội bộ giữa Tập đoàn, giữa công ty mẹ với công ty con mà có văn bản của doanh nghiệp nước ngoài cử người sang làm việc tại Việt Nam thì khoản chi cho người nước ngoài đáp ứng điều kiện khoản chi được trừ thì khoản này sẽ được tính vào chi phí xác định thu nhập chịu thuế.

Người nộp thuế: Công ty TNHH Điện tử Iriso Việt Nam Công ty CP nhựa Châu Âu-219-43
Địa chỉ: KCN Đồng Văn tỉnh Ninh Bình

Vướng mắc về hệ thống cấp C/O tự động ECOSYS. Trong hơn một tháng qua, thời gian xử lý cấp C/O trên hệ thống ECOSYS diễn ra rất chậm (một C/O mất từ 8 đến 13 ngày). Điều này gây ảnh hưởng lớn đến doanh nghiệp chúng tôi và khách hàng trong quá trình làm thủ tục hải quan nhập khẩu, đặc biệt đối với các lô hàng vận chuyển bằng đường hàng không vì phát sinh phí lưu kho, lưu bãi. Bên cạnh đó, sau khi C/O được phê duyệt, hệ thống thường xuyên xảy ra lỗi không hiển thị lên Hệ thống Một cửa ASEAN. Khi chúng tôi gửi email đề nghị hỗ trợ, thời gian phản hồi xử lý rất chậm, gọi điện thì không có người tiếp nhận điện thoại. Với vướng mắc trên,Vì vậy Chúng tôi mong muốn nâng cấp hệ thống 1 cửa quốc gia đặc biệt là những hệ thống cấp phép tự động liên kết với các nước trong hiệp định thương mại. Hệ thống hỗ trợ nếu gặp sự cố có thể xử lý nhanh và đưa ra được những

nguồn ưu tiên với những lô hàng air. Với tình trạng hiện tại nếu trong trường hợp C/O điện tử không hiển thị được trên hệ thống 1 cửa thì có phương án sử dụng C/O giấy thay thế hay không? Vì khách hàng nếu không có C/O thì họ sẽ phải nộp thuế và không được nợ C/O.

Trả lời:

- Doanh nghiệp khai báo và được cấp Giấy chứng nhận xuất xứ mẫu D điện tử (C/O mẫu D điện tử) trên Hệ thống quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ hàng hóa điện tử của Bộ Công Thương (Ecosys). Việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ khai báo C/O mẫu D điện tử được Hệ thống Ecosys thực hiện và truyền kết quả sang Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Tuy nhiên, ngày 12/12/2025, Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) đã ban hành Công văn hỏa tốc số 1684/XNK-VP thông báo về việc vận hành, nâng cấp Hệ thống eCoSys (đính kèm). Tại văn bản này, Bộ Công Thương xác nhận hệ thống eCoSys “đang gặp phải tình trạng xử lý dữ liệu chậm, phát sinh hiện trạng lỗi khi tiến hành đăng ký và cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa” và “đang triển khai hoạt động nâng cấp Hệ thống Ecosys”. Do vậy, tình trạng chậm trễ xử lý dữ liệu, phát sinh lỗi khi đăng ký C/O và chậm truyền kết quả sang Cổng thông tin một cửa quốc gia thời gian qua xuất phát từ hệ thống Ecosys của Bộ Công Thương.

Bên cạnh đó, trong thời gian qua, Cục Hải quan đã và đang phối hợp chặt chẽ với Bộ Công Thương (Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số) và các quốc gia thành viên ASEAN để theo dõi, giám sát, hỗ trợ và kịp thời khắc phục các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện trao đổi C/O mẫu D điện tử. Đề nghị doanh nghiệp thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn 1684/XNK-VP: Chủ động sắp xếp hồ sơ và phản ánh

các lỗi cụ thể về Cục Xuất nhập khẩu và Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số (Bộ Công Thương).

- Đối với hàng hoá nhập khẩu, tại Điều 3 Quyết định 467/QĐ-CHQ ngày
29/4/2025 quy định trường hợp chứng từ chứng nhận xuất xứ được cấp trên
Cổng thông tin một cửa quốc gia, một cửa ASEAN bị lỗi hoặc không tra cứu được, công chức hải quan chụp màn hình lỗi hoặc màn hình báo không có dữ liệu, chỉ thị trên hệ thống yêu cầu hướng dẫn người khai hải quan nộp bổ sung
chứng từ chứng nhận xuất xứ dưới dạng dữ liệu điện tử hoặc chứng từ giấy chuyển đổi sang chứng từ điện tử (bản scan có xác nhận bằng chữ ký số) thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan để kiểm tra, xác định tính hợp lệ của chứng từ chứng nhận xuất xứ và lưu theo dõi.

Người nộp thuế: Nguyễn Đắc Lộc-189-44
Địa chỉ: Số 6- BT1 - Khu đô thị trung văn vinaconex 3

Trung tâm chúng tôi hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ bao gồm : - Nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu của khoa học tâm lý - giáo dục phục hồi chức năng cho trẻ và người có khó khăn về vận động, nhận thức, ngôn ngữ. - Dịch vụ Khoa học và công nghệ: đánh giá, tư vấn, can thiệp tâm lý giáo dục phục hồi chức năng cho trẻ và người có khó khăn về tâm lý, khó khăn vận động Mỗi năm, chúng tôi có vài đề tài nghiên cứu nhưng chỉ mang tính chất nghiên cứu và áp dụng nội bộ chứ không công bố ra bên ngoài. Vậy những chi phí nghiên cứu đề tài này có được ghi nhân là chi phí hợp lý khi tính thuế TNDN không.

Và khi sử dụng nguồn thu của Trung tâm chúng tôi để nghên cứu thực hiện đề tài này thì cần hồ sơ và thủ tục gì để được tính chi phí hợp lý

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 9 Nghị định số 320/2025/NĐ – CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ hướng dẫn về Luật thuế TNDN quy định về các khoản chi phi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế:

"1. Trừ các khoản chi không được trừ quy định tại Điều 10 của Nghị định này, doanh nghiệp được trừ các khoản chi khi xác định thu nhập chịu thuế nếu đáp ứng đủ điều kiện tại các điểm a, b và c sau đây:

a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm cả khoản chi phí bổ sung được trừ theo tỷ lệ phần trăm tính trên chi phí thực tế phát sinh trong kỳ tính thuế liên quan đến hoạt động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp;

.....

b) Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

....

c) Khoản chi có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với trường hợp mua hàng hoá, dịch vụ và các khoản thanh toán khác từng lần có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên. Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng....".

"2. Doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế đối với khoản chi thực tế phát sinh khác đáp ứng đủ điều kiện tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này, bao gồm: ....

e) Khoản chi cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

Việc xác định khoản chi cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quy định tại điểm này thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về chuyển số;".

Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp trung tâm hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, có các khoản chi thực tế phát sinh để nghiên cứu thực hiện đề tài, có hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật và thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt đối với khoản chi từng lần có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên thì được coi là khoản chi hợp lý khi tính thuế TNDN.

Người nộp thuế: Công ty cổ phần Thaloga-184-45
Địa chỉ: Hà Nội

Doanh nghiệp chúng tôi không phải là doanh nghiệp chế xuất nhưng sản xuất hoàn toàn phục vụ xuất khẩu. Chúng tôi nhập hàng hoá về từ kho ngoại quan để phục vụ hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, thì theo điều 12.3b của ND 320/2025/NĐ-CP về thuế thu nhập doanh nghiệp thì có được miễn trách nhiệm khấu trừ, kê khai thuế nhà thầu không? Xin cảm ơn

Trả lời:

Tại khoản 1 Điều 2 và điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị định số 320/2025/NĐ – CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ hướng dẫn về Luật thuế TNDN quy định:

"Điều 2. Người nộp thuế

1. Người nộp thuế theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (sau đây gọi là doanh nghiệp) bao gồm:.....

b) Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật nước ngoài (sau đây gọi là doanh nghiệp nước ngoài) có cơ sở thường trú hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, trong đó:

....

b2) Doanh nghiệp nước ngoài có cơ sở thường trú tại Việt Nam nộp thuế đối với thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam mà khoản thu nhập này không liên quan đến hoạt động của cơ sở thường trú;

b3) Doanh nghiệp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, nộp thuế đối với thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam;

b4) Doanh nghiệp nước ngoài có cơ sở thường trú tại Việt Nam (không bao gồm doanh nghiệp nước ngoài quy định tại điểm b1 và điểm b2 khoản này) cung cấp hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam theo các hình thức kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số nộp thuế đối với thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam;".

"Điều 12. Phương pháp tính thuế

3. Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với doanh nghiệp nước ngoài quy định tại các điểm b2, b3 và b4 khoản 1 Điều 2 của Nghị định này được tính theo tỷ lệ % trên doanh thu tính thuế phát sinh tại Việt Nam, cụ thể như sau:

a) Dịch vụ: 5%, riêng dịch vụ quản lý nhà hàng, khách sạn, casino: 10%; trường hợp cung ứng dịch vụ có gắn với hàng hóa thì hàng hóa được tính theo tỷ lệ 1%; trường hợp không tách riêng được giá trị hàng hoá với giá trị dịch vụ: 2%;

b) Cung cấp và phân phối hàng hóa tại Việt Nam theo hình thức xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ hoặc theo các điều khoản thương mại quốc tế (Incoterms): 1%; riêng trường hợp các doanh nghiệp nước ngoài bán hàng hóa là nguyên liệu, vật tư, linh kiện tại kho ngoại quan, khu phi thuế quan để nhập khẩu vào Việt Nam phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu, gia công hàng xuất khẩu theo hợp đồng, các doanh nghiệp nước ngoài chỉ định doanh nghiệp chế xuất giao hàng hóa là nguyên liệu, vật tư, linh kiện cho doanh nghiệp chế xuất khác để phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu, gia công hàng xuất khẩu theo hợp đồng không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp;...:.".

Căn cứ quy định nêu trên, về nguyên tắc trường hợp doanh nghiệp nước ngoài quy định tại các điểm b2, b3 và b4 khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 320/2025/NĐ – CP nêu trên, có hoạt động bán hàng hóa là nguyên liệu, vật tư, linh kiện tại kho ngoại quan, khu phi thuế quan để nhập khẩu vào Việt Nam phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu, gia công hàng xuất khẩu theo hợp đồng, các doanh nghiệp nước ngoài chỉ định doanh nghiệp chế xuất giao hàng hóa là nguyên liệu, vật tư, linh kiện cho doanh nghiệp chế xuất khác để phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu, gia công hàng xuất khẩu theo hợp đồng thì không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

Đề nghị doanh nghiệp căn cứ quy định nêu trên và tình hình thực tế của đơn vị để thực hiện đúng quy định pháp luật.

Người nộp thuế: Tổng Công ty TM Quảng Trị-183-46
Địa chỉ: 01 Phan Bội Châu - Đông Hà- Quảng Trị

Căn cứ NĐ 320/2025 ngày 15/12/2025 quy định và hướng dẫn một số điều của Luật thuế TNDN; tại tiết c, Khoản 1, Điều 9 của Nghị Định có nói: Khoản chi có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với

trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản thanh toán khác từng lần có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên. Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng. Vậy xin hỏi, nếu doanh nghiệp chi trả lương cho người lao động bằng hình thức tiền mặt hoặc hiện vật (không trả lương theo hình thức thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định) đối với từng người có mức lương trên 5 triệu đồng/người/lần chi trả thì có được đưa vào chi phí được trừ hay không?

Trả lời:

Tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 (áp dụng kể từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025) của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp quy định:

“Điều 9. Các khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

1. Trừ các khoản chi không được trừ quy định tại Điều 10 của Nghị định này, doanh nghiệp được trừ các khoản chi khi xác định thu nhập chịu thuế nếu đáp ứng đủ điều kiện tại các điểm a, b và c sau đây:

...

c) Khoản chi có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với trường hợp mua hàng hoá, dịch vụ và các khoản thanh toán khác từng lần có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên. Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng”.

Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp doanh nghiệp chi trả tiền lương cho người lao động của doanh nghiệp từng lần từ 05 triệu đồng trở lên mà không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định

thì không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Người nộp thuế: Vũ Thị Sen-180-47
Địa chỉ: Phú Thọ

Công văn số 2563 /NBI-QLDN2 ngày 19/09/2025 về khấu trừ thuế GTGT đầu vào của hàng hóa quá hạn thanh toán. “Sau thời hạn thanh toán trong hợp đồng, công ty có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào” Nội dung này thực tế doanh nghiệp sẽ thanh toán sau 1 hoặc 2 ngày so với thời hạn thanh toán của hợp đồng (vì có thể lệnh ra ngân hàng bị chậm quay lại, hoặc ngày thanh toán rơi vào ngày nghỉ lễ...) Vậy doanh nghiệp lại mất thời gian làm lại phụ lục hợp đồng cho thời hạn thanh toán – gây rất nhiều phiền phức. Nên ý kiến đóng góp là nếu khi cơ quan thuế kiểm tra mà chưa có chứng từ thanh toán qua ngân hàng thì không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

Trả lời:

- Tại điểm b khoản 2 Điều 14 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 ngày 26/11/2024 quy định về điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào bao gồm:“b) Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, trừ một số trường hợp đặc thù theo quy định của Chính phủ;”.
- Tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế GTGT quy định về khấu trừ thuế GTGT như sau: “1. Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng được khấu trừ toàn bộ...”.
- Tại Điều 26 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP quy định về chứng từ

thanh toán không dùng tiền mặt, trong đó tại điểm g khoản 2 Điều 26 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP quy định như sau:

"g) Đối với hàng hóa, dịch vụ mua trả chậm, trả góp có giá trị hàng hóa, dịch vụ mua từ 05 triệu đồng trở lên, cơ sở kinh doanh căn cứ vào hợp đồng mua hàng hóa, dịch vụ bằng văn bản, hóa đơn giá trị gia tăng và chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt của hàng hóa, dịch vụ mua trả chậm, trả góp để khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào. Trường hợp chưa có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt do chưa đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng thì cơ sở kinh doanh vẫn được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào. Trường hợp đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng, cơ sở kinh doanh không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì cơ sở kinh doanh phải kê khai, điều chỉnh giảm số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ đối với phần giá trị hàng hóa, dịch vụ không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt vào kỳ tính thuế phát sinh nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng."

Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng, cơ sở kinh doanh không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì cơ sở kinh doanh phải kê khai, điều chỉnh giảm số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ đối với phần giá trị hàng hóa, dịch vụ không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt vào kỳ tính thuế phát sinh nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng; trường hợp sau khi đã kê khai, điều chỉnh giảm số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, doanh nghiệp có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì doanh nghiệp thực hiện kê khai khấu trừ đối với phần giá trị hàng hóa, dịch vụ có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định.

Người nộp thuế: Công ty Việt Long-177-48
Địa chỉ: Hà Nội

Công ty chúng tôi có xuất hoá đơn bán cho khách lẻ tiêu dùng trực tiếp bằng hình thức hoá đơn có mã, xin hỏi chúng tôi có phải sửa lại những hoá đơn có mã đã xuất và xuất lại sang máy tính tiền không?

Trả lời:

Căn cứ Điều 11 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP) quy định về hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền:

"Điều 11. Hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền

1. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo quy định tại khoản 1 Điều 51 có mức doanh thu hằng năm từ 01 tỷ đồng trở lên, khoản 2 Điều 90, khoản 3 Điều 91 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và doanh nghiệp có hoạt động bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, trong đó có bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng (trung tâm thương mại; siêu thị; bán lẻ (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); ăn uống; nhà hàng; khách sạn; dịch vụ vận tải hành khách, dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, dịch vụ nghệ thuật, vui chơi, giải trí, hoạt động chiếu phim, dịch vụ phục vụ cá nhân khác theo quy định về Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam) sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế."

Căn cứ khoản 5 Điều 12 Thông tư số 32/2025/TT-BTC hướng dẫn điều khoản thi hành:

"Điều 12. Điều khoản thi hành

5. Trường hợp doanh nghiệp có hoạt động bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng thuộc đối tượng quy định tại khoản 8

Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP đã đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử với cơ quan thuế nhưng chưa đảm bảo là hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc dữ liệu điện tử (bao gồm các thông tin tên, địa chỉ, mã số thuế người bán; tên, địa chỉ, mã số thuế/số định danh cá nhân/số điện thoại của người mua (nếu người mua yêu cầu); tên hàng hóa, dịch vụ, đơn giá, số lượng, giá thanh toán (giá bán chưa thuế giá trị gia tăng, thuế suất thuế giá trị gia tăng, tiền thuế giá trị gia tăng, tổng tiền thanh toán có thuế giá trị gia tăng đối với trường hợp tổ chức, doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp khấu trừ); thời điểm lập hóa đơn và theo định dạng chuẩn dữ liệu của cơ quan thuế theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP)) thì đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền theo quy định."

Đề nghị công ty thực hiện theo các quy định trên.

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH QUỲNH KHOA BÌNH THUẬN-176-49
Địa chỉ: thôn bắc sơn xã Lương Sơn tỉnh Lâm Đồng

Cơ quan thuế cho hỏi khi có nghị định 320/2025 áp dụng từ ngày 15/12/2025 ,Công ty TNHH Quỳnh Khoa Bình Thuận có thu mua nông sản là bắp khô và mì lát từ trực tiếp nông dân trồng , và làm bảng kê 01/TNDN cho nông dân và nông dân không có tài khoản ngân hàng và giá trị hàng hoá bán có số tiền bán trên 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) ,công ty Quỳnh Khoa phải thanh toán như thế nào để được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Trả lời:

Tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP về thuế TNDN quy định

“Điều 9. Các khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

1. Trừ các khoản chi không được trừ quy định tại Điều 10 của Nghị định này, doanh nghiệp được trừ các khoản chi khi xác định thu nhập chịu thuế nếu đáp ứng đủ điều kiện tại các điểm a, b và c sau đây:

a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm cả khoản chi phí bổ sung được trừ theo tỷ lệ phần trăm tính trên chi phí thực tế phát sinh trong kỳ tính thuế liên quan đến hoạt động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp;

…

b) Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

Đối với các trường hợp: Mua sản phẩm là nông, lâm, thủy sản của người sản xuất, đánh bắt trực tiếp bán ra; mua sản phẩm thủ công làm bằng đay, cói, tre, nứa, lá, song, mây, rơm, vỏ dừa, sọ dừa hoặc nguyên liệu tận dụng từ sản phẩm nông nghiệp của người sản xuất thủ công trực tiếp bán ra; mua phế liệu của người trực tiếp thu nhặt; mua đồ dùng, tài sản của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp bán ra; mua hàng hóa, dịch vụ của cá nhân, hộ kinh doanh (không bao gồm các trường hợp nêu trên) có mức doanh thu dưới ngưỡng doanh thu chịu thuế giá trị gia tăng phải có chứng từ chi trả tiền theo quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ cho người bán (đối với trường hợp giá trị mua hàng hóa, dịch vụ trong ngày của từng hộ, cá nhân từ 05 triệu đồng trở lên phải thanh toán không dùng tiền mặt) và Bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền của doanh nghiệp ký và chịu trách nhiệm;

c) Khoản chi có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với trường hợp mua hàng hoá, dịch vụ và các khoản thanh toán khác từng lần có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên. Chứng từ thanh toán không dùng

tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng.”

Căn cứ quy định nêu trên, về nguyên tắc doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ đối với khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với trường hợp mua hàng hoá, dịch vụ và các khoản thanh toán khác từng lần có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên.

Trường hợp Công ty mua nông sản của nông dân không có hóa đơn, thì được lập bảng kê theo mẫu số 01/TNDN và nếu khoản chi này từng lần có giá trị trên 5 triệu đồng phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt mới đủ điều kiện để tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế.

Người nộp thuế: Công ty TNHH SCVPA-174-50
Địa chỉ: Hồ Chí Minh

Công ty tôi là Công ty TNHH MTV có Chủ sở hữu là công dân quốc tịch Việt Nam thành lập năm 2023. Vốn điều lệ 200 triệu đồng, ngành nghề kinh doanh là Sản xuất phần mềm để xuất khẩu. Như vậy, Công ty tôi không có vốn đầu tư nước ngoài, chỉ có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, không phải xin cấp Giấy phép Đầu tư và có Vốn điều lệ dưới 15 tỷ đồng thì có được hưởng Ưu đãi thuế TNDN (Cả ưu đãi thuế suất 10% trong 15 năm và Miễn thuế 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm tiếp theo) không?

Trả lời:

Tại khoản 18 Điều 1 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 19 Nghị định số

218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ về thuế thu nhập doanh nghiệp) quy định về dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

"5. Dự án đầu tư mới (bao gồm cả văn phòng công chứng thành lập tại các địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn) được hưởng ưu đãi thuế quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều 15 và Khoản 1, 2 và Khoản 3 Điều 16 Nghị định này là dự án thực hiện lần đầu hoặc dự án đầu tư độc lập với dự án đang thực hiện, …

Dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế theo quy định tại Điều 15, Điều 16 Nghị định này phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc được phép đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.".

Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp năm 2023 doanh nghiệp có dự án đầu tư mới trong nước đáp ứng điều kiện về lĩnh vực, địa bàn ưu đãi đầu tư và được phép đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư thì doanh nghiệp được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo điều kiện thực tế đáp ứng. Việc thực hiện dự án đầu tư, việc cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Từ kỳ tính thuế TNDN năm 2025, quy định về ưu đãi thuế TNDN của dự án đầu tư thực hiện theo quy định tại Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP. Việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc được chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc cho phép đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Đối với các dự án đầu tư không thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, chấp thuận chủ trương

đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc cho phép đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành thì việc xác định dự án đầu tư mới căn cứ vào Báo cáo thực hiện dự án đầu tư của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về đầu tư gửi cơ quan đăng ký đầu tư.

Đề nghị Công ty căn cứ tình hình thực tế thực hiện dự án đầu tư để áp dụng chính sách ưu đãi thuế TNDN theo quy định của pháp luật.

Người nộp thuế: Vũ Thị Sen-170-51
Địa chỉ: Phú Thọ

Nội dung ủy quyền cho người lao động đi thanh toán, sau đó người lao động về thanh toán với công ty, công ty chuyển tiền qua ngân hàng trả cho người lao động. Người lao động không có tiền đề nghị tạm ứng, công ty tạm ứng cho người lao động vào tài khoản của người lao động và giấy ủy quyền cho người lao động đi thanh toán, sau đó người lao động về quyết toán với công ty, nếu còn phải trả thì công ty sẽ chuyển khoản vào tài khoản cho người lao động, hoặc thu lại tiền mặt nếu tiền còn thừa. Nội dung này thì hóa đơn quá 5 triệu vẫn được khấu trừ thuế VAT đầu vào đúng không?

Trả lời:

Tại điểm i khoản 2 Điều 26 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP quy định về chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt như sau:
“i) Trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua vào phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng được ủy quyền cho cá nhân là người lao động của cơ sở kinh doanh thanh toán không dùng tiền mặt theo quy chế tài chính hoặc quy chế nội bộ của cơ sở kinh doanh, sau đó cơ sở kinh doanh thanh toán lại cho người lao động bằng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt thì được

khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào."
Căn cứ quy định nêu trên, người lao động được ủy quyền thanh toán không dùng tiền mặt theo quy chế tài chính hoặc quy chế nội bộ của cơ sở kinh doanh và cơ sở kinh doanh thanh toán lại cho người lao động bằng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt thì được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

Người nộp thuế: Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Trường Việt-159-52
Địa chỉ: Số 20 ngõ 4 Khu Cầu bươu xã Đại Thanh Hà Nội

Công ty chúng tôi hoạt động trong lĩnh vực tư vấn khảo sát thiết kế công trình giao thông. Công ty chúng tôi có hợp đồng thực hiện năm 2024, vốn nhà nước và được nghiệm thu 100%. Tuy nhiên, tại thời điểm đó Chủ đầu tư chỉ thanh toán 50% giá trị nghiệm thu. Vậy, chúng tôi có được phép xuất hoá đơn 50% giá trị được thanh toán, và nộp báo cáo lên cơ quan thuế về việc chưa ghi nhận 50% doanh thu còn lại tại thời điểm đó hay không? Chúng tôi sẽ ghi nhận 50% doanh thu còn lại khi chủ đầu tư thanh toán giá trị còn lại hay không?

Trả lời:

Tại khoản 6 Điều 16 Nghị định số 181/2025/TT-BTC quy định:

"Điều 16. Thời điểm xác định thuế giá trị gia tăng đối với một số hàng hóa, dịch vụ khác

...

6. Đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt bao gồm cả đóng tàu, thời điểm xác định thuế giá trị gia tăng là thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành hay

phần công việc thực hiện bàn giao, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền."

Căn cứ quy định tại Điều 9 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP về thời điểm lập hóa đơn.

Căn cứ quy định nêu trên, thời điểm xác định thuế giá tính thuế GTGT đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt là thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành hay phần công việc thực hiện bàn giao, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Thời điểm lập hóa đơn thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

Người nộp thuế: Nguyễn Lan Anh-154-53
Địa chỉ: Hà Nội

Chúng tôi cung cấp dịch vụ dạy học. Khi học sinh đang trong khóa học (đang cung cấp dịch vụ, chưa kết thúc dịch vụ) mà phụ huynh chuyển tiền ngân hàng ngoài giờ làm việc (buổi tối/đêm, cuối tuần, ngày nghỉ lễ...) thì kế toán không thể lập hóa đơn tại thời điểm nhận tiền được. Vậy thời điểm lập hóa đơn hợp lệ là khi nào? Thời điểm phát hành hóa đơn hợp lệ là khi nào?

Trả lời:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định nguyên tắc lập, quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ:

"Điều 1.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 6, khoản 7 và bổ sung khoản 9 vào Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 6 và khoản 7 như sau:

"1. Khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, người bán phải lập hóa đơn để giao cho người mua (bao gồm cả các trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động và tiêu dùng nội bộ (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất); xuất hàng hóa dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa) và các trường hợp lập hóa đơn theo quy định tại Điều 19 Nghị định này. Hóa đơn phải ghi đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 10 Nghị định này. Trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử phải theo định dạng chuẩn dữ liệu của cơ quan thuế theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.

Căn cứ điểm a khoản 6 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 9 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định thời điểm lập hoá đơn:

"Điều 1.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, điểm a, điểm e, điểm l, điểm m, điểm n khoản 4 Điều 9 và bổ sung điểm p, điểm q, điểm r vào khoản 4 Điều 9 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 như sau:

2. Thời điểm lập hóa đơn đối với cung cấp dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung cấp dịch vụ (bao gồm cả cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân nước ngoài) không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. Trường hợp người cung cấp dịch vụ có thu tiền trước hoặc

trong khi cung cấp dịch vụ thì thời điểm lập hóa đơn là thời điểm thu tiền (không bao gồm trường hợp thu tiền đặt cọc hoặc tạm ứng để đảm bảo thực hiện hợp đồng cung cấp các dịch vụ: Kế toán, kiểm toán, tư vấn tài chính, thuế; thẩm định giá; khảo sát, thiết kế kỹ thuật; tư vấn giám sát; lập dự án đầu tư xây dựng).""

Căn cứ quy định trên:

Thời điểm lập hóa đơn đối với cung cấp dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung cấp dịch vụ không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Do đó, trường hợp cung cấp dịch vụ dạy học thì thời điểm lập hoá đơn là thời điểm hoàn thành việc cung cấp dịch vụ dạy học không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền hoặc thời điểm thu tiền.

Người nộp thuế: Công ty Long Phú-149-54
Địa chỉ: Phường An Khánh

Chào BTC. Dn gần đây có nhận được yêu cầu của cơ quan Hải quan về việc khai đơn vị tính theo UNIT, nhưng DN nhận thấy đơn vị tính UNIT chỉ là chung chung, nếu các đơn vị cái, chiếc, còn mà đều khai là Unit thì sẽ không hợp lý. Nhờ giải đáp từ cơ quan ạ. Trân trọng!

Trả lời:

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18 Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 thì khi làm thủ tục hải quan, người khai hải quan phải khai đầy đủ các thông tin trên tờ khai hải quan theo các chỉ tiêu thông tin quy định tại mẫu số 01 hoặc mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư. Theo đó, đơn vị tính được khai tương ứng với chỉ tiêu về số lượng (chỉ tiêu 1.83, 1.84 tờ khai nhập khẩu, 2.72, 2.73 trên tờ khai

xuất khẩu), cụ thể khi khai báo:
- Số lượng (1): ô 1: nhập số lượng hàng hóa xuất nhập khẩu của từng mặt hàng theo thực tế hoạt động giao dịch; ô 2: nhập mã đơn vị tính theo thực tế giao dịch.
- Số lượng (2): ô 1: nhập số lượng hàng hóa xuất nhập khẩu của từng mặt hàng theo đơn vị tính trong Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam; ô 2: nhập mã đơn vị tính theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam

Người nộp thuế: Công ty TNHH Dream Printing amp Package-147-55
Địa chỉ: Lô D KCN Châu Sơn P Châu Sơn Ninh Bình

Công ty ký HĐGC khuôn mẫu để sản xuất đồ chơi xuất khẩu với thương nhân nước ngoài B, B chỉ định giao hàng cho FDI C tại việt nam. giữa B và C có ký hợp đồng mượn khuôn để phục vụ cho hợp đông gia công xuất khẩu. Vậy trong trường hợp này công ty có đủ điều kiện xuất nhập khẩu tại chỗ theo luật sửa đổi của nghị định 167/2025-NĐ-CP theo điều 35: a) Hàng hóa gia công tại Việt Nam và được thương nhân nước ngoài đặt gia công bán, chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam; b) Hàng hóa mua bán, thuê, mượn giữa doanh nghiệp Việt Nam với thương nhân nước ngoài và được thương nhân nước ngoài chỉ định giao, nhận hàng hóa với doanh nghiệp tại Việt Nam. được áp dụng từ 1.7.2025 hay không, Công ty có đủ điều kiện mở tờ khai xnk tại chỗ theo điểm a hoặc b không

Trả lời:

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 19 Điều 1 Nghị định số 167/2025/NĐ-CP thì hàng hóa mua bán, thuê, mượn giữa doanh nghiệp Việt Nam với thương nhân nước ngoài và được thương nhân

nước ngoài chỉ định giao nhận hàng hóa với doanh nghiệp Việt Nam. Căn cứ quy định trên, trường hợp Doanh nghiệp ký hợp đồng sản xuất khuôn mẫu với nước ngoài theo Hợp đồng gia công, sau đó được thương nhân nước ngoài chỉ định giao khuôn mẫu này cho doanh nghiệp Việt Nam khác theo hợp đồng thuê, mượn thì thuộc trường hợp Xuất nhập khẩu tại chỗ. Đề nghị Công ty nghiên cứu kỹ quy định trên để thực hiện và liên hệ với Hải quan nơi làm thủ tục để được hướng dẫn.

Người nộp thuế: Vân Anh-144-56
Địa chỉ: Hà Nội

Kính gửi Cục thuế, Công ty tôi hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ tua du lịch. Công ty có phát sinh khoản đặt cọc/tiền đảm bảo thực hiện hợp đồng do khách hàng chuyển khoản cho Công ty trước khi triển khai dịch vụ chính thức, nhiều trường hợp đặt cọc trước khi tour chạy cả 1 năm. Khoản tiền này chỉ mang tính chất đảm bảo, không phải khoản thanh toán cho dịch vụ. Vậy khoản đặt cọc này chúng tôi có phải xuất hóa đơn GTGT hay không, và khoản đặt cọc này sẽ được hạch toán như thế nào. Công ty tôi áp dụng thông tư 133. Kính mong quý Cục thuế Bộ tài chính hướng dẫn để chúng tôi có thể thực hiện đúng quy định.

Trả lời:

Căn cứ khoản 1 Điều 4, khoản 2 Điều 9 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP)

“Điều 4. Nguyên tắc lập, quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ

1. Khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, người bán phải lập hóa đơn để giao cho người mua (bao gồm cả các trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để

cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động và tiêu dùng nội bộ (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất); xuất hàng hóa dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa) và các trường hợp lập hóa đơn theo quy định tại Điều 19 Nghị định này. Hóa đơn phải ghi đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 10 Nghị định này. Trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử phải theo định dạng chuẩn dữ liệu của cơ quan thuế theo quy định tại Điều 12 Nghị định này."

Điều 9. Thời điểm lập hóa đơn

...

2. Thời điểm lập hóa đơn đối với cung cấp dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung cấp dịch vụ (bao gồm cả cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân nước ngoài) không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. Trường hợp người cung cấp dịch vụ có thu tiền trước hoặc trong khi cung cấp dịch vụ thì thời điểm lập hóa đơn là thời điểm thu tiền (không bao gồm trường hợp thu tiền đặt cọc hoặc tạm ứng để đảm bảo thực hiện hợp đồng cung cấp các dịch vụ: Kế toán, kiểm toán, tư vấn tài chính, thuế; thẩm định giá; khảo sát, thiết kế kỹ thuật; tư vấn giám sát; lập dự án đầu tư xây dựng).

Căn cứ các quy định trên, trường hợp nhà cung cấp có thu trước tiền trước khi cung cấp dịch vụ thì lập hoá đơn tại thời điểm thu tiền, chỉ trừ các trường hợp thu tiền đặt cọc để đảm bảo thực hiện hợp đồng cung cấp các dịch vụ: Kế toán, kiểm toán, tư vấn tài chính, thuế; thẩm định giá; khảo sát, thiết kế kỹ thuật; tư vấn giám sát; lập dự án đầu tư xây dựng.

Người nộp thuế: Trần Thượng Nam-143-57
Địa chỉ: Lạng Giang Bắc Ninh

Công ty chúng tôi là doanh nghiệp chế xuất, thực hiện hợp đồng gia công cho thương nhân nước ngoài. Trong hợp đồng có một số loại nguyên liệu vật tư công ty chúng tôi sẽ tự cung ứng (nhập khẩu từ nước ngoài loại hình tờ khai E11 hoặc nhập từ doanh nghiệp nội địa E15) để gia công sản phẩm cho khách hàng. Kết thúc hợp đồng gia công, còn dư thừa nguyên liệu vật tư do công ty tự cung ứng và chúng tôi muốn sử dụng nguyên liệu này để sản xuất sản phẩm SXXK khác của công ty thì có phải mở tờ khai chuyển đổi mục đích sử dụng không? loại hình tờ khai là gì? Xin hướng dẫn quy trình thủ tục hải quan cho trường hợp nêu trên

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 70 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 42 Điều 1 Thông tư số 121/2025/TT-BTC quy định: Đối với nguyên liệu, vật tư đã nhập khẩu theo loại hình gia công, bên đặt gia công chấp thuận cho tổ chức, cá nhân nhận gia công được sử dụng để sản xuất hàng hoá xuất khẩu thì trước khi đưa vào sử dụng sản xuất hàng hóa xuất khẩu, tổ chức, cá nhân phải thực hiện thủ tục xuất nhập khẩu tại chỗ theo quy định tại Điều 86 Thông tư này. Đề nghị Công ty nghiên cứu quy định này để thực hiện (lưu ý TT 121/2025/TT-BTC có hiệu lực từ 1/2/2026.)

Người nộp thuế: Cty TNHH Hải Phong-138-58
Địa chỉ: Tân Mai-Hoàng Mai-Hà Nội

Cty bán mặt hàng là đeo bao đầu ngón tay, găng tay cao su dùng cho công nhân để tránh tiếp xúc với sản phẩm điện tử trong quá trình sản xuất của DNCX. Cho chúng tôi hỏi để việc hoàn thuế gtgt đầu vào của

khâu nhập khẩu các mặt hàng này được đầy đủ thủ tục thì khi bán cho các DNCX , DN có phải mở tờ khai xuất khẩu ko ạ? Xin cảm ơn!

Trả lời:

Căn cứ quy định tại Điều 74 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 45 Điều 1 Thông tư số 121/2025/TT-BTC ngày 18/12/2025 của Bộ Tài chính (có hiệu lực từ ngày 01/02/2026) thì DNCX và đối tác của DNCX được lựa chọn thực hiện hoặc không thực hiện thủ tục hải quan. Đề nghị Công ty nghiên cứu quy định này để xác định các trường hợp phải khai hải quan. Đối với hồ sơ hoàn thuế GTGT đầu vào, đề nghị Công ty nghiên cứu pháp luật về thuế GTGT để thực hiện.

Người nộp thuế: Công ty TNHH Weldex Vina-137-59
Địa chỉ: Tỉnh Phú Thọ

Chúng tôi muốn hỏi thêm: nếu như công ty chúng tôi là DNCX và có thêm hoạt động thương mại thì các dịch vụ dùng chung cho cả hoạt động sản xuất xuất khẩu và hoạt động thương mại là: điện , nước, dịch vụ bảo vệ, dịch vụ vệ sinh, các dịch vụ tư vấn khi chúng tôi sử dụng các dịch vụ có được hưởng thuế GTGT 0% không?

Trả lời:

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP về người nộp thuế;

Căn cứ quy định tại Điều 17 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế GTGT quy định về mức thuế suất 0%.

Căn cứ quy định nêu trên, hàng hóa, dịch vụ bán, cung cấp cho tổ chức trong khu phi thuế quan và được tiêu dùng trong khu phi thuế quan

phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu thuộc trường hợp áp dụng thuế suất 0% là hàng hóa, dịch vụ được tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ cho hoạt động sản xuất xuất khẩu của tổ chức trong khu phi thuế quan và không phục vụ cho hoạt động khác không phải hoạt động sản xuất xuất khẩu. Trường hợp hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho tổ chức trong khu phi thuế quan phục vụ cho hoạt động khác thì chịu thuế GTGT theo quy định.

Người nộp thuế: Công ty TNHH công nghệ kỹ thuật Ngân Hà-132-60
Địa chỉ: Quảng Ninh

Hiện nay, Hệ thống Một cửa quốc gia đã giúp giảm thủ tục hành chính và thời gian thông quan, nhưng vẫn tồn tại nhiều hạn chế như: kết nối chưa ổn định, chưa đồng bộ dữ liệu giữa các Bộ ngành, tỷ lệ thủ tục đưa lên hệ thống chưa đạt 100%, và khó khăn cho doanh nghiệp khi thao tác. Do đó, Doanh nghiệp có ý kiến đề xuất: (1) Cấp có thẩm quyền cần có giải pháp nâng cấp Hệ thống một cửa quốc gia nhằm khắc phục tình trạng lỗi, chậm; (2) Bộ Tài chính kiến nghị với các Bộ, Ngành rà soát, đưa triệt để 100% thủ tục liên quan đến kiểm tra chuyên ngành, giấy phép đối với hàng hóa xuất nhập khẩu lên Hệ thống một cửa quốc gia nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng của Một cửa quốc gia, giảm chứng từ cho DN khi làm thủ tục XNK hàng hóa

Trả lời:

1) Thời gian qua, Cục Hải quan đã phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành và đơn vị liên quan để theo dõi, giám sát, hỗ trợ và kịp thời khắc phục các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính trên Cổng thông tin một cửa quốc gia. Cổng thông tin một cửa quốc gia chủ yếu làm nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ và chuyển đến các Bộ ngành xử lý, sau đó nhận lại kết quả để thông quan. Các vướng mắc xuất phát

từ nhiều nguyên nhân khác nhau và liên quan đến nhiều bộ phận, hệ thống và cơ quan phối hợp, đặc biệt là lỗi xử lý hồ sơ trên hệ thống thủ tục hành chính của các Bộ ngành nằm ngoài phạm vi của Cổng thông tin một cửa quốc gia.
Về giải pháp lâu dài, Cục Hải quan đã phê duyệt triển khai dự án nâng cấp hệ thống trong năm 2026 nhằm đáp ứng yêu cầu của nền tảng số quốc gia theo Quyết định số 2618/QĐ-BKHCN ngày 11/9/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Danh mục và kế hoạch triển khai các nền tảng số quốc gia, cũng như nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực và vùng.
2) Cơ chế một cửa quốc gia đang được nâng cấp giai đoạn 3 nhằm hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, chuẩn hóa và tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu. Đồng thời, Bộ Tài chính đang chủ trì xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 85/2019/NĐ-CP, theo hướng yêu cầu các bộ, ngành thực hiện 100% thủ tục hành chính trong lĩnh vực xuất khẩu, nhập khẩu trên Cổng thông tin một cửa quốc gia, bảo đảm thống nhất một đầu mối tiếp nhận và xử lý hồ sơ điện tử, qua đó nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

Người nộp thuế: Vũ Thị Sen-129-61
Địa chỉ: Phú Thọ

Thay đổi điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào: *Hoạt động logistics: Nội dung trước khi thay đổi: Khi xuất khẩu hàng hóa, doanh nghiệp ký hợp đồng với Forwarder thực hiện thủ tục xuất khẩu, và thanh toán chi phí xuất khẩu theo tháng, thỏa thuận hợp đồng hai bên là Forwarder và doanh nghiệp, forwarder đi gắp container tại các hãng tàu, các hãng tàu xuất hóa đơn phí mang tên doanh nghiệp, sau đó hãng tàu thu tiền từ forwarder. Forwarder trả hóa đơn đó cho doanh nghiệp. Nội dung

sau khi thay đổi: Do hóa đơn từ 5tr trở lên phải trả qua ngân hàng mới được khấu trừ thuế, do vậy doanh nghiệp phải trả phí (chứng từ, phí xếp dỡ ...) cho hãng tàu qua ngân hàng, không trả cho forwarder được. Giữa doanh nghiệp và hãng tàu chỉ có hóa đơn phí dịch vụ và chứng từ báo nợ tiền chi trả từ ngân hàng, không có thỏa thuận bằng hợp đồng. Nếu sau này doanh nghiệp hoàn thuế GTGT mà không có hợp đồng giao kèo hai bên thì có được hoàn thuế không? Doanh nghiệp, forwarder, hãng tàu không thể ký hợp đồng ba bên được vì từng lô hàng đi từng hãng tàu khác nhau. Doanh nghiệp chỉ ký hợp đồng nguyên tắc với forwarder thôi. Đối với hoạt động này hiện nay Doanh nghiệp đang mất thời gian nhận hóa đơn của hãng tàu để chi trả cho hãng tàu ngay khi lô hàng phát sinh. Việc ủy quyền chi trả không thực hiện được, do chỉ được ủy quyền cho người lao động trong công ty, trong khi người đi làm việc là người của forwarder.

Trả lời:

Tại Điều 26 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP quy định về chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt như sau:
“Điều 26. Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt
Cơ sở kinh doanh phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào (bao gồm cả hàng hóa nhập khẩu) từ 05 triệu đồng trở lên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng. Trong đó:
1. Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt là chứng từ chứng minh việc thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định của Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt, trừ các chứng từ bên mua nộp tiền mặt vào tài khoản của bên bán.
2. Một số trường hợp đặc thù theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Luật Thuế giá trị gia tăng bao gồm:

a) Trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua vào theo phương thức thanh toán bù trừ giữa giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào với giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra, vay mượn hàng mà phương thức thanh toán này được quy định cụ thể trong hợp đồng thì phải có biên bản đối chiếu số liệu và xác nhận giữa hai bên về việc thanh toán bù trừ giữa hàng hóa, dịch vụ mua vào với hàng hóa, dịch vụ bán ra, vay mượn hàng. Trường hợp bù trừ công nợ qua bên thứ ba phải có biên bản bù trừ công nợ của ba bên làm căn cứ khấu trừ thuế.

b) Trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua vào theo phương thức bù trừ công nợ như vay, mượn tiền; cấn trừ công nợ qua bên thứ ba mà phương thức thanh toán này được quy định cụ thể trong hợp đồng thì phải có hợp đồng vay, mượn tiền dưới hình thức văn bản được lập trước đó và có chứng từ chuyển tiền từ tài khoản của bên cho vay, cho mượn sang tài khoản của bên đi vay, đi mượn đối với khoản vay, mượn bằng tiền bao gồm cả trường hợp bù trừ giữa giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào với khoản tiền mà bên bán hỗ trợ cho bên mua, hoặc nhờ bên mua chi hộ.

c) Trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua vào được thanh toán ủy quyền qua bên thứ ba thanh toán không dùng tiền mặt (bao gồm cả trường hợp bên bán yêu cầu bên mua thanh toán không dùng tiền mặt cho bên thứ ba do bên bán chỉ định) thì việc thanh toán theo ủy quyền hoặc thanh toán cho bên thứ ba theo chỉ định của bên bán phải được quy định cụ thể trong hợp đồng dưới hình thức văn bản và bên thứ ba là một tổ chức hoặc thể nhân đang hoạt động theo quy định của pháp luật.

d) Trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua vào theo phương thức thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ bằng cổ phiếu, trái phiếu mà phương thức thanh toán này được quy định cụ thể trong hợp đồng thì phải có hợp đồng mua bán dưới hình thức văn bản được lập trước đó.

đ) Trường hợp sau khi thực hiện các hình thức thanh toán nêu tại điểm a, b, c và d khoản này mà phần giá trị còn lại được thanh toán bằng tiền có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên thì chỉ được khấu trừ thuế đối với trường hợp có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

e) Trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua vào được thanh toán không dùng tiền mặt vào tài khoản của bên thứ ba mở tại Kho bạc Nhà nước để thực hiện cưỡng chế bằng biện pháp thu tiền, tài sản do tổ chức, cá nhân khác đang nắm giữ (theo Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền) thì được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào xác định tương ứng với số tiền chuyển vào tài khoản của bên thứ ba mở tại Kho bạc Nhà nước.

g) Đối với hàng hóa, dịch vụ mua trả chậm, trả góp có giá trị hàng hóa, dịch vụ mua từ 05 triệu đồng trở lên, cơ sở kinh doanh căn cứ vào hợp đồng mua hàng hóa, dịch vụ bằng văn bản, hóa đơn giá trị gia tăng và chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt của hàng hóa, dịch vụ mua trả chậm, trả góp để khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào. Trường hợp chưa có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt do chưa đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng thì cơ sở kinh doanh vẫn được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào. Trường hợp đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng, cơ sở kinh doanh không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì cơ sở kinh doanh phải kê khai, điều chỉnh giảm số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ đối với phần giá trị hàng hóa, dịch vụ không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt vào kỳ tính thuế phát sinh nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng.

h) Trường hợp giá trị hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu từng lần có giá trị dưới 05 triệu đồng, hàng hóa, dịch vụ mua vào từng lần theo hóa đơn dưới 05 triệu đồng theo giá đã có thuế giá trị gia tăng và trường hợp cơ sở kinh doanh nhập khẩu hàng hóa là quà biếu, quà tặng, hàng mẫu

không phải trả tiền của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài thì không cần chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào.

i) Trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua vào phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng được ủy quyền cho cá nhân là người lao động của cơ sở kinh doanh thanh toán không dùng tiền mặt theo quy chế tài chính hoặc quy chế nội bộ của cơ sở kinh doanh, sau đó cơ sở kinh doanh thanh toán lại cho người lao động bằng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt thì được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào.

3. Trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ của một người nộp thuế có giá trị dưới 05 triệu đồng nhưng mua nhiều lần trong cùng một ngày có tổng giá trị từ 05 triệu đồng trở lên thì chỉ được khấu trừ thuế đối với trường hợp có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt."

Căn cứ quy định nêu trên, Nghị định số 181/2025/NĐ-CP đã quy định chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với trường hợp thanh toán ủy quyền qua bên thứ ba, bù trừ, cấn trừ công nợ qua bên thứ ba.

Ngoài ra, việc thanh toán không dùng tiền mặt được thực hiện theo pháp luật lĩnh vực ngân hàng, rất thuận tiện và thuộc quyền quyết định của doanh nghiệp phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Pháp luật về thuế GTGT không quy định về giờ phải thanh toán không dùng tiền mặt của doanh nghiệp.

Người nộp thuế: NGUYỄN VĂN PHƯƠNG-125-62
Địa chỉ: Số 209 đường Vĩnh Yên Phố Thành Yên

Công ty chúng tôi thu mua nông sản (củ, quả tươi) của các cá nhân, hộ kinh doanh không trực tiếp nuôi trồng thì các cá nhân, hộ kinh doanh

này có phải xuất hoá đơn GTGT cho Công ty chúng tôi hay không, nếu có thì thuế suất thuế GTGT là bao nhiêu?

Trả lời:

Căn cứ Điều 12 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH14 quy định về phương pháp tính trực tiếp.

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 9 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH14 về thuế suất 5%.

Căn cứ Điều 8 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định về loại hóa đơn.

Căn cứ Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 69/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng áp dụng theo tỷ lệ % để tính thuế GTGT.

Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp Công ty thu mua nông sản (củ, quả tươi) là sản phẩm cây trồng, rừng trồng chưa chế biến thành sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của các cá nhân, hộ kinh doanh không trực tiếp nuôi trồng thì các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện theo quy định về chính sách thuế GTGT và hóa đơn nêu trên.

Người nộp thuế: Bùi Xuân Tùng-122-63
Địa chỉ: Khương Đình Hà Nội

Cá nhân kinh doanh trên sàn thương mại điện tử có chức năng đóng thuế thay, có doanh thu 3 tỷ trở lên có phải xuất hoá đơn điện tử qua phần mềm thứ 3 hay không? Thuế của CNKD tính theo doanh thu hay theo lợi nhuận khi đối với CNKD để lấy chi phí hợp lý để khấu trừ rất khó?

Trả lời:

Căn cứ khoản 7 Điều 4 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP) quy định về nguyên tắc lập, quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ:

"Điều 4. Nguyên tắc lập, quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ

7. Người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ được ủy nhiệm cho bên thứ ba lập hóa đơn điện tử cho hoạt động bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Hóa đơn được ủy nhiệm cho bên thứ ba lập phải thể hiện tên đơn vị bán là bên ủy nhiệm. Việc ủy nhiệm phải được xác định bằng văn bản giữa bên ủy nhiệm và bên nhận ủy nhiệm thể hiện đầy đủ các thông tin về hóa đơn ủy nhiệm (mục đích ủy nhiệm; thời hạn ủy nhiệm; phương thức thanh toán hóa đơn ủy nhiệm) và phải thông báo cho cơ quan thuế khi đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử. Trường hợp hóa đơn ủy nhiệm là hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế thì bên ủy nhiệm phải chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể nội dung này."

Theo quy định trên thì người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ được ủy nhiệm cho bên thứ ba lập hóa đơn điện tử cho hoạt động bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Đối với nội dung tính thuế đối với cá nhân kinh doanh, Bộ Tài chính đang dự thảo Nghị định, Thông tư hướng dẫn quản lý thuế hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

Người nộp thuế: Đặng Thị Hồng Vân-120-64
Địa chỉ: 34 Hàng Đồng Phường Hạc Thành Tỉnh Thanh Hóa

Bên em đang vận chuyển hàng từ tỉnh này sang tỉnh khác nhưng bên vận chuyển chưa suất được hóa đơn để lấy đầu vào để hạch toán vào chi phí, vậy chỉ có bảng kê thanh toán cước vận chuyển chuyển khoản từ công ty thì khoản này có được xem là chi phí hợp lý không ạ.

Trả lời:

Tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP về thuế TNDN quy định

"Điều 9. Các khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

1. Trừ các khoản chi không được trừ quy định tại Điều 10 của Nghị định này, doanh nghiệp được trừ các khoản chi khi xác định thu nhập chịu thuế nếu đáp ứng đủ điều kiện tại các điểm a, b và c sau đây:

a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm cả khoản chi phí bổ sung được trừ theo tỷ lệ phần trăm tính trên chi phí thực tế phát sinh trong kỳ tính thuế liên quan đến hoạt động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp;

...

b) Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

Đối với các trường hợp: Mua sản phẩm là nông, lâm, thủy sản của người sản xuất, đánh bắt trực tiếp bán ra; mua sản phẩm thủ công làm bằng đay, cói, tre, nứa, lá, song, mây, rơm, vỏ dừa, sọ dừa hoặc nguyên liệu tận dụng từ sản phẩm nông nghiệp của người sản xuất thủ công trực tiếp bán ra; mua phế liệu của người trực tiếp thu nhặt; mua đồ dùng, tài sản của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp bán ra; mua hàng hóa, dịch vụ của cá nhân, hộ kinh doanh (không bao gồm các trường hợp nêu trên) có mức doanh thu dưới ngưỡng doanh thu chịu thuế giá trị gia tăng phải có chứng từ chi trả tiền theo quy định của pháp luật về kế

toán, hóa đơn, chứng từ cho người bán (đối với trường hợp giá trị mua hàng hóa, dịch vụ trong ngày của từng hộ, cá nhân từ 05 triệu đồng trở lên phải thanh toán không dùng tiền mặt) và Bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền của doanh nghiệp ký và chịu trách nhiệm;

c) Khoản chi có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với trường hợp mua hàng hoá, dịch vụ và các khoản thanh toán khác từng lần có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên. Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng.”

Căn cứ quy định nêu trên, thì về nguyên tắc doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ đối với khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, có đầy đủ hóa đơn, chứng từ và có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với trường hợp mua hàng hoá, dịch vụ và các khoản thanh toán khác từng lần có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên. Trong một số trường hợp doanh nghiệp được lập bảng kê và nếu khoản thanh toán từng lần có giá trị từ 5 triệu đồng trở lên thì phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

Đề nghị Công ty căn cứ quy định của pháp luật thuế, tình hình thực tế dịch vụ vận chuyển của Công ty để đảm bảo có đầy đủ hóa đơn, chứng từ khi xác định chi phí tính thuế TNDN theo quy định.

Người nộp thuế: Trung tâm NCDL Bắc Trung bộ-117-65
Địa chỉ: Phường Quảng Phú Thanh Hóa

CQ tôi là đơn vị sự nghiệp có thu, chuyên về chuyển giao quy trình trồng cây Dược liệu, trong đó có kèm theo bán cây giống và hạt giống. Hiện nay vẫn Xuất hóa đơn cho bên B nội dung hóa đơn là: Quy trình kỹ

thuật, hạt giống và cây giống. Doanh thu 1 năm dưới 2 tỷ đồng. Đang chịu thuế khoán là 2% trên doanh thu, như vậy có đúng với quy định không ???

Trả lời:

Quý đơn vị nghiên cứu quy định tại Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15, cụ thể Điều 4 về người nộp thuế, Điều 11 về phương pháp khấu trừ thuế để thực hiện theo quy định.

Người nộp thuế: Trung tâm NCDL Bắc Trung bộ-114-66
Địa chỉ: Phường Quảng Phú Thanh Hóa

CQ tôi là đơn vị sự nghiệp có thu, chuyên về chuyển giao quy trình trồng cây Dược liệu, trong đó có kèm theo bán cây giống và hạt giống. Hiện nay vẫn Xuất hóa đơn cho bên B nội dung hóa đơn là: Quy trình kỹ thuật, hạt giống và cây giống. Doanh thu 1 năm dưới 2 tỷ đồng. Đang chịu thuế khoán là 2% trên doanh thu, như vậy có đúng với quy định không ???

Trả lời:

Quý đơn vị nghiên cứu quy định tại Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15, cụ thể Điều 4 về người nộp thuế, Điều 11 về phương pháp khấu trừ thuế để thực hiện theo quy định.

Người nộp thuế: Nguyễn Lan Anh-113-67
Địa chỉ: Hà Nội

Khi nhà trường tổ chức bếp ăn, mua thực phẩm đầu vào, nhân sự nấu đảm bảo quy định bếp ăn trường học và hóa đơn/bảng kê đầu vào đầy đủ; tổng chi phí mua thực phẩm, chất đốt (không tính nhân công, công cụ dụng cụ) bằng tiền thu của học sinh thì có được tính là thu hộ chi

hộ không? Thu hộ chi hộ trong trường hợp này cần tuân thủ hồ sơ, chứng từ, hóa đơn như thế nào?

Trả lời:

Căn cứ khoản 7 Điều 4 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định đối tượng không chịu thuế:

"Điều 4. Đối tượng không chịu thuế

7. Hoạt động dạy học, dạy nghề theo quy định của pháp luật về giáo dục, giáo dục nghề nghiệp. Trường hợp các cơ sở dạy học, dạy nghề có các khoản thu hộ, chi hộ thì thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng; hàng hóa, dịch vụ do các tổ chức, cá nhân cung cấp cho các cơ sở dạy học, dạy nghề phải chịu thuế giá trị gia tăng theo quy định."

Căn cứ quy định trên, trường hợp các cơ sở dạy học, dạy nghề có các khoản thu hộ, chi hộ thì thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Do đó, trường hợp nhà trường mua thực phẩm, chất đốt (không tính nhân công, công cụ dụng cụ) bằng tiền thu của học sinh là khoản thu hộ, chi hộ thì thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Người nộp thuế: Phạm Thị Thủy-112-68
Địa chỉ: Hà Nội

Việc tinh giảm bộ máy cơ quan quản lý thuế trên cơ sở giảm các bộ phận trì trệ, cồng kềnh với mục đích đẩy nhanh công việc, thực hiện các thủ tục về thuế, tuy nhiên, thực tế lại ngược lại. Doanh nghiệp tôi đi làm xác nhận không nợ thuế đến nay đã gần 3 tháng vẫn chưa xong, với lí do bộ máy sắp xếp lại chưa ổn định, cán bộ quản lý giờ phải kiêm nhiệm nhiều việc dẫn tới không có đủ thời gian để xem hồ sơ doanh nghiệp. Vậy kính hỏi quý Bộ tài chính, trách nhiệm của việc chậm trễ

của bộ máy tinh gọn hiện tại là do cơ quan nào chịu, hay doanh nghiệp phải chịu chờ đợi cho đến khi bộ máy bắt nhịp guồng quay, cán bộ thuế quen với việc tinh gọn.

Trả lời:

Trong năm 2025, thực hiện chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ, BTC, ngành thuế đã trải qua 2 đợt sắp xếp. Kể từ 01/7/2025, ngành thuế đã tổ chức hệ thống thuế tại địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp. Sau 05 tháng triển khai vận hành chức năng nhiệm vụ giữa các cấp đã được quy định đầy đủ, cụ thể; có sự phân công, phân cấp rõ ràng; bảo đảm cơ sở pháp lý cho hoạt động bình thường, liên tục thông suốt của hệ thống. Việc sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy đến nay đã hoạt động ổn định, không làm gián đoạn công việc chuyên môn của các đơn vị, không để xảy ra tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực, địa bàn; đồng thời không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện thủ tục hành chính thuế của người dân và doanh nghiệp.

Người nộp thuế: Công ty TNHH Plactics Metal Tai Hing Việt Nam-108-69
Địa chỉ: Nghệ An

Doanh nghiệp chế xuất mua nguyên liệu trực tiếp cấu thành nên sản phẩm xuất khẩu theo hình thức VAT có phải thực hiện mở tờ khai hải quan nữa không?

Trả lời:

Việc lựa chọn làm hay không làm thủ tục hải quan đề nghị Công ty căn cứ quy định tại Điều 74 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 45 Điều 1 Thông tư số 121/2025/TT-BTC để thực hiện.

Trường hợp hàng hóa thuộc đối tượng DN được lựa chọn không phải làm thủ tục hải quan thì DN không phải mở tờ khai hải quan.

Người nộp thuế: NGUYỄN VĂN PHƯƠNG-107-70
Địa chỉ: Số 209 đường Vĩnh Yên Phố Thành Yên

Thuế suất thuế GTGT áp dụng đối với hàng nông sản, thực phẩm trong các trường hợp trên theo Luật Thuế GTGT sửa đổi từ 01/01/2026: TH 1: Bán cho đối tượng tiêu dùng trực tiếp: Cá nhân tiêu dùng; HKD, cá nhân kinh doanh; Doanh nghiệp, HTX mua về phục vụ tiêu dùng nội bộ, không đưa vào khâu kinh doanh thương mại tiếp theo. TH 2: Bán cho đối tượng mua để kinh doanh thương mại: HKD, cá nhân kinh doanh

Trả lời:

Tại khoản 2 Điều 9 Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2025/QH15 quy định:

"2. Mức thuế suất 5% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ sau đây:

...

d) Sản phẩm cây trồng, rừng trồng (trừ gỗ, măng), chăn nuôi, thuỷ sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường, trừ sản phẩm quy định tại khoản 1 Điều 5 của Luật này;"

Tại khoản 1 Điều 1 Luật số 149/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5 Luật Thuế giá trị gia tăng (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026) quy định:

"1. Sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu.

Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mua sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khác thì không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng nhưng được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào.”

Căn cứ quy định nêu trên, từ 01/01/2026, trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mua sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khác thì không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng nhưng được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào, bán cho các đối tượng khác thì thực hiện kê khai, nộp thuế GTGT theo mức thuế suất 5% theo quy định.

Người nộp thuế: CTY MỘC VŨ GIA-105-71
Địa chỉ: Đồng Nai

Kính gởi BTC và Hải Quan. Cty Chúng tôi Xuất khẩu nội thất, hiện có vấn đề về sai sót khi lên tờ khai HQ bị phát hiện sai số lượng so với số lượng đã kê khai. Về hóa đơn thuế GTGT công ty đã điều chỉnh đúng số lượng và giá trị nên sẽ lệch so với số tiền trên TKHQ, mà bây giờ TKHQ không được điều chỉnh kê khai bổ sung. Vậy trường hợp công ty chúng tôi cần làm gì để khớp số tiền trên TKHQ và Hóa đơn GTGT. Xin cảm ơn

Trả lời:

Căn cứ quy định tại khoản 4 điều 29 luật hải quan, Điều 20 thông tư 38/2015/tt-btc được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 điều 1 thông tư 39/2018/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 điều 1 Thông tư

121/2025/TT-BTC. Trường hợp tờ khai chưa thông quan người khai được khai bổ sung và bị xử lý theo quy định; trường hợp tờ khai đã thông quan (trừ nội dung liên quan đến giấy phép, ktcn): trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thông quan người khai hải quan được khai bổ sung và không bị xử lý vi phạm. Quá thời hạn nếu trên, người khai hải quan được khai bổ sung và bị xử lý theo quy định.
Theo đó trường hợp dn có sai sót trong quá trình khai báo thì đề nghị doanh nghiệp liên hệ hải quan nơi đăng ký tờ khau thực hiện khai bổ sung theo quy định nêu trên và xuất trình các hồ sơ có liên quan đến việc khai bổ sung để được giải quyết.

Người nộp thuế: Phạm Thị Thủy-96--72
Địa chỉ: Hà Nội

Công ty tôi là công ty kinh doanh chuyên đầu tư xây nhà dự án, thu tiền khách hàng theo tiến độ thu tiền trên hợp đồng. Qui định mới về hoá đơn là phải xuất hoá đơn đối với hoạt động kinh doanh bất động sản là xuất hoá đơn vào ngày thu tiền, tuy nhiên khách nộp tiền có thể vào cuối tuần, ngày nghỉ, lễ Tết, có thể là nửa đêm. Đối với kế toán bất động sản, giá trị hoá đơn còn phải tính toán số tiền đất được trừ, chứ không đơn giản là chia theo tỷ lệ 1.1 của thuế 10%. Việc xuất hoá đơn ngay sau 1 ngày hoặc tại ngày thu tiền là rất khó khăn, và không thể thực hiện được nhất là vào lễ tết, cuối tuần. Kế toán không thể nửa đêm dậy xuất hoá đơn cho khách. Về vấn đề này, kính đề nghị Bộ tài chính xem xét sửa đổi về thời gian không qui định sau 1 ngày như trước kia, tránh gây phiền phức khó khăn cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Trả lời:

Thời điểm lập hóa đơn được quy định tại Nghị định 123 và Nghị định 70 như sau:

"Điều 9. Thời điểm lập hóa đơn

1. Thời điểm lập hóa đơn đối với bán hàng hóa (bao gồm cả bán, chuyển nhượng tài sản công và bán hàng dự trữ quốc gia) là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho, người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Đối với xuất khẩu hàng hóa (bao gồm cả gia công xuất khẩu), thời điểm lập hóa đơn thương mại điện tử, hóa đơn giá trị gia tăng điện tử hoặc hóa đơn bán hàng điện tử do người bán tự xác định nhưng chậm nhất không quá ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày hàng hóa được thông quan theo quy định pháp luật về hải quan.

4. Thời điểm lập hóa đơn đối với một số trường hợp cụ thể như sau:

d) Đối với tổ chức kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, chuyển nhượng:

d.1) Trường hợp chưa chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng: Có thực hiện thu tiền theo tiến độ thực hiện dự án hoặc tiến độ thu tiền ghi trong hợp đồng thì thời điểm lập hóa đơn là ngày thu tiền hoặc theo thỏa thuận thanh toán trong hợp đồng.

d.2) Trường hợp đã chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng: Thời điểm lập hóa đơn thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này."

Về nguyên tắc, pháp luật về hóa đơn và thuế giá trị gia tăng hiện hành đã quy định rõ thời điểm lập hóa đơn đối với hoạt động kinh doanh bất động sản là thời điểm thu tiền theo tiến độ thực hiện dự án hoặc tiến độ thu tiền ghi trong hợp đồng, không phụ thuộc vào việc ngày thu tiền là ngày làm việc hay ngày nghỉ, lễ, Tết.

Hiện nay, hệ thống hóa đơn điện tử được triển khai đồng bộ trên phạm vi toàn quốc, cho phép doanh nghiệp lập hóa đơn mọi thời điểm, không phụ thuộc vào giờ hành chính. Do đó, pháp luật chưa có quy

định miễn trừ hoặc gia hạn riêng về thời điểm lập hóa đơn đối với trường hợp khách hàng thanh toán vào ban đêm, ngày nghỉ hoặc ngày lễ. Đối với đặc thù của hoạt động kinh doanh bất động sản, trong đó việc xác định giá tính thuế GTGT phải loại trừ giá đất được trừ theo quy định, doanh nghiệp cần chủ động xây dựng phương án quản lý hợp đồng, tiến độ thu tiền, dự toán giá đất được trừ và quy trình kế toán nội bộ để bảo đảm việc lập hóa đơn đúng thời điểm, đúng giá trị theo quy định pháp luật. Trường hợp sau khi lập hóa đơn phát sinh sai sót về giá tính thuế do chưa xác định đầy đủ các yếu tố cấu thành, doanh nghiệp được thực hiện điều chỉnh hóa đơn theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

Người nộp thuế: Công ty TNHH xe Foton Việt Nam-92--73
Địa chỉ: HCM

Cách tra cứu hàng giảm thuế GTGT theo nghị định 174/2025/NĐ-CP khi nhập khẩu như thế nào? Trong phụ lục I, nghị định 174 có đề cập về các sản phẩm kim loại, thì những hàng nhập khẩu có HS code thuộc danh mục HS code liệt kê trong phụ lục sẽ không được giảm thuế phải không? Chứ không phải tất cả các mặt hàng được làm bằng chất liệu kim loại đều không được giảm thuế phải không? Công ty tôi kinh doanh thương mại phụ tùng ô tô, có nhập phụ tùng ô tô trong đó có nhiều phụ tùng có chất liệu bằng kim loại nhưng mã HS thì không thuộc danh mục được đề cập trong Nghị định 174/2025/NĐ-CP nên sẽ được áp dụng mức thuế suất GTGT 8% phải không?

Trả lời:

Ngày 30/6/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 174/2025 /NĐ-CP quy định chính sách giảm thuế GTGT theo Nghị quyết số

204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội, tại khoản 1 Điều 1 Nghị định quy định:

"1. Giảm thuế giá trị gia tăng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10%, trừ nhóm hàng hóa, dịch vụ sau:

a) Viễn thông, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, sản phẩm kim loại, sản phẩm khai khoáng (trừ than). Chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (trừ xăng). Chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

c) Việc giảm thuế giá trị gia tăng cho từng loại hàng hóa, dịch vụ quy định
tại khoản 1 Điều này được áp dụng thống nhất tại các khâu nhập khẩu, sản xuất, gia công, kinh doanh thương mại..."

Để xử lý vướng mắc tại Nghị định số 174/2025/NĐ-CP, căn cứ ý kiến của Cục QLGSCS thuế, phí và lệ phí tại công văn số 1249/CST-GTGT, ngày 20/8/2025, Cục Hải quan đã có công văn số 20215/CHQ-NVTHQ hướng dẫn các Chi cục Hải quan khu vực yêu cầu các đơn vị căn cứ thực tế hàng hóa nhập khẩu của DN, đối chiếu với mô tả tại các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 174/2025/NĐ-CP để hướng dẫn DN thực hiện theo đúng quy định.

Do đó, đề nghị doanh nghiệp căn cứ công văn số 20215/CHQ-NVTHQ ngày 20/8/2025 của Cục Hải quan để thực hiện.

Người nộp thuế: Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh-91--74

Địa chỉ: 2288 đường Trần Văn Giàu Ấp 8 Xã Tân Vĩnh Lộc TP Hồ Chí Minh Việt Nam

1/ Khi doanh nghiệp thuê các cá nhân không đăng ký kinh doanh cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng xe ba gác và có mức doanh thu trên 500 triệu đồng/năm, thì các cá nhân không kinh doanh này có phải liên hệ với cơ quan thuế địa phương để mua hóa đơn và cung cấp hóa đơn này cho đơn vị thuê vận chuyển hay không? Hay được phép lập bảng kê theo mẫu 01/TNDN? Và khi chi trả tiền cho các cá nhân này có phải khấu trừ thuế TNCN 10% hay không? 2/ Khi doanh nghiệp thuê các cá nhân có đăng ký kinh doanh cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa và có mức doanh thu trên 500 triệu đồng/năm, thì các cá nhân có đăng ký kinh doanh này có phải liên hệ với cơ quan thuế địa phương để mua hóa đơn và cung cấp hóa đơn này cho đơn vị thuê vận chuyển hay không?

Trả lời:

Tại Điều 30 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 quy định:

"Điều 30. Đối tượng đăng ký thuế và cấp mã số thuế

1. Người nộp thuế phải thực hiện đăng ký thuế và được cơ quan thuế cấp mã số thuế trước khi bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc có phát sinh nghĩa vụ với ngân sách nhà nước. Đối tượng đăng ký thuế bao gồm:

a) Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông cùng với đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Tổ chức, cá nhân không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này thực hiện đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.”

Tại Điều 30 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 quy định:

“Điều 91. Áp dụng hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ

1. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ không phân biệt giá trị từng lần bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều này.

...

3. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 51 của Luật này và các trường hợp xác định được doanh thu khi bán hàng hóa, dịch vụ sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

4. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không đáp ứng điều kiện phải sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này nhưng cần có hóa đơn để giao cho khách hàng hoặc trường hợp doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác được cơ quan thuế chấp nhận cấp hóa đơn điện tử để giao cho khách hàng thì được cơ quan thuế cấp hóa đơn điện tử có mã theo từng lần phát sinh và phải khai thuế, nộp thuế trước khi cơ quan thuế cấp hóa đơn điện tử theo từng lần phát sinh.”

Tại Điều 13 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 70/2025/NĐ-CP) quy định:

“Điều 13. Áp dụng hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ

1. Đối tượng áp dụng hóa đơn điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 91 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, riêng trường hợp rủi ro cao về thuế thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Quy định về cấp và kê khai xác định nghĩa vụ thuế khi cơ quan thuế cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh như sau:

a) Loại hóa đơn cấp theo từng lần phát sinh

a.1) Cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh là hóa đơn bán hàng trong các trường hợp:

a.1.1) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 không đáp ứng điều kiện phải sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế nhưng cần có hóa đơn để giao cho khách hàng;"

Căn cứ quy định nêu trên, cá nhân không thuộc trường hợp phải đăng ký kinh doanh nhưng có phát sinh hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc có phát sinh nghĩa vụ với ngân sách nhà nước thực hiện đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan quản lý thuế.

Trường hợp cá nhân kinh doanh không đáp ứng điều kiện phải sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế nhưng cần có hóa đơn để giao cho khách hang thì được cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh, trường hợp đáp ứng điều kiện phải sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thì thực hiện đăng ký sử dụng theo quy định.

Các trường hợp lập bảng kê mẫu số 01/TNDN thực hiện theo quy định tại Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ về thuế TNDN

Người nộp thuế: Công Ty CP Nông Nghiệp Ứng Dụng Công Nghệ Cao Quốc Tế-90--75
Địa chỉ: Xóm Sơn Thượng Xã Nghĩa Lâm Tỉnh Nghệ An Việt Nam

MST: 2901637599 Địa chỉ: Tỉnh Nghệ An Công ty chúng tôi là công ty thương mại đi mua các mặt hàng nông sản (lúa mì, ngô hạt, khô đậu tương, khô dầu hạt cải, ngô ép đùn, rơm khô đóng bánh, ngô cây...) từ doanh nghiệp, HKD bán cho doanh nghiệp thứ 3 thì thuộc thuế suất 5% hay thuế suất KCT, và từ 01/01/2026 thì sẽ là mặt hàng KKKNT hay KCT ạ?

Trả lời:

Tại khoản 1 Điều 5 Luật Thuế GTGT số 48/2025/NĐ-CP quy định:

"Điều 5. Đối tượng không chịu thuế

1. Sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu."

Tại điểm d khoản 2 Điều 9 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 quy định về thuế suất 5%.

Tại khoản 1 Điều 1 Luật số 149/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5 Luật Thuế giá trị gia tăng (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026) quy định:

"1. Sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông

thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu.

Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mua sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khác thì không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng nhưng được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào.”

Căn cứ các quy định nêu trên, từ 01/7/2025, trường hợp Công ty mua các mặt hàng nông sản chưa chế biến thành sản phẩm khác từ doanh nghiệp, hộ kinh doanh, sau đó bán ra (cho doanh nghiệp khác, hộ KD) thì thuộc đối tượng .áp dụng thuế suất thuế GTGT 5%, từ 01/01/2026, khi bán cho doanh nghiệp thì thuộc trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT nhưng được khấu trừ thuế GTGT đầu vào, bán cho HKD, người tiêu dùng thì áp dụng thuế suất 5%.

Người nộp thuế: Công ty Hoa Sơn-87--76
Địa chỉ: Thanh Hóa

Công ty mình có sản xuất và cung cấp các loại ống gió, ống hút khói (từ tôn), một số người nói mặt hang nhà mình được giảm thuế GTGT xuống 8% một số lại không nên mình đang phân vân không rõ mặt hang của mình có được giảm thuế từ 01/07/2025 không

Trả lời:

Việc giảm thuế GTGT từ 10% xuống 8% từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 thực hiện theo quy định tại Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ, theo đó, Nghị định quy định giảm thuế GTGT đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ, trừ

nhóm hàng hóa, dịch vụ được chi tiết tại Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định.

Quý Doanh nghiệp căn cứ hàng hóa, dịch vụ doanh nghiệp bán ra và danh mục hàng hóa, dịch vụ không được giảm thuế để thực hiện.

Người nộp thuế: Nguyễn Thị Thu Hà-86--77
Địa chỉ: Đồng Nai

Kính gởi BTC. Tôi là cá nhân đang muốn thu mua nông sản (Trái sầu riêng) của nông dân và bán lại cho vựa thu mua. Vì vậy dòng tiền Ra vào tài khoản cá nhân tôi thường xuyên và lớn. Vậy Theo trường hợp của tôi phải làm sao cho đúng quy định không bị đánh thuế tài khoản cá nhân, tôi sợ bị đánh thuế. Rất mong cơ quan thuế giúp tôi hiểu rõ vấn đề thuế.

Trả lời:

Căn cứ vào tình hình hoạt động kinh doanh (dự kiến), Anh/chị nghiên cứu các quy định về Đăng ký kinh doanh (Nghị định 16/2025/NĐ-CP của Chính phủ) và Đăng ký Thuế (Thông tư 86/2024/TT-BTC của Bộ Tài chính) để đăng ký kinh doanh và Đăng ký thuế phù hợp với hình thức kinh doanh của anh chị (Doanh nghiệp hay Hộ Kinh doanh)

Đối với nghĩa vụ Thuế, anh/chị căn cứ các quy định của pháp luật thuế (GTGT, TNDN, TNCN...) và quy định về quản lý thuế theo Luật Quản lý Thuế và các văn bản hướng dẫn để thực hiện khai, nộp thuế theo quy định

Trường hợp gặp khó khăn vướng mắc, Anh/Chị liên hệ trực tiếp với cơ quan thuế thông qua các kênh hỗ trợ NNT: 479 kênh trực tuyến, qua điện thoại, Chatbot, trực tiếp tại các cơ quan thuế..

Người nộp thuế: Cty TNHH TMDV Ngọc Thảo-83--78
Địa chỉ: 39B Củ Chi - Phường Bắc Nha Trang-KH

Cty chúng tôi có dự kiến thuê thêm mặt bằng kinh doanh khoảng 8tr/tháng ký hợp đồng 12 tháng từ 01/01/2026. Vậy cty có bắt buộc chủ nhà phải đăng ký hộ kinh doanh không? Nếu chủ nhà không đăng ký thuế, khai thuế cty chúng tôi có bị loại chi phí này không? Xin Quý cơ quan giải đáp thắc mắc cho cđơn vị. Chân thành cảm ơn.

Trả lời:

1. Đối với cá nhân cho thuê mặt bằng:

Cá nhân cho thuê mặt bằng xác định có phải đăng ký hộ kinh doanh hay không phải đăng ký hộ kinh doanh căn cứ theo quy định tại Điều 82 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP như sau:

“Điều 82. Quyền thành lập hộ kinh doanh

1. Hộ kinh doanh do một cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh của hộ...

...3. Hộ gia đình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, làm muối và những người bán hàng rong, quà vặt, buôn chuyến, kinh doanh lưu động, kinh doanh thời vụ, làm dịch vụ có thu nhập thấp không phải đăng ký hộ kinh doanh, trừ trường hợp kinh doanh các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định mức thu nhập thấp áp dụng trên phạm vi địa phương.

4. Trường hợp có nhu cầu thành lập hộ kinh doanh, các đối tượng tại khoản 3 Điều này đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại Nghị định này.”

Do đó:

- Trường hợp cá nhân cho thuê mặt bằng đăng ký thành lập hộ kinh doanh thì cá nhân thực hiện đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông cùng với đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 168/2025/NĐ-CP và Thông tư số 68/2025/TT-BTC.

- Trường hợp cho thuê mặt bằng không đăng ký thành lập hộ kinh doanh thì cá nhân thực hiện đăng ký thuế với cơ quan thuế theo quy định tại Thông tư số 86/2024/TT-BTC.

2. Đối với Công ty thuê mặt bằng

Việc xác định khoản chi phí được trừ và không được trừ khi tính thuế TNDN của Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 10 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ.

Người nộp thuế: Đoàn Chiến Thắng-82--79
Địa chỉ: Hồ Chí Minh

Công ty chúng tôi thu mua yến thô từ các hộ nông dân không kinh doanh(Gọi là yến thô), sau khi thu mua Công ty thực hiện nhặt lông, sạn và các tạp chất trong tổ yên thô và phân loại tổ yên ra để bán (Gọi là Yến tinh) cho các doanh nghiệp chế biến các sản phẩm từ Tổ Yến. Chúng tôi xin hỏi theo Luật Thuế GTGT Luật số 149/2025/QH15 thì sản phẩm Yên tinh bán ra có chịu thuế không. Trân trọng.

Trả lời:

Ngày 11/12/2025, Quốc hội thông qua Luật số 149/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế GTGT, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026.
Theo đó, tại khoản 1 Điều 1 Luật số 149/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 như sau: “1. Sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi

trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu.
Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mua sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khác thì không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng nhưng được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào.”.
Căn cứ quy định nêu trên, từ ngày 01/01/2026, về nguyên tắc sản phẩm chăn nuôi chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân trực tiếp sản xuất bán ra thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT; khi thực hiện mua bán ở khâu trung gian thương mại thuộc trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT nhưng được khấu trừ thuế GTGT đầu vào; khi bán cho người tiêu dùng cuối cùng thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 5%.
Hiện nay, nội dung quy định chi tiết Luật số 149/2025/QH15 đang được Bộ Tài chính xây dựng tại dự án Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 181/2025/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Thuế GTGT để trình Chính phủ ban hành có hiệu lực từ ngày 01/01/2026.

Người nộp thuế: Công ty TNHH HBT Nha Trang-81--80
Địa chỉ: 352 Đường 23/10 Phường Tây Nha Trang TKhánh Hòa

Công ty chúng tôi bán hàng bánh kẹo, thực phẩm bổ sung. Khi mua hàng, được bên bán cho hưởng chính sách tặng hàng khuyến mại, hàng trưng bày. Bên bán xuất hóa đơn hàng khuyến mại, hàng trưng

bày không có đơn giá, thành tiền chỉ có số lượng. Vậy khi công ty chúng tôi nhận hàng khuyến mại này, thì có được xem là Thu nhập khác không? Vì Công ty tôi dùng hàng khuyến mại, trưng bày này để xuất lại cho khách hàng. Vậy khi xuất lại cho khách hàng thì có phải ghi đơn giá, thành tiền và tính thuế GTGT không?

Trả lời:

Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP quy định Giá tính thuế đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng, cho và hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại

Điều 6. Giá tính thuế đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng, cho và hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại

2. Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại theo quy định của pháp luật về thương mại, giá tính thuế được xác định bằng không (0), trừ trường hợp bán hàng, cung cấp dịch vụ với giá thấp hơn giá bán hàng, cung cấp dịch vụ trước đó, được áp dụng trong thời gian khuyến mại (khuyến mại bằng hình thức giảm giá) thì giá tính thuế là giá bán đã giảm áp dụng trong thời gian khuyến mại đã đăng ký hoặc thông báo theo quy định của pháp luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại. Các hình thức khuyến mại của hàng hóa, dịch vụ khuyến mại có giá tính thuế bằng không (0) hoặc giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ bán ra không bao gồm giá trị của hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, cụ thể như sau:

a) Đưa hàng mẫu, cung cấp dịch vụ mẫu để khách hàng dùng thử không phải trả tiền thì hàng mẫu, dịch vụ mẫu có giá tính thuế bằng không (0).

b) Tặng hàng hóa, cung cấp dịch vụ không thu tiền thì hàng hóa, dịch vụ tặng có giá tính thuế bằng không (0).

c) Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ có kèm theo phiếu mua hàng hóa, phiếu sử dụng dịch vụ thì giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ không bao gồm giá trị phiếu mua hàng hóa, phiếu sử dụng dịch vụ.

d) Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ có kèm theo phiếu dự thi cho khách hàng để chọn người trao thưởng theo thể lệ và giải thưởng đã công bố (hoặc các hình thức tổ chức thi và trao thưởng khác tương đương) thì giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ không bao gồm giá trị của hàng hóa, dịch vụ trúng thưởng theo phiếu dự thi (nếu có).

đ) Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ kèm theo việc tham dự các chương trình mang tính may rủi mà việc tham gia chương trình gắn liền với việc mua hàng hóa, dịch vụ và việc trúng thưởng dựa trên sự may mắn của người tham gia theo thể lệ và giải thưởng đã công bố thì giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ không bao gồm giá trị của hàng hóa, dịch vụ dùng để trao thưởng.

e) Tổ chức chương trình khách hàng thường xuyên, theo đó việc tặng thưởng cho khách hàng căn cứ trên số lượng hoặc trị giá mua hàng hóa, dịch vụ mà khách hàng thực hiện được thể hiện dưới hình thức thẻ khách hàng, phiếu ghi nhận sự mua hàng hóa, dịch vụ hoặc các hình thức khác thì giá tính thuế không bao gồm giá trị của thẻ khách hàng, phiếu ghi nhận sự mua hàng hóa, dịch vụ hoặc các hình thức khác.

Trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ quy định tại khoản này nhưng không thực hiện theo quy định về khuyến mại của pháp luật về thương mại thì giá tính thuế thực hiện như hàng hóa biếu, tặng, cho quy định tại khoản 1 Điều này."

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định nguyên tắc lập, quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ:

Điều 1.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 6, khoản 7 và bổ sung khoản 9 vào Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 6 và khoản 7 như sau:

"1. Khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, người bán phải lập hóa đơn để giao cho người mua (bao gồm cả các trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động và tiêu dùng nội bộ (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất); xuất hàng hóa dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa) và các trường hợp lập hóa đơn theo quy định tại Điều 19 Nghị định này. Hóa đơn phải ghi đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 10 Nghị định này. Trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử phải theo định dạng chuẩn dữ liệu của cơ quan thuế theo quy định tại Điều 12 Nghị định này."

Căn cứ Điều 10 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại điểm đ khoản 7 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP quy định nội dung của hoá đơn.

Căn cứ quy định trên, khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, người bán phải lập hóa đơn để giao cho người mua (bao gồm cả các trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu). Về nội dung của hoá đơn, đề nghị thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ nêu trên.

Người nộp thuế: Công ty TNHH Estec Phú Thọ-78--81
Địa chỉ: Phú Thọ

Cho chúng tôi hỏi thêm: Công ty chúng tôi thường xuyên nhập khẩu các lô hàng nguyên vật liệu phục vụ sản xuất xuất khẩu 3 bên như sau, Công ty A (bên bán) là thương nhân nước ngoài tại Hàn Quốc, Công ty B (bên nhận gia công cho cty A, được A chỉ định giao hàng cho công ty tôi), A có đầu tư vào B. Cả công ty B và công ty tôi đều là doanh nghiệp FDI, không phải doanh nghiệp chế xuất. Từ năm 2021, Công ty B mở tờ khai xuất E52, công ty tôi mở tờ khai nhập khẩu tại chỗ loại hình A12. Đến 01/07/2025, Điều 47a Luật số 90/2025/QH15 có hiệu lực. Cho hỏi: 1. Nếu công ty B đưa hàng vào kho ngoại quan, sau đó công ty tôi lấy hàng này từ kho ngoại quan, thì Công ty tôi có thể mở tờ khai nhập khẩu loại hình E31 hay không? 2. So với các Nguyên vật liệu thông thường, các nguyên vật liệu là hóa chất, keo khi làm hồ sơ tiêu hủy, sơ hủy cần phải chuẩn bị thêm những gì?

Trả lời:

1). Về hàng hóa gửi kho ngoại quan và thủ tục hải quan đối với hàng hóa đưa vào, đưa ra kho ngoại quan đề nghị Công ty nghiên cứu quy định tại khoản 10 Điều 4 Luật Hải quan, Điều 85, Điều 88 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ và Điều 91 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 59 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/04/2018 của Bộ Tài chính; Công văn số 4826/TCHQ-GSQL ngày 14/11/2022 để thực hiện.

2). Thủ tục tiêu huỷ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị phế liệu, phế phẩm gia công thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 64 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC, được sửa đổi bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Thông tư số 121/2025/TT-BTC ngày 18/12/2025 (có hiệu lực từ ngày 01/02/2026). Quy định này áp dụng chung cho quá trình tiêu huỷ, không phân biệt hàng hoá tiêu huỷ là mặt hàng gì.

Do câu hỏi của Công ty không rõ, hàng hóa tiêu hủy nêu trên có liên quan đến hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu còn thuộc quản lý của cơ quan hải quan hay không?

Tuy nhiên, về vấn đề tiêu hủy hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế thì đề nghị công ty tham khảo quy định tại Điều 35 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế. Trường hợp có vướng mắc phát sinh, đề nghị doanh nghiệp lấy ý kiến cơ quan quản lý chuyên ngành về hóa chất (Cục Hóa chất – Bộ Công Thương) để được giải đáp.

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH LINH ANH VIỆT NAM-76--82
Địa chỉ: số 11 phố Đinh tiên hoàng phường Hoàn Kiếm Tp hà nội

Kính thưa Bộ Tài Chính! Theo Nghị định 320/2025/NĐ-CP Ban hành ngày 15/12/2025 tại khoản c điều 9 có quy định về các khoản chi có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ và các khoản thanh toán khác có giá trị từng lần từ 5 triệu đồng trở lên. Vậy Doanh Nghiệp tôi muốn hỏi đối với chi phí lương, chi phí thuê nhà, thuê xe có thuộc trường hợp các khoản chi khác nên trên và có bắt buộc phải áp dụng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt để được tính là chi phí được trừ khi quyết toán thuế TNDN không? Vì Nghị định áp dụng từ ngày 15/12 nên một số nhân viên bên công ty tôi là người lao động lớn tuổi chưa biết sử dụng tài khoản nên cũng gây khó khăn ít nhiều nếu thực hiện ạ. Rất mong nhận được sự phản hồi của Quý Bộ!

Trả lời:

Tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 320/2025/NĐ – CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ về thuế TNDN quy định:

"c) Khoản chi có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản thanh toán khác từng lần có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên. Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng."

Theo quy định nêu trên thì doanh nghiệp có các khoản chi từng lần có giá trị từ 5 triệu đồng trở lên phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì được xác định là khoản chi được trừ khi tính thuế TNDN.

Trường hợp doanh nghiệp có khoản chi thanh toán tiền lương, tiền công trả cho người lao động, tiền thuê nhà, thuê xe liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và các khoản thanh toán này được thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng thì các khoản chi này được xác định là chi phí được trừ khi tính thuế TNDN trong kỳ.

Người nộp thuế: Công ty TNHH Tiếp Vận Thực-71--83
Địa chỉ: 39-41 đường B4 phường An Khánh Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty chúng tôi hoạt động trong lĩnh vực logistics, cho hỏi: 1. Các dịch vụ phát sinh ở cảng nước ngoài như: dịch vụ làm hàng, dịch vụ giao nhận, phí môi giới, phí chứng từ, phí niêm chì, phí xếp dỡ, thuế xuất nhập khẩu ở cảng nước ngoài,... mà chúng tôi cung cấp cho khách hàng là các doanh nghiệp Việt Nam có được hưởng thuế suất 0% hay không? 2. Các dịch vụ: Cước vận chuyển quốc tế, phí phát sinh ở cảng,... có thuộc diện được xuất hóa đơn trong vòng 7 ngày sau khi đối soát hay không? Và có được xuất kèm bảng kê hay không? Rất mong nhận được câu trả lời của Quý cơ quan. Trân trọng cảm ơn.

Trả lời:

Câu 1.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 9 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 quy định thuế suất:

Điều 9. Thuế suất

1. Mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ sau đây:

b) Dịch vụ xuất khẩu bao gồm: dịch vụ cung cấp trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; dịch vụ cung cấp trực tiếp cho tổ chức ở trong khu phi thuế quan và được tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu;

c) Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu khác bao gồm: vận tải quốc tế; dịch vụ cho thuê phương tiện vận tải được sử dụng ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam; dịch vụ của ngành hàng không, hàng hải cung cấp trực tiếp hoặc thông qua đại lý cho vận tải quốc tế; hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài hoặc ở trong khu phi thuế quan; sản phẩm nội dung thông tin số cung cấp cho bên nước ngoài và có hồ sơ, tài liệu chứng minh tiêu dùng ở ngoài Việt Nam theo quy định của Chính phủ; phụ tùng, vật tư thay thế để sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, máy móc, thiết bị cho bên nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; hàng hóa gia công chuyển tiếp để xuất khẩu theo quy định của pháp luật; hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng khi xuất khẩu, trừ các trường hợp không áp dụng mức thuế suất 0% quy định tại điểm d khoản này;

...

3. Mức thuế suất 10% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ không quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, bao gồm cả dịch vụ được các nhà cung

cấp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam cung cấp cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam qua kênh thương mại điện tử và các nền tảng số."

Căn cứ khoản 3, khoản 5 Điều 17 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP quy định mức thuế suất 0%:

Điều 17. Mức thuế suất 0%

3. Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu khác bao gồm: vận tải quốc tế; dịch vụ cho thuê phương tiện vận tải được sử dụng ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam; dịch vụ của ngành hàng không, hàng hải cung cấp trực tiếp hoặc thông qua đại lý cho vận tải quốc tế; hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài hoặc ở trong khu phi thuế quan; sản phẩm nội dung thông tin số cung cấp cho bên nước ngoài và có hồ sơ, tài liệu chứng minh tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; phụ tùng, vật tư thay thế để sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, máy móc, thiết bị cho bên nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; hàng hóa gia công chuyển tiếp để xuất khẩu theo quy định của pháp luật; hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng khi xuất khẩu, trừ các trường hợp không áp dụng mức thuế suất 0% quy định tại khoản 4 Điều này. Trong đó:

a) Vận tải quốc tế bao gồm vận tải hành khách, hành lý, hàng hóa theo chặng quốc tế từ Việt Nam ra nước ngoài hoặc từ nước ngoài đến Việt Nam, hoặc cả điểm đi và đến ở nước ngoài, không phân biệt có phương tiện trực tiếp vận tải hay không có phương tiện. Trường hợp, hợp đồng vận tải quốc tế bao gồm cả chặng vận tải nội địa thì vận tải quốc tế bao gồm cả chặng nội địa.

b) Dịch vụ của ngành hàng không gồm: dịch vụ cung cấp suất ăn hàng không; dịch vụ cất hạ cánh tàu bay; dịch vụ sân đậu tàu bay; dịch vụ an ninh bảo vệ tàu bay; soi chiếu an ninh hành khách, hành lý và hàng hóa;

dịch vụ băng chuyền hành lý tại nhà ga; dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; dịch vụ bảo vệ tàu bay; dịch vụ kéo đẩy tàu bay; dịch vụ dẫn tàu bay; dịch vụ thuê cầu dẫn khách lên, xuống máy bay; dịch vụ điều hành bay đi, đến; dịch vụ vận chuyển tổ lái, tiếp viên và hành khách trong khu vực sân đậu tàu bay; chất xếp, kiểm đếm hàng hóa; dịch vụ phục vụ hành khách đi chuyến bay quốc tế từ cảng hàng không Việt Nam; dịch vụ sửa chữa tàu bay; dịch vụ tra nạp ngầm nhiên liệu cho các chuyến bay quốc tế. Dịch vụ của ngành hàng không áp dụng thuế suất 0% là những dịch vụ được thực hiện trong khu vực cảng hàng không quốc tế, sân bay, nhà ga hàng hóa hàng không quốc tế.

5. Hàng hóa, dịch vụ bán, cung cấp cho tổ chức trong khu phi thuế quan và được tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này là hàng hóa, dịch vụ được tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ cho hoạt động sản xuất xuất khẩu của tổ chức trong khu phi thuế quan và không phục vụ cho hoạt động khác không phải hoạt động sản xuất xuất khẩu, trừ các hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 4 Điều này."

..."

Căn cứ các quy định trên, dịch vụ xuất khẩu bao gồm: dịch vụ cung cấp trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; dịch vụ cung cấp trực tiếp cho tổ chức ở trong khu phi thuế quan và được tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu thì áp dụng thuế suất 0%.

Đề nghị người nộp thuế căn cứ các quy định trên, trên cơ sở tình hình kinh doanh thực tế để áp dụng chính sách thuế GTGT theo quy định.

Căn cứ điểm b, khoản 6, điểm b khoản 7 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025 sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 9, điểm a khoản 6 Điều 10 Nghị định 123/2020/NĐ-CP quy định về thời điểm lập hoá đơn, nội dung của hoá đơn:

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, điểm a, điểm e, điểm l, điểm m, điểm n khoản 4 Điều 9 và bổ sung điểm p, điểm q, điểm r vào khoản 4 Điều 9 như sau:

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm e, điểm l, điểm m, điểm n khoản 4 như sau:

"a) Đối với các trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ với số lượng lớn, phát sinh thường xuyên, cần có thời gian đối soát số liệu giữa doanh nghiệp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và khách hàng, đối tác gồm: Trường hợp cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không, cung ứng nhiên liệu hàng không cho các hãng hàng không, hoạt động cung cấp điện (trừ đối tượng quy định tại điểm h khoản này), cung cấp dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt, nước, dịch vụ truyền hình, dịch vụ quảng cáo truyền hình, dịch vụ thương mại điện tử, dịch vụ bưu chính và chuyển phát (bao gồm cả dịch vụ đại lý, dịch vụ thu hộ, chi hộ), dịch vụ viễn thông (bao gồm cả dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng), dịch vụ logistic, dịch vụ công nghệ thông tin (trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này) được bán theo kỳ nhất định, dịch vụ ngân hàng (trừ hoạt động cho vay), chuyển tiền quốc tế, dịch vụ chứng khoán, xổ số điện toán, thu phí sử dụng đường bộ giữa nhà đầu tư và nhà cung cấp dịch vụ thu phí và các trường hợp khác theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính, thời điểm lập hóa đơn là thời điểm hoàn thành việc đối soát dữ liệu giữa các bên nhưng chậm nhất không quá ngày 07 của tháng sau tháng phát sinh việc cung cấp dịch vụ hoặc không quá 07 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ quy ước. Kỳ quy ước để làm căn cứ tính lượng hàng

hóa, dịch vụ cung cấp căn cứ thỏa thuận giữa đơn vị bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ với người mua.”

...

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 5, điểm a khoản 6, khoản 9, điểm c khoản 14 Điều 10 và bổ sung điểm l vào khoản 14, bổ sung khoản 17 vào Điều 10 như sau:

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 6 như sau:

a.3) Số lượng hàng hóa, dịch vụ: Người bán ghi số lượng bằng chữ số Ả-rập căn cứ theo đơn vị tính nêu trên. Trường hợp cung cấp các loại hàng hóa, dịch vụ đặc thù như điện, nước, dịch vụ viễn thông, dịch vụ công nghệ thông tin, dịch vụ truyền hình, dịch vụ bưu chính và chuyển phát, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, được lập theo kỳ quy ước, dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và các trường hợp khác theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính được lập hóa đơn sau khi đối soát dữ liệu thì người bán được sử dụng bảng kê kèm theo hóa đơn; bảng kê được lưu giữ cùng hóa đơn để phục vụ việc kiểm tra, đối chiếu của các cơ quan có thẩm quyền.”

Câu 2.

Căn cứ khoản 1 Điều 6 Thông tư 32/2025/TT-BTC quy định Áp dụng hóa đơn điện tử đối với một số trường hợp khác:

“Điều 6. Áp dụng hóa đơn điện tử đối với một số trường hợp khác

1. Các trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ khác với số lượng lớn, phát sinh thường xuyên, cần có thời gian đối soát số liệu giữa doanh nghiệp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và khách hàng, đối tác được lập hóa đơn theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 9 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 6 Điều 1

Nghị định số 70/2025/NĐ-CP) bao gồm: sản phẩm phái sinh theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng, pháp luật về chứng khoán và pháp luật về thương mại được quy định tại Luật Thuế giá trị gia tăng, dịch vụ cung cấp suất ăn công nghiệp, dịch vụ của sở giao dịch hàng hóa, dịch vụ thông tin tín dụng, dịch vụ kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi (đối với khách hàng là các doanh nghiệp, tổ chức).”

Đề nghị quý doanh nghiệp nghiên cứu quy định về thời điểm lập hóa đơn khi hoàn thành việc đối soát dữ liệu giữa các bên nhưng chậm nhất không quá ngày 07 của tháng sau tháng phát sinh việc cung cấp dịch vụ hoặc không quá 07 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ quy ước được trích dẫn ở trên.

Người nộp thuế: Nga Nguyễn-70--84
Địa chỉ: số 15 ngõ 22 Mạc Thái Tổ Cầu Giấy Hà Nội

Theo khoản c Điều 9 NĐ 320 "c) Khoản chi có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản thanh toán khác từng lần có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên" thì sẽ được tính là Các khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế. Nếu công ty tôi có nhiều hóa đơn khác nhau, khác ngày, khác nhà cung cấp, NLĐ làm đề nghị thanh toán bằng tiền mặt trong 1 lần có giá trị thanh toán trên 5 triệu thì các hóa đơn này có được xem là chi phí hợp lý được khấu trừ khi tính thuế GTGT và TNDN không?

Trả lời:

Tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 320/2025/NĐ – CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ về thuế TNDN quy định:

"c) Khoản chi có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản thanh toán khác từng lần có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên. Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng."

Theo quy định nêu trên thì doanh nghiệp có các khoản chi từng lần có giá trị từ 5 triệu đồng trở lên phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì được xác định là khoản chi được trừ khi tính thuế TNDN.

Trường hợp doanh nghiệp có khoản chi thanh toán tiền lương, tiền công trả cho người lao động liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và các khoản thanh toán này được thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng thì khoản thanh toán tiền lương, tiền công trên được xác định là khoản chi phí được trừ khi tính thuế TNDN trong kỳ.

Người nộp thuế: Công ty TNHH Estec Phú Thọ-69--85
Địa chỉ: Phú Thọ

Công ty chúng tôi thường xuyên nhập khẩu các lô hàng nguyên vật liệu phục vụ sản xuất xuất khẩu 3 bên như sau, Công ty A (bên bán) là thương nhân nước ngoài tại Hàn Quốc, Công ty B (bên nhận gia công cho cty A, được A chỉ định giao hàng cho công ty tôi), A có đầu tư vào B. Cả công ty B và công ty tôi đều là doanh nghiệp FDI, không phải doanh nghiệp chế xuất. Từ năm 2021, Công ty B mở tờ khai xuất E52, công ty tôi mở tờ khai nhập khẩu tại chỗ loại hình A12. Đến 01/07/2025, Điều 47a Luật số 90/2025/QH15 có hiệu lực, như một cơ chế "mở đường" để đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài, tạo thuận lợi cho DN về thời gian, chi phí. Vậy kính mong Quý cơ quan giải đáp thắc mắc cho chúng tôi như sau: Nếu công ty tôi nhận thẳng hàng từ công

ty B thì có thể mở tờ khai nhập khẩu tại chỗ theo loại hình E31 hay không?

Trả lời:

Căn cứ hướng dẫn tại STT 30 Bảng giải đáp vướng mắc Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ ban hành kèm theo công văn số 5529/TCHQ-TXNK ngày 24/11/2021 của Tổng cục Hải quan (nay là Cục Hải quan) thì khi nhập khẩu tại chỗ hàng hóa từ doanh nghiệp khác trong nội địa để sản xuất hàng xuất khẩu, doanh nghiệp khai mã loại hình A11, A12.
Theo đó, đề nghị Công ty nghiên cứu hướng dẫn tại công văn số 5529/TCHQ-TXNK nêu trên và đối chiếu với thực tế hoạt động phát sinh tại Công ty để thực hiện đúng quy định.

Người nộp thuế: NGUYỄN THỊ NGỌC MY-67--86
Địa chỉ: 58 NGUYỄN HOÀNG PHƯỜNG AN PHÚ TPHCM

Kính gửi cục thuế 1. Hiện công ty có chi lương cho các nhân viên đã chi xong vào ngày 25.12.2025 (đã tính thuế TNCN trên bảng lương tháng 12.2025) 2. Sau đó ngày 28.12.2025 công ty có chi thưởng 500k cho mỗi (thưởng tết). Công ty co tạm khấu trừ toàn bộ theo bậc 5% thuế TNCN -> mỗi người nhận được 475k Liệu việc tạm khấu trừ như này có đúng quy định nhờ cơ quan thuế giải đáp.

Trả lời:

Tại Điều 11 Luật thuế thu nhập cá nhân số 04 quy định:

“2. Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công là thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu nhập cho đối tượng nộp thuế hoặc thời điểm đối tượng nộp thuế nhận được thu nhập” Tại Điều 25 Thông tư số

111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính quy định: "Điều 25. Khấu trừ thuế và chứng từ khấu trừ thuế 1. Khấu trừ thuế Khấu trừ thuế là việc tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện tính trừ số thuế phải nộp vào thu nhập của người nộp thuế trước khi trả thu nhập, cụ thể như sau: .... b) Thu nhập từ tiền lương, tiền công b.1) Đối với cá nhân cư trú ký hợp đồng lao động từ ba (03) tháng trở lên thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện khấu trừ thuế theo Biểu thuế lũy tiến từng phần, kể cả trường hợp cá nhân ký hợp đồng từ ba (03) tháng trở lên tại nhiều nơi....".

Căn cứ các quy định nêu trên, khi tổ chức trả thu nhập chi trả tiền thưởng cho người lao động thì tổ chức trả thu nhập thực hiện khấu trừ thuế TNCN tại thời điểm chi trả thu nhập hoặc thời điểm người nộp thuế nhận được thu nhập theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 111/2013/TT-BTC.

Đối với cá nhân là cá nhân cư trú ký hợp đồng lao động từ ba (03) tháng trở lên thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện khấu trừ thuế theo Biểu thuế lũy tiến từng phần đối với khoản tiền thưởng này.

Theo đó, tổ chức trả thu nhập có trách nhiệm tổng hợp khoản tiền thưởng vào thu nhập chịu thuế của tháng 12 và xác định số thuế TNCN phải khấu trừ theo Biểu thuế lũy tiến từng phần trên tổng thu nhập chịu thuế trong tháng

Người nộp thuế: Công Ty TNHH Nông Nghiệp Bình An Phát-65--87
Địa chỉ: Đồng Nai

Công ty chúng tôi sản xuất kinh doanh vịt con giống. Trong quá trình chăn nuôi có phát sinh doanh thu bán hỗn hợp chất thải của vịt bao gồm: chất thải sinh học của vịt (phân và nước tiểu) và vỏ trấu. Theo luật thuế GTGT 2024 phân bón trở lại thuộc đối tượng chịu thuế GTGT

thuế suất 5%. Theo chúng tôi được biết hỗn hợp chất thải chăn nuôi vịt của chúng tôi chưa phải là phân bón, vì không thể bón trực tiếp cho cây trồng mà còn phải qua giai đoạn xử lý, chế biến (thêm hóa chất, lên men,...). Vậy kính nhờ quý cơ quan giải đáp hỗn hợp phân này có phải áp dụng mức thuế suất 5% hay không?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP quy định:

"Điều 19. Mức thuế suất 5%

Mức thuế suất 5% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 2 Điều 9 Luật Thuế giá trị gia tăng. Một số trường hợp được quy định chi tiết như sau:

1. Phân bón, quặng để sản xuất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và chất kích thích tăng trưởng vật nuôi theo quy định của pháp luật, trong đó: quặng để sản xuất phân bón là các quặng làm nguyên liệu để sản xuất phân bón như quặng Apatít dùng để sản xuất các loại phân bón chứa lân, đất bùn làm phân vi sinh; thuốc bảo vệ thực vật thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật."

Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp hỗn hợp chất thải chăn nuôi vịt của Công ty chưa phải là phân bón thì không thuộc trường hợp áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 5%.

Người nộp thuế: Công ty TNHH LS Vina-64--88
Địa chỉ: Hải Phòng

Công ty có mua bảo hiểm tai nạn và bảo hiểm sức khỏe cho người lao động nước ngoài làm việc tại công ty. Bảo hiểm được mua từ doanh nghiệp bảo hiểm ngoài Việt Nam. Trên hợp đồng bảo hiểm, hóa

đơn/chứng từ phí bảo hiểm không xuất cho công ty mà xuất trực tiếp cho cá nhân người lao động. Xin hỏi: Khoản phí bảo hiểm nêu trên có được xác định là thu nhập chịu thuế TNCN của người lao động nước ngoài hay không?

Trả lời:

Căn cứ quy định tại tiết đ.2, điểm đ, khoản 2 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 11 Thông tư số 92/2015/TT-BTC) quy định:

Điều 2: Các khoản thu nhập chịu thuế

… 2. Thu nhập từ tiền lương tiền công

đ) Các khoản lợi ích bằng tiền hoặc không bằng tiền ngoài tiền lương, tiền công do người sử dụng lao động trả mà người nộp thuế được hưởng dưới mọi hình thức:

đ.2) Khoản tiền do người sử dụng lao động mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác có tích lũy về phí bảo hiểm; mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện hoặc đóng góp Quỹ hưu trí tự nguyện cho người lao động.

Trường hợp người sử dụng lao động mua cho người lao động sản phẩm bảo hiểm không bắt buộc không có tích lũy về phí bảo hiểm (kể cả trường hợp mua bảo hiểm của các doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam được phép bán bảo hiểm tại Việt Nam) thì khoản tiền phí mua sản phẩm bảo hiểm này không tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân của người lao động. Bảo hiểm không bắt buộc và không có tích lũy về phí bảo hiểm gồm các sản phẩm bảo hiểm như: bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tử kỳ (không bao gồm sản phẩm bảo hiểm tử kỳ có hoàn phí), ... mà người

tham gia bảo hiểm không nhận được tiền phí tích lũy từ việc tham gia bảo hiểm, ngoài khoản tiền bảo hiểm hoặc bồi thường theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm do doanh nghiệp bảo hiểm trả.

Căn cứ quy định trên, khoản tiền công ty mua bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sức khỏe cho người lao động nước ngoài có tính chất là bảo hiểm không bắt buộc không có tịch lũy về phí bảo hiểm từ công ty bảo hiểm không thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam được phép bán bảo hiểm tại Việt Nam thì khoản thu nhập từ phí bảo hiểm mà người lao động nhận được không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN.

Người nộp thuế: Công ty TNHH Tỷ Xuân-62--89
Địa chỉ: Khu công nghiệp Hoà Phú Vĩnh Long

Khoản tiền lương cho người lao động trên 5 triệu đồng chi bằng tiền mặt có được tính là chi phí hợp lệ được trừ khi tính thuế TNDN không?

Trả lời:

Tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 320/2025/NĐ – CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ về thuế TNDN quy định:

“c) Khoản chi có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản thanh toán khác từng lần có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên. Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng.”

Theo quy định nêu trên thì doanh nghiệp có các khoản chi từng lần có giá trị từ 5 triệu đồng trở lên phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì được xác định là khoản chi được trừ khi tính thuế TNDN.

Trường hợp doanh nghiệp có khoản chi thanh toán tiền lương, tiền công trả cho người lao động liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và các khoản thanh toán này được thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng thì khoản thanh toán tiền lương, tiền công trên được xác định là khoản chi phí được trừ khi tính thuế TNDN trong kỳ.

Người nộp thuế: Bà Vũ Thị Gấm-61--90
Địa chỉ: Hải Phòng

Vướng mắc về thời điểm lập hóa đơn GTGT đối với doanh nghiệp nội địa bán hàng cho DNCX. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 9 Nghị định 123 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 70), thời điểm lập hóa đơn khi bán hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phụ thuộc vào việc đã thu tiền hay chưa. Đối với hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài, thời điểm lập hóa đơn do người bán tự xác định nhưng không được muộn hơn ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày hàng hóa được thông quan. Vậy, trong trường hợp doanh nghiệp nội địa bán hàng hóa cho doanh nghiệp chế xuất, doanh nghiệp chúng tôi có được phép lập hóa đơn GTGT trước thời điểm mở tờ khai hải quan hay không? Làm rõ thông tin doanh nghiệp tự xác định thời điểm xuất hóa đơn để doanh nghiệp có thể thực hiện đúng theo quy định quản lý hóa đơn bán hàng.

Trả lời:

Căn cứ khoản 1 Điều 9 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP) quy định thời điểm lập hóa đơn:

"Điều 9. Thời điểm lập hóa đơn

1. Thời điểm lập hóa đơn đối với bán hàng hóa (bao gồm cả bán, chuyển nhượng tài sản công và bán hàng dự trữ quốc gia) là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho, người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Đối với xuất khẩu hàng hóa (bao gồm cả gia công xuất khẩu), thời điểm lập hóa đơn thương mại điện tử, hóa đơn giá trị gia tăng điện tử hoặc hóa đơn bán hàng điện tử do người bán tự xác định nhưng chậm nhất không quá ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày hàng hóa được thông quan theo quy định pháp luật về hải quan."

Đối với hoạt động doanh nghiệp nội địa bán hàng hóa cho tổ chức trong khu phi thuế quan và được tiêu dùng trong khu phi thuế quan được xác định là hoạt động xuất khẩu hàng hóa, phải thực hiện thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật hải quan.

Do đó, đối với xuất khẩu hàng hóa (bao gồm cả gia công xuất khẩu), thời điểm lập hóa đơn thương mại điện tử, hóa đơn giá trị gia tăng điện tử hoặc hóa đơn bán hàng điện tử do người bán tự xác định nhưng chậm nhất không quá ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày hàng hóa được thông quan theo quy định pháp luật về hải quan.

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH VẬN TẢI KAF-60--91
Địa chỉ: SỐ 7 ĐƯỜNG SỐ 14 KĐT MỚI HIMLAM TÂN HƯNG HCM

Công ty bị phạt hành chính trong lĩnh vực Hải quan bao nhiêu lần thì bị chuyển luồng tờ khai? Số lần phạt đó mỗi năm sẽ được reset lại hay là cộng dồn theo thời gian. Có qui định cụ thể nào hay không? Xin cảm ơn ban tổ chức rất nhiều

Trả lời:

Cơ quan Hải quan thực hiện đánh giá tuân thủ, phân loại mức độ rủi ro đối với người khai hải quan theo quy định tại Thông tư 81/2019/TT-BTC. Trường hợp doanh nghiệp vi phạm, tùy theo tần suất, tính chất, mức độ vi phạm, hệ thống hải quan tự động đánh giá theo các mức độ tuân thủ khác nhau, phân loại mức độ rủi ro khác nhau làm căn cứ phân luồng kiểm tra theo từng mức độ rủi ro. Đề nghị DN tham khảo Thông tư 81/2019/TT-BTC

Người nộp thuế: Nguyễn Vân Anh-59--92
Địa chỉ: Phúc Yên Phú Tho

Gia đình tôi có diện tích đất ở và đất trồng cây lâu năm trên cùng một mảnh đất được mua lại từ năm 2021. Hiện nay chúng tôi nhận được thông báo của tổ trưởng tổ dân phố về việc phải nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, tôi đã tra cứu nghĩa vụ thuế trên ứng dụng Etax nhưng không có kết quả số thuế phải nộp. Vậy chúng tôi cần làm gì để biết số thuế phải nộp và có thể nộp thuế online theo cách nào? tôi xin chân thành cảm ơn!

Trả lời:

Anh chị vui lòng cung cấp thông tin Mã số thuế và số điện thoại đến email Nhóm hỗ trợ Thuế điện tử của Cục Thuế (nhomhttdt@gdt.gov.vn) để được kiểm tra và hỗ trợ cụ thể.

Người nộp thuế: Công ty TNHH Terumo Việt Nam-56--93
Địa chỉ: Hà Nội

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 18 Luật Hải quan 2014: “Người khai hải quan có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ hải quan đối với hàng hóa đã được thông quan trong thời hạn 05 năm kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; lưu giữ sổ sách, chứng từ kế toán và các chứng từ khác có liên quan đến hàng hóa xuất khẩu,

nhập khẩu đã được thông quan trong thời hạn do pháp luật quy định; xuất trình hồ sơ, cung cấp thông tin, chứng từ liên quan khi cơ quan hải quan yêu cầu kiểm tra theo quy định tại các điều 32 79 và 80 của Luật này". cho hỏi: - Khi thực hiện tiêu hủy máy móc, thiết bị nhập khẩu đã đưa vào sử dụng trên 05 năm, thì DN có bắt buộc phải xuất trình tờ khai nhập khẩu cho Hải quan hay không? - Thực tế, các tờ khai nhập khẩu trước đây được khai báo bằng tờ khai giấy, việc lưu giữ và tra cứu lại rất khó khăn. Kính đề nghị Cục Hải quan hướng dẫn.

Trả lời:

Căn cứ điểm khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 79 Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 được sửa đổi bổ, sung tại khoản 55 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 được sửa đổi bổ sung tại khoản 50 Điều 1 Thông tư số 121/2025/TT-BTC ngày 18/12/2025 (có hiệu lực từ ngày 01/02/2026) của Bộ Tài chính quy định:
"Điều 79. Thanh lý hàng hóa của doanh nghiệp chế xuất
1. DNCX được thanh lý hàng hóa nhập khẩu bao gồm: máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển, nguyên liệu, vật tư và các hàng hóa nhập khẩu khác thuộc sở hữu của doanh nghiệp theo các hình thức: xuất khẩu, bán, biếu, tặng, tiêu hủy tại Việt Nam.
2. Thủ tục thanh lý
… c) Trường hợp tiêu hủy thực hiện theo quy định tại điểm d Điều 64 Thông tư này."
Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 64 Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 được sửa đổi bổ, sung tại khoản 42 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 được sửa đổi bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Thông tư số 121/2025/TT-BTC ngày 18/12/2025 (có hiệu lực từ ngày 01/02/2026) của Bộ Tài chính quy định:
"Điều 64. Thủ tục hải quan xử lý nguyên liệu, vật tư dư thừa; phế thải,

phế liệu, phế phẩm; máy móc, thiết bị thuê, mượn
...3. Thủ tục hải quan
d) Tiêu hủy nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, phế liệu, phế phẩm tại Việt Nam:
d.1) Tổ chức, cá nhân có văn bản gửi Chi cục Hải quan nơi nhập khẩu nguyên liệu, vật tư phương án sơ hủy, tiêu hủy nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, phế liệu, phế phẩm, trong đó nêu rõ hình thức, địa điểm tiêu hủy. Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm thực hiện việc tiêu hủy theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
d.2) Cơ quan hải quan giám sát việc tiêu hủy, phế liệu, phế phẩm theo nguyên tắc quản lý rủi ro dựa trên đánh giá quá trình tuân thủ pháp luật của tổ chức, cá nhân;
d.3) Cơ quan hải quan thực hiện giám sát trực tiếp việc tiêu hủy nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị trừ trường hợp nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị tiêu hủy có trị giá dưới 1.000.000 đồng hoặc số tiền thuế dưới 50.000 đồng.
d.4) Trường hợp cơ quan hải quan giám sát trực tiếp việc tiêu hủy, khi kết thúc tiêu hủy, các bên tiến hành lập biên bản xác nhận việc tiêu hủy.
Riêng đối với tiêu hủy nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, phế liệu, phế phẩm của doanh nghiệp ưu tiên, cơ quan hải quan không thực hiện việc giám sát."
Do Công ty chưa cung cấp hồ sơ cụ thể nên Cục Hải quan chưa đủ cơ sở trả lời. Đề nghị Công ty căn cứ các quy định nêu trên để thực hiện thủ tục hải quan đối với trường hợp lý hàng hóa là máy móc, thiết bị theo hình thức tiêu hủy của DNCX theo đúng quy định. Trường hợp vướng mắc thì Công ty liên hệ với Chi cục Hải quan nơi quản lý để được hướng dẫn.

Người nộp thuế: Lê Thị Ruyên-53--94
Địa chỉ: tỉnh Hưng Yên

Kính chào Cục thuế HKD khi bán hàng hoá xuất hoá đơn từ máy tính tiền. Các khách hàng không có nhu cầu lấy hoá đơn thì trong phần thông tin người mua hàng chúng tôi phải ghi như nào cho đúng. Vì khi đề nghị khách hàng cung cấp thông tin họ không cho Kính mong cục Thuế giải đáp. Tôi xin cảm ơn.

Trả lời:

Căn cứ khoản 8 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 11 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về Hóa đơn được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu với cơ quan thuế:

"8. Sửa đổi tên Điều 11 và sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

2. Hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế đảm bảo nguyên tắc sau:

a) Nhận biết được hóa đơn in từ máy tính tiền kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế;

b) Không bắt buộc có chữ ký số;

c) Khoản chi mua hàng hóa, dịch vụ sử dụng hóa đơn (hoặc sao chụp hóa đơn hoặc tra thông tin từ Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế về hóa đơn) được khởi tạo từ máy tính tiền được xác định là khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp khi xác định nghĩa vụ thuế.

3. Hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có các nội dung sau đây:

a) Tên, địa chỉ, mã số thuế người bán;

b) Tên, địa chỉ, mã số thuế/số định danh cá nhân/số điện thoại của người mua theo quy định (nếu người mua yêu cầu);

c) Tên hàng hóa, dịch vụ, đơn giá, số lượng, giá thanh toán. Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp khấu trừ phải ghi rõ nội dung giá bán chưa thuế giá trị gia tăng, thuế suất thuế giá trị gia tăng, tiền thuế giá trị gia tăng, tổng tiền thanh toán có thuế giá trị gia tăng;

d) Thời điểm lập hóa đơn;

đ) Mã của cơ quan thuế hoặc dữ liệu điện tử để người mua có thể truy xuất, kê khai thông tin hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền.

Người bán gửi hoá đơn điện tử cho người mua bằng hình thức điện tử (tin nhắn, thư điện tử và các hình thức khác) hoặc cung cấp đường dẫn hoặc mã QR để người mua tra cứu, tải hoá đơn điện tử."

Căn cứ quy định trên, đối với hoá đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền, nội dung thông tin người mua hàng nếu người mua có yêu cầu bao gồm: Tên, địa chỉ, mã số thuế/số định danh cá nhân/số điện thoại của người mua theo quy định.

Người nộp thuế: Mr Tuyến-51--95
Địa chỉ: Số 40/19 Tạ Quang Bửu phường Bách Khoa

DN có làm thủ tục nk máy phục vụ nông nghiệp: Máy xới đất. Theo luật thuế VAT máy nông nghiệp được hưởng VAT 5%, được liệt kê định danh tại ND 181 hướng dẫn thực hiện luật thuế VAT. Tuy nhiên mặt hàng Máy xới đất không có định danh trong biểu thuế XNK. khi khai báo phải tách ra làm 2 bộ phận: Máy kéo nông nghiệp và giàn xới (hoạt động phụ thuộc vào lực của máy kéo) Xin hỏi VAT của mặt hàng trên áp thế nào cho đúng quy định?

Trả lời:

Căn cứ khoản 6 Điều 19 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP quy định mức thuế suất 5%:

6. Tàu khai thác thủy sản tại vùng biển; máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Trong đó, máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp bao gồm: máy cày; máy bừa; máy phay; máy rạch hàng; máy bạt gốc; thiết bị san phẳng đồng ruộng; máy gieo hạt; máy cấy; máy trồng mía; hệ thống máy sản xuất mạ thảm; máy xới, máy vun luống, máy vãi, rắc phân, bón phân; máy, bình phun thuốc bảo vệ thực vật; máy thu hoạch lúa, ngô, mía, cà phê, bông; máy thu hoạch củ, quả, rễ; máy đốn chè, máy hái chè; máy tuốt đập lúa; máy bóc bẹ tẽ hạt ngô; máy tẽ ngô; máy đập đậu tương; máy bóc vỏ lạc; xát vỏ cà phê; máy thiết bị sơ chế cà phê, thóc ướt; máy sấy nông sản (lúa, ngô, cà phê, tiêu, điều...), thủy sản; máy thu gom, bốc mía, lúa, rơm rạ trên đồng; máy ấp, nở trứng gia cầm; máy thu hoạch cỏ, máy đóng kiện rơm, cỏ; máy vắt sữa và các loại máy chuyên dùng khác.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn các loại máy chuyên dùng khác phục vụ cho sản xuất nông nghiệp thuộc đối tượng áp dụng mức thuế suất 5% theo quy định tại khoản này.

Đề nghị người nộp thuế căn cứ quy định trên để áp dụng thuế suất thuế GTGT theo quy định. Trường hợp các loại máy chuyên dùng khác phục vụ cho sản xuất nông nghiệp chưa được quy định tại pháp luật thuế GTGT thì Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn các loại máy này thuộc đối tượng áp dụng mức thuế suất 5% theo quy định.

Người nộp thuế: Công ty TNHH Sunwoda Việt Nam-50--96
Địa chỉ: Bắc Ninh

Công ty chúng tôi là công ty chế xuất, năm 2024 chúng tôi nhập khẩu máy móc về theo diện miễn thuế loại hình E13. Hiện tại công ty chúng tôi có kế hoạch nâng cấp tài thiết bị máy móc này bằng cách nhập linh kiện mới về thêm vào, hoặc thay thế cho linh kiện trong máy. Chúng tôi có các câu hỏi như sau: 1, Nếu linh kiện cũ vẫn có thể tận dụng được thì chúng tôi nên theo dõi như nào về mặt hải quan và thuế 2, Việc thay thế linh kiện mới và cũ có thể không tương ứng 1:1 (có thể là 1 đổi nhiều, nhiều đổi 1, hoặc bỏ linh kiện cũ mà không thay mới). Trường hợp không khớp 1:1 này thì phải báo cáo hải quan như thế nào cho đúng quy định? 3, Sau khi cải tạo xong thì cần nâng cấp tài sản cũ và linh kiện cũ được theo dõi như nào?

Trả lời:

Căn cứ khoản 4 Điều 2 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13
Căn cứ khoản 1 Điều 4 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 quy định về khu phi thuế quan;
Căn cứ khoản 11 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13;
Căn cứ khoản 20 Điều 5 Luật Thuế Giá trị gia tăng số 48/2025/QH15 quy định về đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng;
Căn cứ Điều 14 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định về miễn thuế hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư
Căn cứ khoản 3 Điều 26 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định riêng áp dụng đối với khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất;

Căn cứ khoản 5 Điều 25 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Nghị định được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định các trường hợp người khai hải quan phải khai báo tờ khai hải quan mới.
Do nội dung thông tin doanh nghiệp cung cấp không cụ thể, không có hồ sơ kèm theo nên đề nghị đơn vị nghiên cứu các quy định nêu trên. Trường hợp phát sinh vướng mắc liên hệ với cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan để được hướng dẫn thực hiện.

Người nộp thuế: Nguyễn Hữu Tuấn-49--97
Địa chỉ: xã Sóc Sơn TP Hà Nội

Tôi có phần mặt bằng không dùng đến, nên cho thuê là kho để đồ. Tôi không phải kinh doanh bất động sản. không mua bất động sản để kinh doanh cho thuê, cũng không đi thuê bất động sản để cho thuê lại. Vậy tôi chỉ cần mở mã số thuế cho thuê tài sản thôi, hay phải mở cả hộ kinh doanh.

Trả lời:

Trường hợp của bạn xác định có phải đăng ký hộ kinh doanh hay không phải đăng ký hộ kinh doanh căn cứ theo quy định tại Điều 82 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP như sau:

“Điều 82. Quyền thành lập hộ kinh doanh

1. Hộ kinh doanh do một cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh của hộ...

...3. Hộ gia đình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, làm muối và những người bán hàng rong, quà vặt, buôn chuyến, kinh doanh lưu động, kinh

doanh thời vụ, làm dịch vụ có thu nhập thấp không phải đăng ký hộ kinh doanh, trừ trường hợp kinh doanh các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định mức thu nhập thấp áp dụng trên phạm vi địa phương.

4. Trường hợp có nhu cầu thành lập hộ kinh doanh, các đối tượng tại khoản 3 Điều này đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại Nghị định này.”

Do đó:

- Trường hợp bạn đăng ký thành lập hộ kinh doanh thì bạn thực hiện đăng ký thuế thông qua cơ chế một cửa liên thông với cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 168/2025/NĐ-CP và Thông tư số 68/2025/TT-BTC.

- Trường hợp bạn không đăng ký thành lập hộ kinh doanh thì bạn thực hiện đăng ký thuế với cơ quan thuế theo quy định tại Thông tư số 86/2024/TT-BTC.

Người nộp thuế: Công ty CP Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao quốc tế nghĩa sơn nghĩa đàn nghệ an nhà máy cám FM-47--98
Địa chỉ: Xóm Sơn Thượng - Xã Nghĩa Lâm - Tỉnh Nghệ An-VN

Kính gửi Liên Đoàn Thương mại và Công Nghiệp VN Kính gửi Đại diện Bộ Tài chính. Căn cứ theo Luật thuế GTGT số 48/2024/QH15, các NĐ và Thông tư hướng dẫn áp dụng từ 1/7/2025. Công ty chúng tôi chuyên kinh doanh thương mại các mặt hàng nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi như: ngô hạt, lúa mỳ, khô dầu hat cải, khô đậu tương, rơm khô. Công ty chúng tôi đang áp dụng thuế suất thuế GTGT đầu ra là 5% - vì Công ty xác định Công ty ở khâu kinh doanh thương mại, kinh doanh các mặt mặt từ sản phẩm cây trồng chưa qua chế biến làm

thức ăn chăn nuôi. Công ty Chúng tôi rất mong nhận được hướng dẫn của Bộ Tài chính về vấn đề này .

Trả lời:

- Tại khoản 1 Điều 5 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 quy định về đối tượng không chịu thuế bao gồm: *"1. Sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu."*.

- Tại điểm điểm d khoản 2 Điều 9 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 quy định về mức thuế suất 5% như sau:

"2. Mức thuế suất 5% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ sau đây:...

d) Sản phẩm cây trồng, rừng trồng (trừ gỗ, măng), chăn nuôi, thuỷ sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường, trừ sản phẩm quy định tại khoản 1 Điều 5 của Luật này".

Căn cứ quy định nêu trên thì sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân trực tiếp sản xuất bán ra và ở khâu nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT; khi thực hiện mua bán thương mại thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 5%.

- Ngày 11/12/2025, Quốc hội thông qua Luật số 149/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế GTGT, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026.

Theo đó, tại khoản 1 Điều 1 Luật số 149/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 như sau: *"1. Sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu.*

Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mua sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khác thì không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng nhưng được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào.".

Căn cứ quy định nêu trên, từ ngày 01/01/2026 sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân trực tiếp sản xuất bán ra và ở khâu nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT; khi thực hiện mua bán ở khâu trung gian thương mại thuộc trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT nhưng được khấu trừ thuế GTGT đầu vào; khi bán cho người tiêu dùng cuối cùng thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 5%.

Người nộp thuế: Nguyễn Thanh Nhàn-44--99
Địa chỉ: Phường Lê Thanh Nghị Hải Phòng VN

Công ty sử dụng lao động là người nước ngoài lần đầu tiên đến Việt Nam làm việc, ký hợp đồng lao động có thời hạn 02 năm, đã được cấp giấy phép lao động, và đăng ký tạm trú tại Việt Nam. Người lao động lần đầu tiên đến Việt Nam vào tháng 10 năm 2025. Trong năm 2025 cá nhân cư trú dưới 183 ngày. Xin hỏi: Công ty thực hiện tạm khấu trừ

thuế TNCN của người lao động theo Biểu lũy tiến từng phần (từ T10/ 2025 đến T10/2026) có phù hợp quy định hay không?

Trả lời:

- Tại Điều 1 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính (được sửa đổi tại Điều 2 Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/08/2014 của Bộ Tài chính) quy định:

"Điều 1. Người nộp thuế

... 1. Cá nhân cư trú là người đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

a) Có mặt tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên tính trong một năm dương lịch hoặc trong 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam, trong đó ngày đến và ngày đi được tính là một (01) ngày...."

- Tại điểm b.3 Khoản 1 Điều 25 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn:

"Điều 25. Khấu trừ thuế và chứng từ khấu trừ thuế

b.3) Đối với cá nhân là người nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập căn cứ vào thời gian làm việc tại Việt Nam của người nộp thuế ghi trên Hợp đồng hoặc văn bản cử sang làm việc tại Việt Nam để tạm khấu trừ thuế theo Biểu lũy tiến từng phần (đối với cá nhân có thời gian làm việc tại Việt Nam từ 183 ngày trong năm tính thuế) hoặc theo Biểu thuế toàn phần (đối với cá nhân có thời gian làm việc tại Việt Nam dưới 183 ngày trong năm tính thuế)."

Căn cứ quy định trên, trường hợp người nước ngoài lần đầu tiên đến Việt Nam vào tháng 10/2025, có ký hợp đồng lao động 2 năm tại Việt Nam thì năm tính thuế đầu tiên của cá nhân nước ngoài là 12 tháng liên tục kể từ ngày đến Việt Nam. Trên cơ sở hợp đồng lao động làm việc tại Việt Nam là 2 năm kể từ tháng 10/2025 thì công ty tại Việt

Nam trả thu nhập TLTC cho người nước ngoài thực hiện tạm khấu trừ thuế TNCN theo biểu thuế lũy tiến từng phần từ tháng 10/2025 đến T10/2026. Sau khi kết thúc năm tính thuế đầu tiên theo 12 tháng liên tục, dựa trên thực tế cư trú tại Việt Nam của cá nhân nước ngoài để xác định nghĩa vụ thuế TNCN theo quy định đối tượng cư trú hoặc không cư trú trong năm tính thuế đầu tiên (từ tháng 10/2025 đến t10/2026).

Người nộp thuế: CÔNG TY CP PERMATE GLOBAL-42--100
Địa chỉ: Lô 05 - 06 Khu A2 Đường Nguyễn Sinh Sắc Phường Hòa Khánh TPĐà Nẵng

Công ty Cổ Phần Permate Global, mã số thuế: 0317 341295 là đơn vị vận hành sàn thương mại điện tử Permate . Trong quá trình hoạt động nhằm mục đích giới thiệu hình ảnh công ty, chúng tôi đã chi trả chi phí giới thiệu đối tác cho cá nhân trước khi cá nhân cung cấp Căn cước công dân (CCCD). Mặc dù Công ty đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở thông qua các hình thức như: • Thông báo trên hệ thống sàn; • Gửi email/ tin nhắn; • Gọi điện trực tiếp đến cá nhân kinh doanh Việc không cung cấp CCCD của các cá nhân nêu trên gây khó khăn cho Công ty trong việc thực hiện nghĩa vụ tổng hợp, cung cấp thông tin khai thuế TNCN theo quy định. Do đó, Công ty chúng tôi kính đề nghị Quý Cơ quan Thuế hướng dẫn cụ thể đối với trường hợp trên để công ty chúng tôi có thể hoàn tất quá trình kê khai thuế và nộp thuế cho nhà nước theo qui định tại Nghị định 117/NĐ-CP

Trả lời:

Theo quy định tại Nghị định số 117/2025/NĐ-CP quy định trách nhiệm của hộ, cá nhân cung cấp các thông tin cho tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử để thực hiện khấu trừ, nộp thay như sau:

- Cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin mã số thuế hoặc số định danh cá nhân (đối với công dân Việt Nam); số hộ chiếu hoặc thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp (đối với công dân nước ngoài) và các thông tin bắt buộc đối với người bán theo quy định của pháp luật về thương mại điện tử.

- Cung cấp chính xác, đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế phải nộp.

Do đó, tổ chức khấu trừ yêu cầu các hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng TMĐT do mình quản lý phải cung cấp các thông tin nêu trên để tổ chức khấu trừ xác định chính xác nghĩa vụ thuế khấu trừ của hộ, cá nhân đó.

Đối với khoản chi phí giới thiệu đối tác mà Công ty đã chi trả, Công ty cần xác định rõ bản chất mối quan hệ: đây là quan hệ đối tác cung cấp dịch vụ giới thiệu đơn thuần hay là hoạt động kinh doanh của cá nhân trên sàn TMĐT. Việc phân loại chính xác đối tượng này là cơ sở quan trọng để Công ty áp dụng đúng các quy định pháp luật về thuế và nghĩa vụ kê khai tương ứng.

Người nộp thuế: Trần Thị Hồng Thúy-39--101
Địa chỉ: Hà Nội

Công ty chúng tôi là DNCX có hoạt động mua, bán hàng cho DNUT, theo Khoản 46 điều 1 TT số 121/2025/TT-BTC có nêu: c) DNCX là doanh nghiệp ưu tiên và các đối tác có hoạt động mua, bán, gia công, thuê, mượn, giao nhận hàng hóa với nhau được áp dụng quy định tại khoản 6 Điều 86 Thông tư này. Tại khoản 6, điều 86 có nêu: " Trường

hợp người khai hải quan là doanh nghiệp ưu tiên và các đối tác có hoạt động mua bán, gia công, thuê, mượn, giao nhận hàng hóa với doanh nghiệp ưu tiên có hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ được giao nhận nhiều lần trong một thời hạn nhất định theo một hợp đồng/đơn hàng với cùng người mua hoặc người bán thì được giao nhận hàng hóa trước, khai hải quan sau. " Tuy nhiên, hoạt động của DNCX và DNUT theo ND167 không phải là XNK tại chỗ, mà là XNK thông thường. Thì chúng tôi DNCX có được mở tờ khai sau khi giao hàng không?

Trả lời:

Tại điểm khoản 3 Điều 75 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Thông tư số 121/2025/TT-BTC quy định: c) DNCX là doanh nghiệp ưu tiên và các đối tác có hoạt động mua, bán, gia công, thuê, mượn, giao nhận hàng hóa với nhau được áp dụng quy định tại khoản 6 Điều 86 Thông tư này. Theo đó, tại khoản 6 Điều 86 Thông tư quy định doanh nghiệp ưu tiên và các đối tác có hoạt động mua, bán, gia công, thuê, mượn, giao nhận hàng hóa với nhau thì được giao nhận hàng hóa trước khai hải quan sau. Đề nghị Công ty căn cứ quy định này để thực hiện (lưu ý Thông tư số 121/2025/TT-BTC có hiệu lực từ 1/2/2026).

Người nộp thuế: HÀ NGỌC TUẤN-38--102
Địa chỉ: Tòa 2A Chung cư Hưng Thịnh Phường Kiến Hưng TP Hà Nội

Theo Nghị định 320/2025/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 15/12/2025, đối với khoản tiền lương, tiền công trả cho người lao động từ 5 triệu đồng trở lên trong một lần chi trả, doanh nghiệp có bắt buộc phải thanh toán không dùng tiền mặt (chuyển khoản) để được tính vào chi phí được trừ

khi quyết toán thuế TNDN hay không? Nếu có, xin cơ quan thuế hướng dẫn thêm về cách áp dụng

Trả lời:

Tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 320/2025/NĐ – CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ về thuế TNDN quy định:

"c) Khoản chi có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản thanh toán khác từng lần có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên. Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng."

Theo quy định nêu trên thì doanh nghiệp có các khoản chi từng lần có giá trị từ 5 triệu đồng trở lên phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì được xác định là khoản chi được trừ khi tính thuế TNDN.

Trường hợp doanh nghiệp có khoản chi thanh toán tiền lương, tiền công trả cho người lao động liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và các khoản thanh toán này được thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng thì khoản thanh toán tiền lương, tiền công trên được xác định là khoản chi phí được trừ khi tính thuế TNDN trong kỳ.

Người nộp thuế: Nguyễn Thanh Tâm-37--103
Địa chỉ: phường Thái Bình tỉnh Hưng Yên

HKD chỉ được tính thuế GTGT theo pp trực tiếp. Điều này đồng nghĩa với việc mọi chi phí thuế GTGT khi mua hàng hóa, dịch vụ đầu vào đều được tính gộp vào giá thành kinh doanh, làm tăng chi phí và giảm lợi nhuận ròng. Việc này ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng cạnh tranh,

nhất là khi giao dịch với đối tác là doanh nghiệp sử dụng hóa đơn GTGT. Hệ quả là hàng hóa của HKD sẽ có giá thành cao hơn so với doanh nghiệp áp dụng phương pháp khấu trừ. Chưa kể các đối tác có thể không muốn mua hàng từ HKD vì không thể khấu trừ thuế. Nên có sự lựa chọn pp tính thuế Gtgt cho HKD Tôi xin cảm ơn.

Trả lời:

Căn cứ Điều 11 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 quy định Phương pháp khấu trừ thuế:

1. Phương pháp khấu trừ thuế được quy định như sau:

a) Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp khấu trừ thuế bằng số thuế giá trị gia tăng đầu ra trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ;

b) Số thuế giá trị gia tăng đầu ra bằng tổng số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ bán ra ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng.

Thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ bán ra ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng bằng giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế bán ra nhân với thuế suất thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ đó.

Trường hợp sử dụng hóa đơn ghi giá thanh toán là giá đã có thuế giá trị gia tăng thì thuế giá trị gia tăng đầu ra được xác định bằng giá thanh toán trừ giá tính thuế giá trị gia tăng xác định theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 7 của Luật này;

c) Số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ bằng tổng số thuế giá trị gia tăng ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng mua hàng hóa, dịch vụ, chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng của hàng hóa nhập khẩu hoặc chứng từ nộp thuế đối với trường hợp mua dịch vụ quy định tại khoản 3, khoản

4 Điều 4 của Luật này và đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 14 của Luật này.

2. Phương pháp khấu trừ thuế áp dụng đối với cơ sở kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ bao gồm:

a) Cơ sở kinh doanh có doanh thu hằng năm từ bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ từ 01 tỷ đồng trở lên, trừ hộ, cá nhân sản xuất, kinh doanh;

b) Cơ sở kinh doanh tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế, trừ hộ, cá nhân sản xuất, kinh doanh;"

Căn cứ quy định trên, Phương pháp khấu trừ thuế áp dụng đối với cơ sở kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ, trừ hộ, cá nhân kinh doanh.

Người nộp thuế: HỢP TÁC XÃ CHĂN NUÔI NHẬT MINH-36--104
Địa chỉ: Thôn Trại Kho Xã Minh Tân Tỉnh Ninh Bình Việt Nam

Hợp tác xã (HTX) tôi bán thỏ cho Công ty A. Hợp đồng quy định xét thưởng : nếu HTX hàng tháng cung cấp số lượng thỏ vượt các định mức thì công ty A sẽ thưởng một số tiền tương ứng trên từng con. Cuối tháng tổng hợp, công ty A căn cứ vào số thỏ mà các HTX bán trong tháng để tính toán số tiền thưởng này. Vậy khoản thưởng này các HTX nhận được thì có phải xuất hoá đơn cho Công ty A không? Nếu phải xuất thì thời điểm xuất là khi nào? HTX có thể xuất gộp vào hoá đơn bán thỏ cuối cùng của tháng có được không? Hiện tại thuế VAT khi bán thỏ là không chịu thuế, vậy khoản thưởng này có chịu thuế GTGT không?

Trả lời:

Căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 70/2025/NĐ-CP) quy định về nguyên tắc lập hóa đơn;

"Điều 4. Nguyên tắc lập, quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ

1. Khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, người bán phải lập hóa đơn để giao cho người mua (bao gồm cả các trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động và tiêu dùng nội bộ (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất); xuất hàng hóa dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa) và các trường hợp lập hóa đơn theo quy định tại Điều 19 Nghị định này. Hóa đơn phải ghi đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 10 Nghị định này. Trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử phải theo định dạng chuẩn dữ liệu của cơ quan thuế theo quy định tại Điều 12 Nghị định này."

Căn cứ khoản 1 Điều 14 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế GTGT về nguyên tắc xác định giá tính thuế giá trị gia tăng (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025).

"Điều 9. Nguyên tắc xác định giá tính thuế giá trị gia tăng

1. Giá tính thuế đối với các loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại Mục này:

a) Bao gồm cả khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá hàng hóa, dịch vụ mà cơ sở kinh doanh được hưởng.

b) Không bao gồm các khoản thu không liên quan đến bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ của cơ sở kinh doanh: các khoản thu về bồi thường bằng tiền (bao gồm cả tiền bồi thường về đất và tài sản trên đất khi bị

thu hồi đất theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền), tiền thưởng, thu đòi người thứ ba của hoạt động bảo hiểm, các khoản thu hộ, các khoản thù lao từ cơ quan nhà nước do thực hiện hoạt động thu hộ, chi hộ các cơ quan nhà nước, các khoản thu tài chính."

Về nguyên tắc, trường hợp xác định khoản tiền thưởng không liên quan đến bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ thì không thuộc đối tượng phải tính thuế GTGT và không phải lập hóa đơn, trường hợp xác định khoản tiền thưởng liên quan đến bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ thì tính thuế GTGT và lập hóa đơn theo quy định.

Người nộp thuế: Công ty CP DT Food-34--105
Địa chỉ: Khánh Hòa

Công ty chúng tôi có thu mua rong biển, tổ yến thô từ các hộ dân không có hóa đơn, ngoài bảng kê 01/TNDN, doanh nghiệp có bắt buộc phải cung cấp thêm các bằng chứng về số định danh (CCCD) hay xác nhận của chính quyền địa phương để được đưa vào chi phí hợp lý không?

Trả lời:

- Tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 119/2014/TT-BTC và Điều 1 Thông tư số 151/2014/TT-BTC):

"Điều 4. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 119/2014/TT-BTC và Điều 1 Thông tư số 151/2014/TT-BTC) như sau:

“Điều 6. Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

1. Trừ các khoản chi không được trừ nêu tại Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

c) Khoản chi nếu có hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng…

2. Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế bao gồm:

…

2.4. Chi phí của doanh nghiệp mua hàng hóa, dịch vụ (không có hóa đơn, được phép lập Bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ mua vào theo mẫu số 01/TNDN kèm theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC) nhưng không lập Bảng kê kèm theo chứng từ thanh toán cho người bán hàng, cung cấp dịch vụ trong các trường hợp:

- Mua hàng hóa là nông, lâm, thủy sản của người sản xuất, đánh bắt trực tiếp bán ra;

- Mua sản phẩm thủ công làm bằng đay, cói, tre, nứa, lá, song, mây, rơm, vỏ dừa, sọ dừa hoặc nguyên liệu tận dụng từ sản phẩm nông nghiệp của người sản xuất thủ công không kinh doanh trực tiếp bán ra;

- Mua đất, đá, cát, sỏi của hộ, cá nhân tự khai thác trực tiếp bán ra;

- Mua phế liệu của người trực tiếp thu nhặt;

- Mua tài sản, dịch vụ của hộ, cá nhân không kinh doanh trực tiếp bán ra;

- Mua hàng hóa, dịch vụ của cá nhân, hộ kinh doanh (không bao gồm các trường hợp nêu trên) có mức doanh thu dưới ngưỡng doanh thu chịu thuế giá trị gia tăng (100 triệu đồng/năm).

Bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền của doanh nghiệp ký và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực. Doanh nghiệp mua hàng hóa, dịch vụ được phép lập Bảng kê và được tính vào chi phí được trừ. Các khoản chi phí này không bắt buộc phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt. Trường hợp giá mua hàng hóa, dịch vụ trên bảng kê cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua hàng thì cơ quan thuế căn cứ vào giá thị trường tại thời điểm mua hàng, dịch vụ cùng loại hoặc tương tự trên thị trường xác định lại mức giá để tính lại chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế."

- Tại mẫu số 01/TNDN kèm theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính về Bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ mua vào không có hóa đơn có tiêu chí số CMT nhân dân của người bán.

Căn cứ quy định nêu trên, Công ty mua hàng hóa, dịch vụ từ các hộ dân không có hóa đơn, thì phải kê khai theo mẫu bảng kê số 01/TNDN, trong đó cung cấp số CMT nhân dân (CCCD) của người bán để được

tính vào chi phí được trừ theo quy định tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC.

Từ kỳ tính thuế năm 2025, áp dụng theo quy định tại Luật thuế TNDN số 67/2025/QH15 và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP.

Người nộp thuế: Khanh Toan-33--106
Địa chỉ: Nguyễn Văn Linh - Hưng Yên

Cty tôi là doanh nghiệp chế xuất có xuất bán hàng hóa trong nước và nước ngoài. Vậy thời điểm xuất hóa đơn đối trong nước và nước ngoài là khi nào ạ? Nhờ Cục thuế trả lời giúp tôi ạ. Tôi xin trân thành cảm ơn.

Trả lời:

Căn cứ quy định khoản 1 Điều 9 Nghị định 123/2020/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP) quy định về thời điểm lập hóa đơn như sau:

"Thời điểm lập hóa đơn

1. Thời điểm lập hóa đơn đối với bán hàng hóa (bao gồm cả bán tài sản nhà nước, tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước và bán hàng dự trữ quốc gia) là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Đối với xuất khẩu hàng hóa (bao gồm cả gia công xuất khẩu), thời điểm lập hóa đơn thương mại điện tử, hóa đơn giá trị gia tăng điện tử hoặc hóa đơn bán hàng điện tử do người bán tự xác định nhưng chậm nhất không quá ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày hàng hóa được thông quan theo quy định pháp luật về hải quan."

Đề nghị doanh nghiệp nghiên cứu quy định trên để thực hiện lập hóa đơn.

Người nộp thuế: Logistics Việt Nam-32--107
Địa chỉ: Sudico Khu đô thị Mễ Trì

Công ty chúng tôi (A) là đơn vị dịch vụ logistics, sử dụng dịch vụ vận chuyển của B. Khi phát sinh chi phí tại cảng hoặc trong quá trình vận chuyển (có thể bất kỳ thời điểm nào ngày đêm), những nhân viên thực hiện quá trình theo dõi, làm hàng sẽ chuyển khoản thanh toán cho đối tác (C) để lấy hàng ra hoặc gửi hàng vào kho. Tuy nhiên, tổng dịch vụ 1 lần hoặc nhiều lần trong ngày có thể nhiều hơn 5 triệu đồng. Công ty tôi đã ủy quyền cho đối tác (B) thanh toán hộ. Công ty B có ủy quyền cho nhân viên của họ thanh toán từ tài khoản cá nhân các dịch vụ trong quá trình làm hàng. Vậy trường hợp chi phí của chúng tôi (A) được coi là hợp lý, hợp lệ để khấu trừ thuế TNDN và thuế GTGT khi có đủ hóa đơn chứng từ và ủy nhiệm chi A đã thanh toán cho công ty đối tác (B) qua tài khoản ngân hàng, ủy quyền từ A cho đối tác B. Tôi hiểu như vậy đã đầy đủ đúng không ạ?

Trả lời:

Tại Điều 26 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP quy định: *"Điều 26. Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt*

Cơ sở kinh doanh phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào (bao gồm cả hàng hóa nhập khẩu) từ 05 triệu đồng trở lên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

...

2. Một số trường hợp đặc thù theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Luật Thuế giá trị gia tăng bao gồm:

...

c) Trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua vào được thanh toán ủy quyền qua bên thứ ba thanh toán không dùng tiền mặt (bao gồm cả trường hợp bên bán yêu cầu bên mua thanh toán không dùng tiền mặt cho bên thứ ba do bên bán chỉ định) thì việc thanh toán theo ủy quyền hoặc thanh toán cho bên thứ ba theo chỉ định của bên bán phải được quy định cụ thể trong hợp đồng dưới hình thức văn bản và bên thứ ba là một tổ chức hoặc thể nhân đang hoạt động theo quy định của pháp luật.

...

i) Trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua vào phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng được ủy quyền cho cá nhân là người lao động của cơ sở kinh doanh thanh toán không dùng tiền mặt theo quy chế tài chính hoặc quy chế nội bộ của cơ sở kinh doanh, sau đó cơ sở kinh doanh thanh toán lại cho người lao động bằng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt thì được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào."

Đề nghị Công ty nghiên cứu quy định trên để thực hiện.

Người nộp thuế: Hiền Nguyễn-31--108
Địa chỉ: Nam Định

Công ty trong giai đoạn triển khai dự án đầu tư mở rộng một Nhà máy của Công ty và đang chuẩn bị tổ chức lễ khởi công dự án mở rộng. Chi phí dự kiến cho lễ khởi công khoảng 3 tỷ đồng, bao gồm chi phí chi phí tổ chức sự kiện, chi phí truyền hình trực tiếp, chi phí mời quan khách. Như vậy, Công ty xin hỏi chi phí lễ khởi công có được vốn hóa vào giá trị tài sản của dự án mở rộng hay ghi nhận vào chi phí hoạt động SXKD trong kỳ?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP thì về nguyên tắc doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ đối với khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và có đầy đủ hóa đơn, chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với trường hợp mua hàng hoá, dịch vụ và các khoản thanh toán khác từng lần có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên.

Theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 9 và khoản 22 Điều 10 Nghị định 320/2025/NĐ-CP thì có quy định khoản chi không tương ứng với doanh thu tính thuế được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế, trong đó có khoản: Chi phí thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh, đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp; Chi phí giới thiệu/marketing sản phẩm, dịch vụ trước khi bán hàng, ...

Đề nghị Công ty căn cứ quy định và khoản chi cụ thể của doanh nghiệp và liên hệ với cơ quan thuế quản lý trực tiếp để xác đinh chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN theo quy định.

Người nộp thuế: Công ty TNHH Desay Battery vina-30--109
Địa chỉ: KCN Song khê Nội Hoàng Bắc Ninh

Câu 3: DN chúng tôi là doanh nghiệp FDI làm thủ tục mua hàng của DN EPE nội địa VN, DN nội địa VN làm CO form D để chúng tôi làm thủ tục hoàn thuế XNK. Khi làm hồ sơ hoàn thuế, bộ phận hoàn thuế của cơ quan hải quan địa phương thông báo hồ sơ của chúng tôi bị trả lại vì số hóa đơn trên CO form D đang là số hóa đơn VAT, trong khi qui định trên CO form D là phải dùng hóa đơn thương mại (commercial invoice). Vậy chúng tôi muốn hỏi có qui định nào rõ ràng về việc sử dụng số hóa đơn nào trên CO form D hay không? Trường hợp của công ty chúng tôi có giải trình là số hóa đơn trên CO form D là số hóa đơn

VAT và cũng là số hóa đơn thương mại thì có được hoàn thuế nhập khẩu hay không?

Trả lời:

Hồ sơ hoàn thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu quy định từ Điều 33 đến Điều 37 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021, trong đó không quy định hồ sơ hoàn thuế bao gồm chứng từ C/O.
Do nội dung thông tin doanh nghiệp cung cấp không cụ thể, không có hồ sơ kèm theo nên đề nghị đơn vị nghiên cứu các quy định về hoàn thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu nêu trên. Trường hợp phát sinh vướng mắc liên hệ với cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan để được hướng dẫn thực hiện.

Người nộp thuế: Công ty TNHH Assurich Việt Nam-29--110
Địa chỉ: Tầng 3 số 41 phố Vũ Phạm Hàm Phường Cầu Giấy Thành phố Hà Nội

Tiền lương từ 5tr trở lên có phải thanh toán bằng tiền mặt không Hóa đơn ko chịu thuế hoặc thuế suất 0% từ 5tr có bắt buộc phải thanh toán bằng chuyển khoản thì mới được tính là chi phí hợp lệ không

Trả lời:

* Tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 320/2025/NĐ – CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ về thuế TNDN quy định:

“c) Khoản chi có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản thanh toán khác từng lần có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên. Chứng từ thanh toán không dùng

tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng.”

Theo quy định nêu trên thì doanh nghiệp có các khoản chi từng lần có giá trị từ 5 triệu đồng trở lên phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì được xác định là khoản chi được trừ khi tính thuế TNDN.

Trường hợp doanh nghiệp có khoản chi thanh toán tiền lương, tiền công trả cho người lao động liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và các khoản thanh toán này được thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng thì khoản thanh toán tiền lương, tiền công trên được xác định là khoản chi phí được trừ khi tính thuế TNDN trong kỳ.

* Trường hợp doanh nghiệp có mua hàng hóa hoặc dịch vụ từ 5 triệu đồng trở lên phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì được xác định là khoản chi được trừ khi tính thuế TNDN.

Người nộp thuế: Công ty cổ phần rượu Bình Tây-26 -111
Địa chỉ: Hồ Chí Minh

Công ty chúng tôi có nhận gia công cho đối tác nước ngoài, trường hợp khách hàng muốn lấy sản phẩm (thành phẩm gia công) để đi chào mẫu thì chúng tôi phải thực hiện thủ tục hải quan như thế nào?

Trả lời:

Thủ tục xuất khẩu hàng mẫu cho khách hàng thực hiện theo thủ tục xuất khẩu sản phẩm gia công căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 61 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 40 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/04/2018 của Bộ Tài chính; được sửa đổi bổ sung tại khoản 33 Điều 1 Thông tư

số 121/2025/TT-BT ngày 18/12/2025 (có hiệu lực từ ngày 01/02/2026 của Bộ Tài Chính)

Đề nghị Công ty căn cứ quy định nêu trên và đối chiếu với thực tế hoạt động của Công ty để thực hiện.

Người nộp thuế: Đặng Thị Thu Hiền-25--112
Địa chỉ: Thanh Xuân _ Hà Nội

Công ty khoán Phụ cấp tiền ăn/ngày + Chi phí di chuyển trong khu vực Công tác, khoán chi phí gửi xe ô tô + rửa xe hàng tháng thì có cần phải có hóa đơn để hợp lệ chi phí không? Chứng từ cần có để hợp lệ khi xác định thu nhập chịu thuế cho khác khoản này?

Trả lời:

Tại điểm h khoản 8 Điều 10 Nghị định số 320/2025/NĐ – CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ quy định:

"h) Chi phụ cấp cho người lao động đi công tác, chi phí đi lại và tiền thuê chỗ ở cho người lao động đi công tác nếu có đầy đủ hóa đơn, chứng từ được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế. Trường hợp doanh nghiệp cử người lao động đi công tác (bao gồm công tác trong nước và công tác nước ngoài) nếu có phát sinh chi phí từ 05 triệu đồng trở lên mà các khoản chi phí này được thanh toán bởi cá nhân bằng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt thì xác định đủ điều kiện là hình thức thanh toán không dùng tiền mặt của doanh nghiệp và tính vào chi phí được trừ nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau: Có hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, pháp luật về hóa đơn, chứng từ do người cung cấp hàng hóa, dịch vụ giao xuất; doanh nghiệp có quyết định hoặc văn bản cử người lao động đi công tác; quy chế tài chính hoặc quy chế nội bộ của doanh nghiệp cho phép người lao động được phép thanh toán khoản công tác phí, mua vé

phương tiện đi lại bởi cá nhân bằng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt và khoản chi này sau đó được doanh nghiệp thanh toán lại cho người lao động.

Trường hợp doanh nghiệp có khoán tiền đi lại, tiền ở, phụ cấp cho người lao động đi công tác và thực hiện đúng theo quy chế tài chính hoặc quy chế nội bộ của doanh nghiệp thì được tính vào chi phí được trừ khoản chi khoán tiền đi lại, tiền ở, tiền phụ cấp;"

Trường hợp doanh nghiệp có các khoản thanh toán liên quan đến khoán chi đồng thời đáp ứng các điều kiện nêu trên thì được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN.

Người nộp thuế: Lê Thị Trang-23--113
Địa chỉ: Kiến Hưng - Hà Nội

Tôi muốn hỏi kê khai hộ kinh doanh: Nếu trong năm phát sinh dưới 500triệu không phải nộp thuế, trong quý tôi làm tờ khai thì có tính thuế bình thường, đến cuối năm mà dưới 500 triệu thì mới được hoàn lại thuế hay sao? Thủ tục hoàn lại thuế như thế nào?

Trả lời:

Đối với vướng mắc của người nộp thuế, hiện nay, Cục Thuế đang trong quá trình xây dựng dự

thảo Thông tư quy định về hồ sơ, thủ tục quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

để trình cấp có thẩm quyền ban hành. Dự thảo dự kiến quy định HKD, CNKD tự xác định mức doanh thu năm từ 500 triệu đồng trở xuống thì thông báo doanh thu thực tế phát sinh trong năm với CQT 01 lần/năm, chậm nhất là ngày 31/01 năm dương lịch tiếp theo.

Người nộp thuế: Trang-22--114
Địa chỉ: Xã Cam Lâm Tỉnh Khánh Hoà

Cty tôi sản xuất và kinh doanh mặt hàng thủy sản, được hưởng ưu đãi thuế TNDN 10% trong suốt thời gian hoạt động cho ngành nghề hoạt động tại địa bàn kinh tế xã hội khó khăn theo TT96/2015. Vậy theo Luật thuế TNDN số 67/2025 và nghị định 320/2025 thì cty tôi có đc hưởng thuế suất 10% theo TT 96 không ạ

Trả lời:

Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 19 Nghị định 320/2025/NĐ – CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ hướng dẫn về Luật thuế TNDN số 67/2025/QH15 quy định thu nhập của doanh nghiệp thuộc ngành nghề sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản và nuôi trồng lâm sản tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn theo quy định của pháp luật đầu tư thì được áp dụng thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động.

Trường hợp năm 2025, Công ty tiếp tục đáp ứng điều kiện sản xuất sản phẩm nông sản, thủy sản theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật về thuế TNDN và thực hiện tại địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn thì tiếp tục được hưởng thuế suất thuế TNDN 10% theo quy định trên cơ sở điều kiện thực tế Công ty đáp ứng.

Người nộp thuế: Công ty TNHH TP Việt Nam-21--115
Địa chỉ: 68 Cầu Giấy - Hà Nội

Công ty có vay tiền trên 10% vốn CSH năm 2023, 2024 chỉ phát sinh nghiệp vụ trả tiền vay thì năm 2024 có bị giao dịch liên kết k? Năm

2025 k phát sinh vay và trả, chỉ còn số dư để lại vẫn trên 10% vốn CSH thì năm 2025 có bị giao dịch liên kết k?

Trả lời:

- Tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết như sau:

"Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

...

2. Các giao dịch liên kết thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này là các giao dịch mua, bán, trao đổi, thuê, cho thuê, mượn, cho mượn, chuyển giao, chuyển nhượng hàng hóa, cung cấp dịch vụ; vay, cho vay, dịch vụ tài chính, đảm bảo tài chính và các công cụ tài chính khác; mua, bán, trao đổi, thuê, cho thuê, mượn, cho mượn, chuyển giao, chuyển nhượng tài sản hữu hình, tài sản vô hình và thỏa thuận mua, bán, sử dụng chung nguồn lực như tài sản, vốn, lao động, chia sẻ chi phí giữa các bên có quan hệ liên kết, trừ các giao dịch kinh doanh đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi điều chỉnh giá của Nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về giá."

- Tại điểm l khoản 2 Điều 5 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết như sau:

"Điều 5. Các bên có quan hệ liên kết

...

2. Các bên liên kết tại khoản 1 Điều này được quy định cụ thể như sau:

....

g) Hai doanh nghiệp được điều hành hoặc chịu sự kiểm soát về nhân sự, tài chính và hoạt động kinh doanh bởi các cá nhân thuộc một trong các mối quan hệ vợ, chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể; anh, chị, em cùng cha mẹ, anh, chị em cùng cha khác mẹ, anh, chị, em cùng mẹ khác cha, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha; ông bà nội, ông bà ngoại; cháu nội, cháu ngoại; cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu ruột;

...

l) Doanh nghiệp có phát sinh các giao dịch nhượng, nhận chuyển nhượng vốn góp ít nhất 25% vốn góp của chủ sở hữu của doanh nghiệp trong kỳ tính thuế; vay, cho vay ít nhất 10% vốn góp của chủ sở hữu tại thời điểm phát sinh giao dịch trong kỳ tính thuế với cá nhân điều hành, kiểm soát doanh nghiệp hoặc với cá nhân thuộc trong một các mối quan hệ theo quy định tại điểm g khoản này."

Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp trong năm tài chính Công ty có phát sinh khoản vay ít nhất 10% vốn góp của chủ sở hữu tại thời điểm phát sinh giao dịch trong kỳ tính thuế với cá nhân điều hành, kiểm soát doanh nghiệp hoặc với cá nhân thuộc một trong các mối quan hệ theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 5 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP thì Công ty và cá nhân cho vay nêu trên được xác định là các bên có quan hệ liên kết. Khi đó, Công ty và các bên có quan hệ liên kết phát sinh giao dịch liên kết theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP thì chi phí lãi vay được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP.

Trường hợp, trong kỳ Công ty và các bên có quan hệ liên kết không phát sinh giao dịch liên kết theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP thì Công ty không thuộc đối tượng áp dụng và phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP.

Người nộp thuế: Lê Thị Trang-20--116
Địa chỉ: Kiến Hưng - Hà Nội

Tôi muốn hỏi kê khai hộ kinh doanh: Nếu trong năm phát sinh dưới 500triệu không phải nộp thuế, trong quý tôi làm tờ khai thì có tính thuế bình thường, đến cuối năm mà dưới 500 triệu thì mới được hoàn lại thuế hay sao? Thủ tục hoàn lại thuế như thế nào?

Trả lời:

Hiện nay, Cục Thuế được Bộ Tài chính giao xây dựng dự thảo Nghị định quy định về quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh để trình cấp có thẩm quyền ban hành. Dự thảo đang dự kiến quy định HKD, CNKD tự xác định có mức doanh thu năm từ 500 triệu đồng trở xuống thì thông báo doanh thu phát sinh trong năm với CQT 01 lần/năm, chậm nhất là ngày 31/01 năm dương lịch tiếp theo.

Người nộp thuế: Đinh Thị Thơm-19--117
Địa chỉ: Ninh Bình

Công ty tôi mua thỏ từ các hợp tác xã (HTX). Để khuyến khích các HTX chăn nuôi thỏ, công ty có quy định xét thưởng : nếu HTX hàng tháng cung cấp số lượng thỏ vượt các định mức thì công ty sẽ thưởng một số tiền tương ứng trên từng con. Cứ cuối mỗi tháng, công ty căn cứ vào số thỏ mà các HTX bán trong tháng để tính toán số tiền thưởng này. Vậy khoản thưởng này các HTX có phải xuất hoá đơn cho Công ty

tôi không? Nếu phải xuất thì thời điểm xuất là khi nào? HTX có thể xuất gộp vào hoá đơn bán thỏ cuối cùng của tháng có được không?

Trả lời:

Căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 70/2025/NĐ-CP) quy định về nguyên tắc lập hóa đơn;

"Điều 4. Nguyên tắc lập, quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ

1. Khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, người bán phải lập hóa đơn để giao cho người mua (bao gồm cả các trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động và tiêu dùng nội bộ (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất); xuất hàng hóa dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa) và các trường hợp lập hóa đơn theo quy định tại Điều 19 Nghị định này. Hóa đơn phải ghi đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 10 Nghị định này. Trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử phải theo định dạng chuẩn dữ liệu của cơ quan thuế theo quy định tại Điều 12 Nghị định này."

Căn cứ khoản 1 Điều 14 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế GTGT về nguyên tắc xác định giá tính thuế giá trị gia tăng (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025).

"Điều 9. Nguyên tắc xác định giá tính thuế giá trị gia tăng

1. Giá tính thuế đối với các loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại Mục này:

a) Bao gồm cả khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá hàng hóa, dịch vụ mà cơ sở kinh doanh được hưởng.

b) Không bao gồm các khoản thu không liên quan đến bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ của cơ sở kinh doanh: các khoản thu về bồi thường bằng tiền (bao gồm cả tiền bồi thường về đất và tài sản trên đất khi bị thu hồi đất theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền), tiền thưởng, thu đòi người thứ ba của hoạt động bảo hiểm, các khoản thu hộ, các khoản thù lao từ cơ quan nhà nước do thực hiện hoạt động thu hộ, chi hộ các cơ quan nhà nước, các khoản thu tài chính."

Về nguyên tắc, trường hợp xác định khoản tiền thưởng không liên quan đến bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ thì không thuộc đối tượng phải tính thuế GTGT và không phải lập hóa đơn, trường hợp xác định khoản tiền thưởng liên quan đến bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ thì tính thuế GTGT và lập hóa đơn theo quy định.

Người nộp thuế: NGÂN-18--118
Địa chỉ: TPHồ Chí Minh

Kính gửi cơ quan thuế, Công ty chúng tôi là công ty vận tải và sắp tới sẽ triển khai sàn TMĐT vận tải cho chủ xe và chủ hàng được tiếp xúc với nhau và thực hiện các hoạt động vận tải hàng hóa. Theo NĐ 117/2025/NĐ-CP tôi có tìm hiểu thì sàn chúng tôi có chức năng thanh toán nên sẽ phải thực hiện khai và nộp thay thuế cho cá nhân kinh doanh với trường hợp chủ xe là cá nhân. Hiện chúng tôi đang chưa biết với việc chủ xe là cá nhân thực hiện chạy dịch vụ qua sàn thì chúng tôi sẽ khải khấu trừ thuế như thế nào, và với việc sàn trung gian nên khi khách hàng yêu cầu xuất hóa đơn trường hợp đó chúng tôi sẽ xuất hóa đơn VAT như thế nào thì phù hợp. Mong được giải đáp. Trân trọng cảm ơn.

Trả lời:

Theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 và Nghị định số 117/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ thì về nguyên tắc như sau:

- Trường hợp Công ty có sàn TMĐT cho các HKD, CNKD thực hiện các giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ thông qua sàn TMĐT (bao gồm cả HKD đăng ký ngành nghề kinh doanh vận tải) thì Công ty thực hiện khấu trừ thuế đối với HKD, CNKD theo quy định tại Nghị định số 117/2025/NĐ-CP. Đối với trường hợp này thì HKD, CNKD thực hiện lập hóa đơn hoặc ủy nhiệm cho Công ty lập hóa đơn theo quy định định Nghị định 123/2020/NĐ-CP và Nghị định 70/225/NĐ-CP của Chính phủ.

- Trường hợp Công ty có sàn TMĐT cho các HKD, CNKD thực hiện các giao dịch mua bán hàng hóa thông qua sàn TMĐT, nhưng việc vận chuyển hàng hóa do Công ty điều hành các lái xe theo hợp đồng hợp tác kinh doanh thì Công ty chỉ thực hiện khấu trừ thuế đối với HKD, CNKD bán hàng trên sàn TMĐT theo quy định tại Nghị định số 117/2025/NĐ-CP, còn với các cá nhân lái xe ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty thì Công ty thực hiện khấu trừ thuế theo quy định tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.

Đối với trường hợp này, về hóa đơn bán hàng hóa thì HKD, CNKD thực hiện lập hóa đơn hoặc ủy nhiệm cho Công ty lập hóa đơn; về hóa đơn dịch vụ vận chuyển thì Công ty thực hiện xuất hóa đơn trên toàn bộ doanh thu vận chuyển.

Người nộp thuế: Công ty TNHH vật tư nước Hà Nội-10--119
Địa chỉ: Thôn Rùa Hạ - xã Tam Hưng - Hà Nội

Kính gửi BTC ! BTC xin hướng dẫn, làm rõ về điểm C khoản 1 Điều 9 NĐ 320/2025/NĐ-CP có ghi khoản chi mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản thanh toán khác có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt từng lần có giá trị từ 5 triệu đồng trở lên sẽ được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN. Vậy các khoản chi khác được ghi trong NĐ này cụ thể là những khoản chi gì? các khoản này có bao gồm tiền lương phải trả cho NLĐ hay không ? Kính mong BTC giải đáp để doanh nghiệp thực hiện đúng theo quy định.

Trả lời:

Tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 320/2025/NĐ – CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ về thuế TNDN quy định:

“c) Khoản chi có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản thanh toán khác từng lần có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên. Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng.”

Theo quy định nêu trên thì doanh nghiệp có các khoản chi từng lần có giá trị từ 5 triệu đồng trở lên phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì được xác định là khoản chi được trừ khi tính thuế TNDN.

Trường hợp doanh nghiệp có khoản chi thanh toán tiền lương, tiền công trả cho người lao động liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và các khoản thanh toán này được thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng thì khoản thanh toán tiền lương, tiền công trên được xác định là khoản chi phí được trừ khi tính thuế TNDN trong kỳ.

Người nộp thuế: Nippon Zoki Việt Nam-9-t-120
Địa chỉ: Ninh Bình

Công ty tôi mua thỏ từ các hợp tác xã (HTX). Để khuyến khích các HTX chăn nuôi thỏ, công ty có quy định xét thưởng : nếu HTX hàng tháng cung cấp số lượng thỏ vượt các định mức thì công ty sẽ thưởng một số tiền tương ứng trên từng con. Cứ cuối mỗi tháng, công ty căn cứ vào số thỏ mà các HTX bán trong tháng để tính toán số tiền thưởng này. Vậy khoản thưởng này các HTX có phải xuất hoá đơn cho Công ty tôi không?

Trả lời:

Căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 70/2025/NĐ-CP) quy định về nguyên tắc lập hóa đơn;

"Điều 4. Nguyên tắc lập, quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ

1. Khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, người bán phải lập hóa đơn để giao cho người mua (bao gồm cả các trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động và tiêu dùng nội bộ (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất); xuất hàng hóa dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa) và các trường hợp lập hóa đơn theo quy định tại Điều 19 Nghị định này. Hóa đơn phải ghi đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 10 Nghị định này. Trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử phải theo định dạng chuẩn dữ liệu của cơ quan thuế theo quy định tại Điều 12 Nghị định này."

Căn cứ khoản 1 Điều 14 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của

Luật Thuế GTGT về nguyên tắc xác định giá tính thuế giá trị gia tăng (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025).

"Điều 9. Nguyên tắc xác định giá tính thuế giá trị gia tăng

1. Giá tính thuế đối với các loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại Mục này:

a) Bao gồm cả khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá hàng hóa, dịch vụ mà cơ sở kinh doanh được hưởng.

b) Không bao gồm các khoản thu không liên quan đến bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ của cơ sở kinh doanh: các khoản thu về bồi thường bằng tiền (bao gồm cả tiền bồi thường về đất và tài sản trên đất khi bị thu hồi đất theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền), tiền thưởng, thu đòi người thứ ba của hoạt động bảo hiểm, các khoản thu hộ, các khoản thù lao từ cơ quan nhà nước do thực hiện hoạt động thu hộ, chi hộ các cơ quan nhà nước, các khoản thu tài chính."

Về nguyên tắc, trường hợp xác định khoản tiền thưởng không liên quan đến bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ thì không thuộc đối tượng phải tính thuế GTGT và không phải lập hóa đơn, trường hợp xác định khoản tiền thưởng liên quan đến bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ thì tính thuế GTGT và lập hóa đơn theo quy định.

Người nộp thuế: Nguyễn Thị việt Anh-6-G-121
Địa chỉ: Đội 7 Áng Hạ Xã Hồng Sơn Hà Nội

Kính thưa cán bộ, em kihh doanh trên sàn TMDT Shopee và Tiktok , sàn có chức năng thanh toán. Hiện tại sàn đã thu thuế 1.5% (thuế GTGT =1%, Thuế TNCN 0.5%). Em là hộ trên >3 tỷ/1 năm. Cán Bộ cho em hỏi, sàn đã thu và khấu trừ nộp thuế thay. Thì cuối năm em có phải

làm quyết toán thuế TNCN theo doanh thu nhóm 3 : Doanh Thu- Chi Phi x 17% không ạ ?

Trả lời:

Căn cứ quy định tại Điều 7 Luật Thuế Thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15, thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ kinh doanh của cá nhân cư trú có doanh thu năm trên 3 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng được xác định bằng thu nhập tính thuế (doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra trừ (-) đi chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ tính thuế) nhân với thuế suất 17%.

Theo thẩm quyền được giao, hiện nay Bộ Tài chính đang chủ trì xây dựng Nghị định quy định về chính sách thuế, quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, trong đó sẽ quy định nội dung quyết toán thuế.

Người nộp thuế: HÀ NGỌC TUẤN-7-C-122
Địa chỉ: Tòa 2A Chung cư Hưng Thịnh Phường Kiến Hưng TP Hà Nội

Theo Nghị định 320/2025/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 15/12/2025, đối với khoản tiền lương, tiền công trả cho người lao động từ 5 triệu đồng trở lên trong một lần chi trả, doanh nghiệp có bắt buộc phải thanh toán không dùng tiền mặt (chuyển khoản) để được tính vào chi phí được trừ khi quyết toán thuế TNDN hay không? Nếu có, xin cơ quan thuế hướng dẫn thêm về cách áp dụng

Trả lời:

Tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 320/2025/NĐ – CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ về thuế TNDN quy định:

“c) Khoản chi có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản thanh toán khác từng

lần có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên. Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng.”

Theo quy định nêu trên thì doanh nghiệp có các khoản chi từng lần có giá trị từ 5 triệu đồng trở lên phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì được xác định là khoản chi được trừ khi tính thuế TNDN.

Trường hợp doanh nghiệp có khoản chi thanh toán tiền lương, tiền công trả cho người lao động liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và các khoản thanh toán này được thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng thì khoản thanh toán tiền lương, tiền công trên được xác định là khoản chi phí được trừ khi tính thuế TNDN trong kỳ.

Người nộp thuế: Công Ty TNHH Xây Dựng Minh An HD-5-T-123
Địa chỉ: TP Hải Phòng

Công ty chúng tôi hiện đang thuê nhà của cá nhân để làm văn phòng với giá thuê dưới 100 triệu đồng/năm. Theo quy định, cá nhân có nhà cho thuê phải đăng ký thuế cho thuê tài sản và thực hiện kê khai thuế kể cả trong trường hợp chưa đến mức phải nộp thuế GTGT, TNCN. Hiện việc khai thuế điện tử chỉ thực hiện được sau khi cá nhân đã đăng ký thuế cho thuê tài sản theo mẫu 03-ĐK-TCT. Cá nhân đã thực hiện khai mẫu 03-ĐK-TCT - Tờ khai đăng ký (Dùng cho hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh) (TT86/2024) qua cổng Dịch vụ công Thuế Nhà nước nhưng không có mục đính kèm hồ sơ, tài liệu và không được chấp nhận. Vậy, việc đăng ký thuế cho thuê tài sản theo mẫu 03-ĐK-TCT - Tờ khai đăng ký (Dùng cho hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh) (TT86/2024) đã thực hiện kê khai trực

tuyến qua cổng Dịch vụ công thuế Nhà nước được chưa hay cá nhân phải nộp hồ sơ bản cứng trực tiếp tại cơ quan thuế để được xử lý?

Trả lời:

Việc đăng ký thuế theo mẫu 03-ĐK-TCT theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC hiện nay đã thực hiện trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của Bộ Tài chính (https://dichvucong.mof.gov.vn). Thành phần hồ sơ đăng ký thuế thực hiện theo quy định tại Thông tư số 86/2024/TT-BTC như sau:

- Đối với cá nhân là người có quốc tịch Việt Nam có số định danh cá nhân: Hồ sơ là Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư 86/2024/TT-BTC, hoặc hồ sơ khai thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế (quy định tại điểm a.2 khoản 1 Điều 22 Thông tư số 86/2024/TT-BTC).

- Đối với cá nhân cho thuê nhà là người nước ngoài hoặc người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài không có số định danh cá nhân: Hồ sơ gồm Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư 86/2024/TT-BTC hoặc hồ sơ khai thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế; Bản sao Hộ chiếu còn hiệu lực của cá nhân (quy định tại điểm a.2 khoản 2 Điều 22 Thông tư số 86/2024/TT-BTC).

Nếu NNT đã đăng ký trên Cổng dịch vụ công của Bộ Tài chính (https://dichvucong.mof.gov.vn) theo đúng quy định nêu trên nhưng không được chấp nhận thì người nộp thuế cần kiểm tra Thông báo của cơ quan thuế gửi cho NNT qua địa chỉ thư điện tử đã đăng ký để biết lý do không được chấp nhận và điều chỉnh cho phù hợp hoặc liên hệ với Thuế cơ sở trên địa bàn để được hướng dẫn cụ thể (một số lý do thường gặp như: thông tin của cá nhân chưa khớp với cơ sở dữ liệu

quốc gia về dân cư; trùng thông tin với cá nhân khác đã đăng ký thuế trước đó với cơ quan thuế).

Người nộp thuế: Công ty TNHH Naharu Việt Nam-3-H-124
Địa chỉ: Hà Nội

Luật thuế GTGT thuế 5% với SP nông sản xuất khẩu có thực sự phù hợp không? Doanh nghiệp XK nông sản khó khăn phần thuế này

Trả lời:

Ngày 11/12/2025, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế GTGT, theo đó quy định "Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mua sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khác thì không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng nhưng được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào"

Người nộp thuế: Công ty TNHH Leputai Việt Nam-1-S-125
Địa chỉ: Hải Phòng

1). Doanh nghiệp chúng tôi là DNCX hiện tại đang hoạt động theo hình thức mua nguyên liệu về sản xuất thành phẩm xuất bán cho khách hàng cũng là DNCX. Nhưng hiện tại khách hàng đang có mong muốn cung ứng cho chúng tôi một phần nguyên vật liệu, phần còn lại vẫn là chúng tôi tự thu mua từ một nguồn khác bên ngoài. Như vậy trong trường hợp này thì doanh nghiệp chúng tôi có được áp dụng với hình thức gia công hay không? Để đáp ứng được thì chúng tôi cần thêm những hồ sơ gì? Rất mong nhận được sự hướng dẫn bằng văn bản của quý cơ quan? 2). Công ty là Doanh nghiệp chế xuất, nhập nguyên vật liệu về lắp ráp sản xuất sau đó bán đi. Trường hợp cùng là 1 sản phẩm đó, nhưng khách hàng sẽ cung cấp nguyên vật liệu cho bên mình để

bên mình lắp ráp, như vậy thì trong trường hợp này bên mình có cần phải thay đổi ĐKKD, GCNĐT hay không? Và có cần phải đăng ký cơ sở gia công hay không?

Trả lời:

1) Về việc áp dụng hình thức gia công

- Điều 178 Luật Thương mại quy định: *Gia công trong thương mại là hoạt động thương mại, theo đó bên nhận gia công sử dụng một phần hoặc toàn bộ nguyên liệu, vật liệu của bên đặt gia công để thực hiện một hoặc nhiều công đoạn trong quá trình sản xuất theo yêu cầu của bên đặt gia công để hưởng thù lao.*

Đối chiếu với hoạt động của Công ty sử dụng một phần nguyên liệu của khách hàng để sản xuất thành phẩm thì có thể áp dụng hình thức gia công theo quy định dẫn trên.

- Về hoạt động nhận gia công cho thương nhân nước ngoài được quy định tại mục 1 Chương IV Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

- Khoản 1 Điều 39 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 21 Điều 1 Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định Tổ chức, cá nhân lần đầu tiên nhập khẩu hàng hóa để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu thuộc trường hợp kiểm tra cơ sở sản xuất.

Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa gia công cho thương nhân nước ngòai được thực quy định tại mục 1, mục 2 chương III Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ

Tài chính, được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 121/2025/TT-BTC ngày 18/12/2025 (có hiệu lực từ ngày 01/02/2025) của Bộ Tài chính

2) Căn cứ Điều 71 Luật Đầu tư, Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư thì DNCX phải hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Trường hợp hoạt động thay đổi dự kiến của Công ty nêu trên phù hợp với ĐKKD, GCNĐT thì Công ty không phải thực hiện thay đổi ĐKKD, GCNĐT.

- Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 25/01/2015 được sửa đổi bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 quy định:

1. Thông báo cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu

a) Trước khi làm thủ tục nhập khẩu lô hàng nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị đầu tiên để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, tổ chức, cá nhân thông báo cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành cho cơ quan hải quan quản lý địa bàn nơi có cơ sở sản xuất thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan;

b) Trường hợp thay đổi nội dung thông báo cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu dẫn đến thay đổi mặt bằng, địa chỉ, quy mô sản xuất, người đại diện theo pháp luật của thương nhân, ngành nghề kinh doanh có điều kiện, đưa đi gia công lại, thay đổi nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu thì phải thông báo với cơ quan hải quan trước khi nhập khẩu, đưa nguyên liệu, vật tư, máy móc,

thiết bị, bán thành phẩm, sản phẩm đến nơi nhận gia công lại, địa điểm lưu giữ mới. Trường hợp có sự thay đổi ngoài các nội dung nêu trên thì phải thông báo cho cơ quan hải quan chậm nhất vào ngày thứ mười tháng đầu tiên của quý kế tiếp kể từ ngày phát sinh thay đổi.

Căn cứ quy định trên, trường hợp Công ty đã thực hiện thông báo cơ sở gia công, sản xuất hàng hoá xuất khẩu, nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu nhưng thay đổi nội dung đã thông báo thì phải thực hiện thông báo với cơ quan hải quan trước khi nhập khẩu, đưa nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, bán thành phẩm, sản phẩm đến nơi nhận gia công lại, địa điểm lưu giữ mới.

Mr Wick Kiểm toán